

TOUS LES ARTICLES SONT EN FRANÇAIS
avec traduction juxtalinéaire en Annamite pour la plupart

1925-24 - No 5-6

Mars - Juin

REVUE DU F.E.A.
VIET NAM THANH NIEN TAP CHI
Français-Annamite Pháp-Vân Việt-Vân



Cơ Quan Của VIET NAM THANH NIEN HỘI

Số kép này: 0,80 Hai tháng xuất bản một kỳ

Mua đồng tiền \$20

BULLETIN DU FOYER DES ETUDIANTS ANNAMITES

autorisé par Arrêté en date du 6 mai 1922

(Bilingue & paraissant tous les deux mois)

VIỆT - NAM THANH - NIÊN HỘI

*Công-cuộc mở mang luân-lý cho thiếu-niên An-nam
đừng hấn ngoại những vấn-đề chính-trị và tôn-giáo.*
5, Phố Vọng-Đức, Hanoi, Tonkin. — Téléphone : 328

HỘI BẢO-CHỦ

- MM. MONGUILLOT, Thống-sứ Bắc-Kỳ,
- ROBIN, Phó Toàn-quyền Đông-Pháp,
- Bác-sĩ COGNACQ, Thống-Đốc Nam kỳ,
- BLANGUERNON, Học-hiệu Thanh-tra, Quyền Giám Đốc Đông-Pháp Học-chánh,
- MUS, Giám-Đốc trường Sư-Phạm,
- Đại-nhân : HOÀNG-CAO-KHẢI, Nguyên Kinh-lược Bắc-kỳ,
- THÂN-TRỌNG-HUỆ, Thượng-thư Bộ-Binh kiêm Bộ-Học,
- HOÀNG-TRỌNG-PHU, Tổng-Đốc Hà-Đông,
- PHẠM-VĂN THỤ, Thượng-thư Bộ Hộ.
- LÊ-TRUNG-NGỌC, Tổng-Đốc, Cố-vấn Tòa Thượng-thẩm.
- TRẦN-VĂN-THÔNG, Tổng-Đốc, Cố-vấn Tòa Thượng-thẩm,

Danh-dự Hội-Trưởng :

Quan Cai-tri Louis MARTY, Chánh tòa Chính-trị phủ Toàn-quyền.

PHÒNG ĐỌC SÁCH. — Các thứ tạp-chí và các thứ báo : L'illustration, Les Annales, Les Lectures pour tous, Je sais tout, La Nature, La Revue Scientifique, La Science et la Vie, La Revue du Pacifique, La Nouvelle revue française. La Revue Bleue, La Revue Mondiale, La Revue de Paris, La Revue Indigène, La Revue Métapsychique, La Revue Spirite, Lisez-moi, Le Message Théosophique, Le temps, Les Annales Coloniales, Le Monde colonial illustré, L'illustré de la province et des colonies, La Revue Naturaliste, Conferencia, Gazette des messageries maritimes, Le Journal des Coloniaux, Le Semeur.

La Revue Indochinoise, Les Pages Indochinoises, Le Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, Le Bulletin général de l'Instruction publique, La Revue du Tourisme, Tạp-chí Nam-phong, Hữu-thanh, Khoa-học, France Indochine, Le Courrier d'Haiphong, L'Indépendance Tonkinoise, L'Eveil Economique, Les Sports Indochinois, Trung-Bắc Tân-Văn, Khai-Hóa nhật-báo, Thực-Nghiệp dân-báo, La Tribune Indigène, La Voix Annamite, L'appel, Le Réveil Saigonnais, Le An-hoà báo, Trung-Hòa Nhật-báo, Đông-Pháp Thời-báo, vân vân...

BUỒNG CHƠI — Có 200 bộ đồ chơi hội hợp, máy hát, máy chớp ảnh

PHÒNG TRÀ NƯỚC. — NHÀ ĂN CƠM.

Ở LƯU TRÚ. — (Cả điện, nước, vòi tắm) cơm ăn mỗi tháng 9\$ hay là 13\$50. (đẻ riêng cho hội-viên).

THƯ VIỆN. — Có 1.000 quyển sách để cho hội-viên mượn (6 quyển trong tuần lễ) có gửi sách cho hội-viên các tỉnh, muốn mượn để tiện bảo-chứng rồi sau trả lại.

DIỄN-THUYẾT. — Giảng dạy về luân-lý và cách-trí phổ-thông.

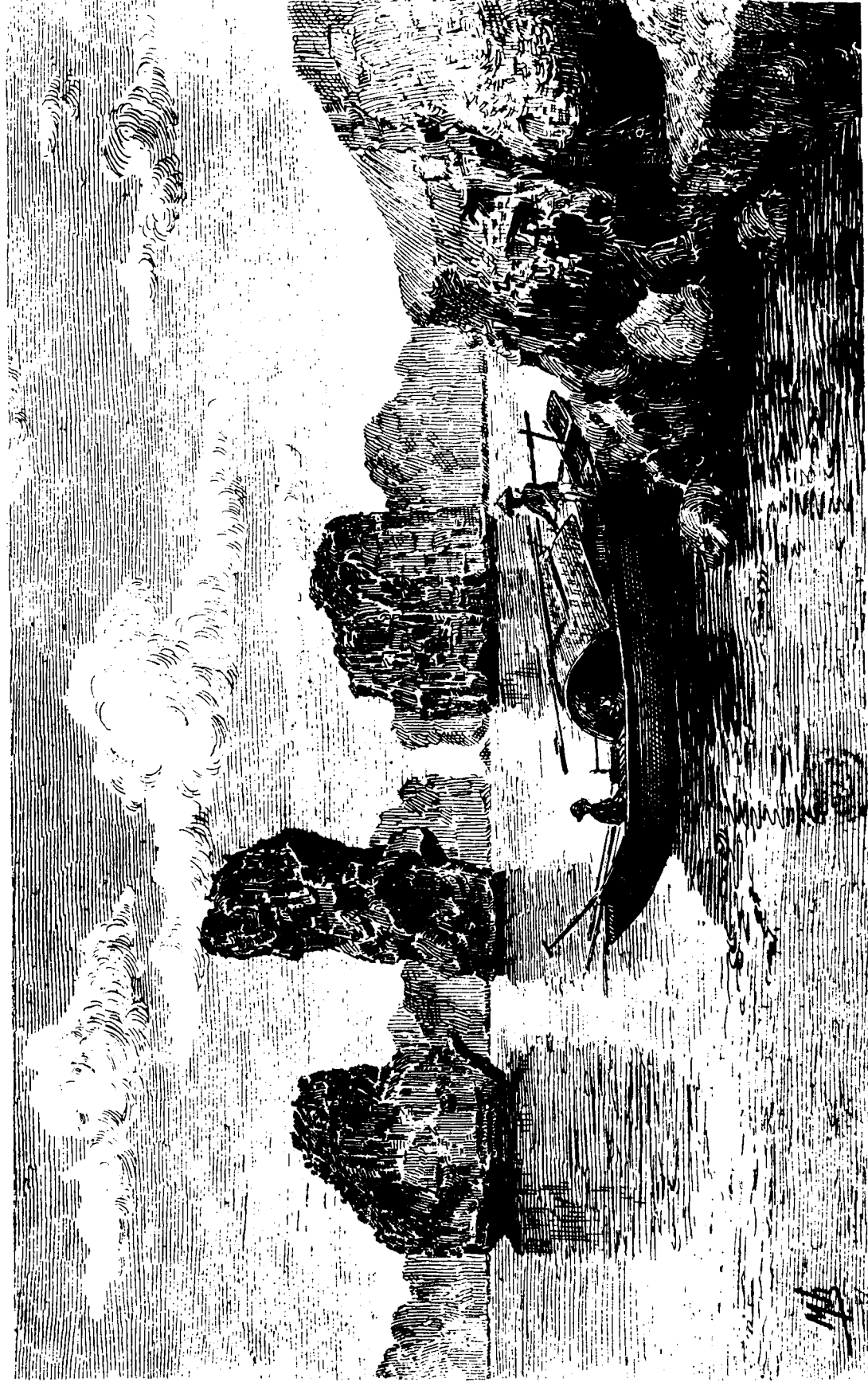
DU-QUAN. — Đưa đi xem những lâu-đài cổ-tích và các sở công-nghệ

HỘI-HỢP ĐÀM-ĐẠO, v.v.

Tiền lệ vào hội : 0\$50. — Tiền nguyệt-cấp : 0\$20.

VỊNH HẠ-LONG
tranh vẽ của MẠNH-HƯNG

EN BAIE D'ALONG
dessin par MẠNH-HƯNG



REVUE DU F. E. A.

1923-24 — Nos 5-6

Mars — Juin

VIỆT NAM THANH NIÊN

TẠP-CHÍ

Năm 1923-24 — Số 5-6

Mars — Juin

Abonnement d'un an

France : 20 f. 00

Etranger : 3 \$ 00

C. 72



IN TAI
NHÀ IN THỰC-NGHIỆP
43, Phố Hoàn-Kiểm. 43
HANOI

YẾU-MỤC

	Trang
1 — TÌNH THÀNH-THỰC CỦA NGƯỜI NAM, VŨ-TAM-TẬP soạn	290
2 — TƯ-TƯỚNG (trích quyền " <i>Livre de la Sagesse</i> " của P. SALLET)	tạp
3 — NÓI VỀ CÁCH CHỌN NGHỀ — Trích quyền " <i>Trước khi chọn nghề mà làm</i> " của E. MAUVEZIN, BÙI-HUY-CƯỜNG dịch	322
4 — Ở XỨ DỠ-DANG, trích quyền " <i>Par le sourire</i> " của CH. WAGNER, VŨ-VĂN-ĐÌNH dịch	348
5 — TRẺ CON DẠY NGƯỜI LỚN, BÙI HUY-CƯỜNG soạn	358
6 — CHO KẸ NGHÈO — Trích bài " <i>Pour les Pauvres</i> " của VICTOR HUGO, ĐẶNG-TÍCH-THIỆN dịch ra vần-văn	368
7 — HAI CUỘC ĐI XEM MÃY NHÀ QUÝ-QUỐC CỦA BẢN-HỘI, HỘI-ĐỒNG TRỊ-SỰ soạn	374
8 — LÝ-THỊ VỌNG PHU, bài ca của cô-nhân, NGUYỄN-ỨNG dịch pháp-văn (<i>bài nổi vd hết</i>)	386
9 — CHÍNH-SÁCH THUỘC-ĐỊA CỦA ĐÀI-PHÁP Ở ĐÔNG-PHÁP, A. KLOBUKOWSKI soạn (Trích báo " <i>La Revue Bleue</i> ")	400
10 — CON QUẠ CÓ NGHĨA, truyện tấu, TRẦN-TRỌNG-TIÊM dịch việt-văn, TRƯƠNG QUỐC-HIẾN dịch pháp-văn	416
11 — TRUYỆN DOMINIQUE, tiểu-thuyết của E. FROMENTIN, N. Đ dịch	428
12 — MẶT GƯƠNG, trích quyền " <i>Contes et Légendes du Bouddhisme chinois</i> " của ED. CHAVANNES, NGUYỄN-BÂN dịch	458
13 — ĐÊM, thơ bát-cú, BÙI-HUY-CƯỜNG soạn, P. M. dịch thơ tây	466
14 — BỐN CÁI MONG CỦA THẦY KÝ, thơ bát-cú, HỒ-TRỌNG-HIỆU soạn	468
15 — "MẢNH GƯƠNG ĐỜI:" MẤY LỜI LƯỢC-THUẬT ĐÀI-Ý, TRẦN-TUẤN-KHẢI soạn	470
16 — BẢNG DANH-DỰ CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM, TÒA-SOẠN ghi-chép	478
17 — THƯ-TÍN CỦA H. V. N. T. N.	486
18 — KỸ-THUẬT TÀI-CHÍNH CỦA H. V. N. T. N.	527
19 — KÍNH-CÁO ĐỘC-GIẢ, của TÒA-SOẠN	534
20 — MỘT TỜ BÂM-CÁO	546
21 — MỘT BỨC THƯ	558
22 — MẤY LỜI KẾT-CỤC, P. MONET soạn	562

SOMMAIRE

	Pages
1 — DE LA SINCÉRITÉ CHEZ LES ANNAMITES, par VŨ-TAM TẬP	291
2 — PENSÉES (extraites du " <i>Livre de la Sagesse</i> " par P. SALLET.)	diverses
3 — DU CHOIX D'UNE CARRIÈRE — Extraits de " <i>Avant de choisir son métier</i> " par F. MAUVEZIN, traduction par BÙI-HUY-CƯỜNG	323
4 — AU PAYS « D'À PEU-PRÈS », extrait de " <i>Par le Sourire</i> " par Ch. WAGNER, traduction par VŨ-VĂN-ĐÌNH	349
5 — LA LEÇON D'UN PETIT, par BÙI-HUY-CƯỜNG	359
6 — EXTRAIT DE « POUR LES PAUVRES » par V. HUGO, traduction en vers annamites par ĐẶNG-TÍCH-THIỆN	369
7 — DEUX VISITES DU F. E. A. A DES FRANÇAIS. par LE COMITÉ	375
8 — PENSÉES DE SOLITUDE DE LÝ-THỊ, ancien poème annamite anonyme, traduction par NGUYỄN-ỨNG (<i>suite et fin</i>)	387
9 — LA MÉTHODE FRANÇAISE EN INDOCHINE, par A. KLOBUKOWSKI, (extrait de " <i>la Revue Bleue</i> ")	401
10 — LE CORBEAU RECONNAISSANT, récit chinois, traductions en annamite par TRẦN-TRỌNG-TIÊM et en français par TRƯƠNG-QUỐC-HIẾN	417
11 — DOMINIQUE, Roman par E. FROMENTIN, traduction par N. D.	429
12 — FACE DE MIROIR, extrait de " <i>Contes et Légendes du Bouddhisme chinois</i> " par ED. CHAVANNES, traduction par NGUYỄN-BÂN	459
13 — LA NUIT, poésie par BUI-HUY-CƯỜNG, traduction en vers français par P. M.	467
14 — LES QUATRE ESPÉRANCES DU SECRÉTAIRE, poésie par HỒ-TRỌNG-HIỆU	469
15 — ANALYSE DE « LE MIROIR DE LA VIE » par TRẦN-TUẤN-KHẢI	471
16 — TABLEAU D'HONNEUR ANNAMITE, par LA RÉDACTION	479
17 — BOITE AUX LETTRES DU F. E. A.	487
18 — COMPTE-RENDU FINANCIER DU F. E. A.	527
19 — A NOS LECTEURS, par LA RÉDACTION	535
20 — UN RAPPORT	547
21 — UNE LETTRE	558
22 — CONCLUSIONS, par P. MONET	562

TRANH VẼ (phụ-đồ) :

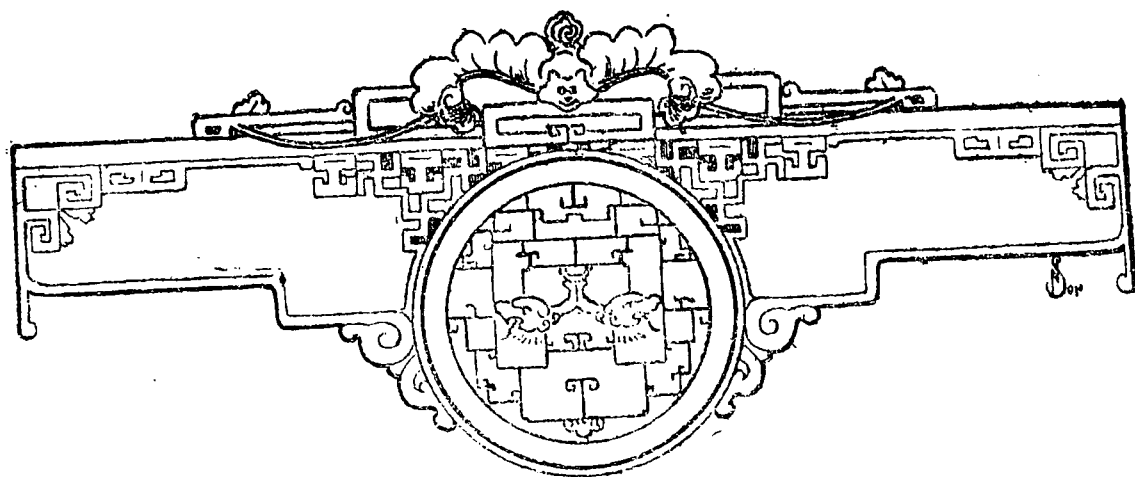
1 — VỊNH HÀ-LONG, tranh vẽ của MẠNH-HƯNG	285
2 — CHÙA MỘT-CỘT hay là NHẤT-TRỤ, tranh vẽ của NAM-SƠN.	291
3 — H. V. N. T. N. ĐI DU-QUAN XƯƠNG LAMARCHE ngày 6-4-24	377
4 và 5 — H. V. N. T. N. ĐI DU-QUAN ĐỒN-ĐIỀN BOREL ngày 4 - 5 - 24.	381-383
6 — CÁC HỘI-VIÊN V. N. T. N. DIỄN TẤN KỊCH « MẠNH GƯƠNG ĐỜI ».	471
7 — «MẠNH GƯƠNG ĐỜI» HỒI I — KỊCH 3	473
8 — » HỒI I — KỊCH 6	473
9 — » HỒI II — KỊCH 2	475
10 — » HỒI II — KỊCH 5	475
11 — » HỒI III — KỊCH 10	477
12 — » HỒI III — KỊCH 18	477
13 — NHẤT NGHỆ TINH, NHẤT THÂN VINH, tranh yếm khôi-hài của MẠNH-HƯNG.	481
14 — RỒ CAY ĐẮNG ! — Tranh vẽ khôi-hài của NAM-SƠN.	483
15 MỘT VÁN BI-A Ở V. N. T. N. H., tranh vẽ khôi-hài của HỒ-TRỌNG-HIỆU	485
16 — BỰC BỐ-KINH, tranh vẽ khôi-hài của HỒ-TRỌNG-HIỆU	485
17 và 18 — TẤN KỊCH « LE GENDARME EST SANS PITIÉ » DIỄN Ở H. V. N. T. N.	507
19 — NGÀY HỘI-TIỆT CỦA H. V. N. T. N. (13-4-24) CỒNG VÀO	507
20 -- » — CUỘC THI ĂN MẶC LẠ.	507
21 và 22 — H. V. N. T. N. ĐI XEM CÁC MÁY HƠI NƯỚC Ở SỞ MÁY ĐIỆN HANOI, ngày 25-5-24.	517
23 -- BẢN-ĐỒ TOÀN-THỂ H. V. N. T. N.	557
24 — BẢN ĐỒ NHÀ H. V. N. T. N.	—
25 — CỬA CHÍNH H. V. N. T. N.	—
26 -- NHÀ H. V. N. T. N.	—
27 CỬA VÀO NHÀ H. V. N. T. N.	—
28 -- KHÁNH-THÀNH H. V. N. T. N.	—
29 -- THƯ-VIÊN H. V. N. T. N.	—
30 — MỘT PHÒNG LƯU-TRÚ HỘI-VIÊN.	—
31 — CÁI VƯỜN Ở GIỮA NHÀ ĂN VÀ NHÀ HỘI.	—
32 — NHÀ ĂN CỦA H. V. N. T. N.	—

Số này có một tập in nhan-đề và mục-lục cuốn tạp-chí thứ II (1er Janvier — 1er Juillet 1924)

ILLUSTRATIONS en hors-texte

1 — EN BAIE D'ALONG, dessin à la plume par MẠNH-HƯNG	285
2 — PAGODE DE UNE COLONNE ou DE NHẤT-TRỤ, dessin par NAM-SƠN	291
3 — VISITE DU F. E. A. AUX ÉTABLISSEMENTS LAMARCHE le 6-4-24	377
4 et 5 — VISITE DU F. E. A. À LA CONCESSION BOREL le 4 5-24	381-383
6 — « LE MIROIR DE LA VIE » — GROUPE DES ACTEURS DU F. E. A.	471
7 — LE MIROIR DE LA VIE — ACTE I, SCÈNE 3	473
8 — — id — — ACTE I, SCÈNE 6	473
9 — — id — — ACTE II, SCÈNE 2	475
10 — — id — — ACTE II, SCÈNE 5	475
11 — — id — — ACTE III, SCÈNE 10	477
12 — — id — — ACTE III, SCÈNE 18	477
13 — « N'Y A PAS DE SOT MÉTIER, dessin humoristique par MẠNH-HƯNG	481
14 — « AMERTUME, dessin humoristique par NAM-SƠN	483
15 — « UNE PARTIE DE BILLARD AU F. E. A., dessin humoristique par HỒ-TRỌNG-HIỆU	485
16 — « SA LÉGITIME, dessin humoristique par HỒ-TRỌNG-HIỆU	485
17 et 18 — « LE GENDARME EST SANS PITIÉ » AU F. E. A.	507
19 — FESTIVAL AU F. E. A. le 13-4-24 — L'ENTRÉE	507
20 — — id — — LES TRAVES-TIS	507
21 et 22 — VISITE DU F. E. A. À L'USINE ÉLECTRIQUE	517
23 — F. E. A. — PLAN D'ENSEMBLE	557
24 — id — PLAN DE L'IMMEUBLE	-id-
25 — id — ENTRÉE PRINCIPALE	-id-
26 — id — IMMEUBLE	-id-
27 — id — ENTRÉE	-id-
28 — id — INAUGURATION	-id-
29 — id — BIBLIOTHÈQUE	-id-
30 — id — VUE D'UNE CHAMBRE DE PENSIONNAIRE	-id-
31 — id — JARDIN ENTRE L'IMMEUBLE ET LE RESTAURANT	-id-
32 — id — RESTAURANT	-id-

Le présent numéro contient les titres et tables des matières du Tomé II de la Revue du F. E. A. (1er Juillet 1924)



TÍNH THÀNH-THỰC CỦA NGƯỜI NAM

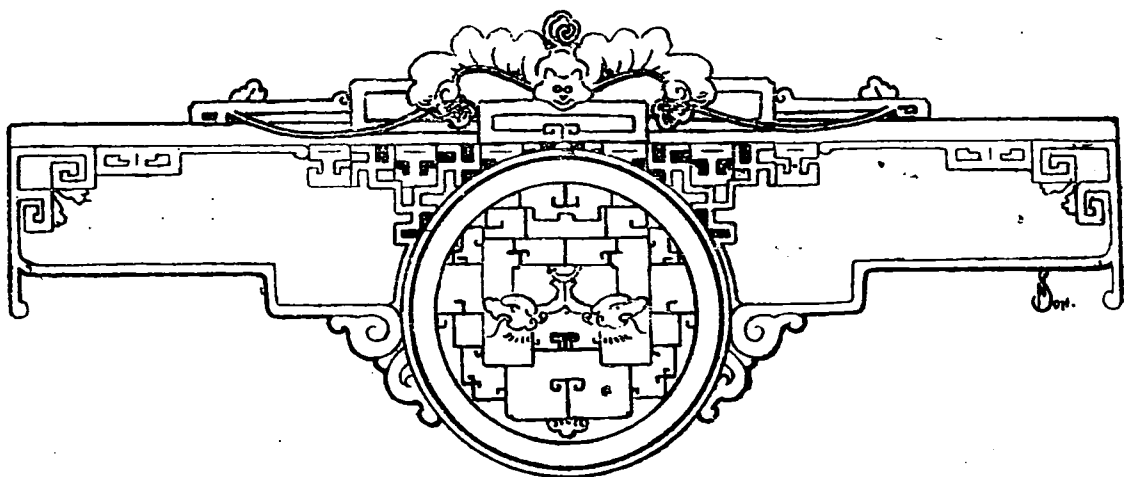
VỀ TAM-TẬP soạn

Những nhà soạn-giả chuyên-tâm khảo-sát về dân-tộc ta đều công-nhận rằng: “ người Nam mình kém tính thực-thà lắm”. Người thì nói sượng ngay rằng: « Dân An-nam là dân nói dối», kẻ thì nói nhẹ hơn rằng: « Người An-nam không được thực-thà ». Các quan giáo-sư ta cũng thường quở-mắng ta về cái nết xấu ấy. Lời đó chẳng phải là lời khen cho chủng-loại ta-thật, song ta cũng chớ vội lấy làm giận. Trong bọn chúng ta cũng lắm người có tính động một tý là mích lòng quá-dáng ngay. Hễ một lẽ phải gì không đẹp lòng ta là ta nhất thiết không công-nhận. Về sự đó, ta nên kể cái thí dụ sau này: « Ở trong một quyển sách tây kia, có một câu rằng: « Người Nam không có tính hiếu-năng ». Câu ấy có thể gọi là chân lý được, thế mà có kẻ phê ngay vào câu đó một chữ « không thực ». Trong quyển sách ấy còn nhiều lời nghiệm sát khác cũng đích đáng lắm mà cũng bị người gạch đi nhiều; những câu ấy chẳng qua chỉ vì không làm được đẹp ý các người đọc sách hay động lòng kia mà đến nỗi bị xoá đi như thế. » Ta thấy thanh-niên ta hay bị cái tật ương-trái ấy mà rất lấy làm thương-tâm. Nó tức là một sự cản-trở bước tiên-hóa của thanh-niên ta vậy. Khi ta cứ tự-phụ quá thì thật là ta chưa thiết gì đến sự tu-thân cho



Chùa Một-Cột
hay là Nhật-Trụ.
tranh của NAM-SƠN.

Pagode de Une-Colonne
ou de Nhật-Trụ.
dessin par NAM-SƠN.



DE LA SINCÉRITÉ CHEZ LES ANNAMITES

par VŪ-TAM-TẬP

Les auteurs des ouvrages consacrés à l'étude de notre peuple sont d'accord sur ce point : « La vertu de franchise manque chez le peuple annamite » Les uns, sous une forme violente, disent : « L'Annamite est menteur ». Les autres, avec réserve : « L'Annamite n'est pas franc ». Nos professeurs aussi ont souvent à nous reprocher ce défaut. Certes, ce n'est pas un éloge à l'adresse de notre race, mais ne nous hâtons pas de nous en fâcher. Certains d'entre nous font vraiment preuve de susceptibilité exagérée. Ils se refusent à accepter toute vérité, quand elle n'est pas flatteuse pour notre peuple. Citons à ce sujet l'exemple que voici : Nous avons lu dans un ouvrage français cette phrase : « L'Annamite n'est pas curieux ». C'est la vérité même. Aucun de nous ne peut raisonnablement soutenir le contraire... et cependant en regard de cette phrase, nous avons remarqué cette annotation : « C'est faux ». D'autres observations non moins judicieuses de ce livre avaient été biffées, tout simplement parce qu'elles n'avaient pas eu la chance de plaire à ces lecteurs susceptibles. Nous déplorons ce travers d'esprit particulièrement accusé chez notre jeunesse. Il est un obstacle à son progrès. On est bien loin du désir de perfectionnement, lors qu'on a une trop bonne opinion de soi ! Nous n'ignorons pas que certains Français, par suite

hoàn-mỹ vậy. Nhiều người Pháp chưa am-hiểu dân-tộc ta lắm thường ngày ngày phạm nhiều sự sai-lầm làm cho ta mất lòng quá-đáng, sự đó ta cũng không lạ gì, nhưng cũng có nhiều người thành-tâm yêu-mên ta và muốn làm những việc hay cho ta, thành thử những người ấy đem hết trí-lực tài-năng mà khảo-sát suy-tâm về tính-tình phong-tục của quốc-dân ta. Vì thế những sự sát-nghiệm của hạng người này rất là đích-đáng, ta nên vì quyền-lợi ta mà lưu-tâm chú-ý đến.

Các đồng-bào ta có nhiều người thấy ta viết thể thi lấy làm ngạc-nhiên, rồi xét quá nghiêm mà kêu lên rằng : « Rõ thật là một bài làm cốt đề trình quan giáo-sư người Pháp.. » Tuy thế mặc lòng, ai muốn nói sao cũng được, ta xin cúi đầu mà chịu nhận rằng câu « Người Nam không được thực-thà » là rất đích-đáng. Và ta chẳng những không nên đại-dột đem tâm giận-giỏi những người đã bảo ta thể-thôi, ta lại nên biết cho cái lòng thành-thực của họ nữa. Bao nhiêu cái lòng tự-ái sai-lầm, ta nên vứt bỏ một bên mà hiểu rằng khi ta biết cái nết xấu của ta, ấy là một cách giữ thân của ta để chữa cái nết xấu ấy đó. Tuy có nhiều người trong chúng ta coi sự nói dối là một nết xấu nhỏ, nhưng ta thì coi nó như một thói xấu lớn làm mất danh-giá cho dân-tộc ta vậy. Ta lấy thể làm nhục-nhân xấu-hỗ và cố hết sức chữa cho con trẻ khỏi tật dối-trá, thành nết thực-thà.

Cách dạy-dỗ cho trẻ con nên người thành-thực quả là một phận-sự tối-yếu của nhà giáo-dục, bất cứ là thầy giáo hay cha mẹ, là vì rằng nhờ có nết ấy mà các nết hay khác thuộc về tâm-thần trí-tuệ là những nết ta rất mong cho thiếu-niên ta mới thường thực-hành được. Đây ta hết sức suy-tâm những cái duyên có cốt-yêu nó làm cho phần nhiều chúng ta không được thực-thà, rồi sau ta chỉ-dẫn các cách-thức giáo-hoá thế nào có thể trừ bỏ được cái thói dan-dối mà mở-mang được cái nết thực-thà cho con trẻ nhà Việt-Nam ta.

* *

Cái duyên-có vì đâu mà ta không được thực-thà cũng có một phần ở trong lịch-sử ký-vãng của ta.

de l'étude superficielle qu'ils ont faite de notre peuple commettent journellement telles ou telles erreurs qui peuvent légitimement nous froisser. Mais il en est aussi qui, poussés par une profonde sympathie et par un désir sincère de nous faire du bien, mettent toute leur application et tout leur talent à nous étudier. Les observations de ceux-ci sont judicieuses et nous devons savoir en tenir le plus grand compte dans notre propre intérêt.

Certains de nos compatriotes s'étonneront peut-être de ce que nous venons d'écrire et nous jugeant avec sévérité, s'écrieront : « Voici bien un devoir destiné à un professeur français !... » Quoiqu'ils puissent dire, nous devons nous incliner devant l'exactitude d'une remarque comme celle-ci : « L'Annamite manque de franchise. » Et au lieu d'en vouloir sottement à ceux qui nous font cette observation, sachons-leur plutôt gré de leur sincérité et, mettant de côté tout faux amour-propre, comprenons que la connaissance de notre défaut nous arme mieux contre lui pour nous permettre de nous en débarrasser. Le mensonge considéré par beaucoup d'entres nous comme un petit défaut nous apparaîtra désormais comme un vice qui déshonore notre peuple. Nous en rougirons et mettrons tous nos efforts à le combattre chez nos enfants et à les former à la franchise.

Le développement de cette vertu chez l'enfant est certainement une des tâches essentielles de l'éducateur quel qu'il soit, maître ou parents, car c'est par elle que les plus riches qualités de cœur et d'esprit que nous devons désirer à notre jeunesse trouveront leurs plus-fréquentes applications. Nous allons tâcher d'étudier ici les principales causes d'un manque de franchise trop répandu parmi nous, puis nous indiquerons ce que peuvent être les moyens pour détruire ce défaut et développer chez nos enfants les habitudes opposées.

* *

Ce défaut s'explique en partie par notre passé historique :

Chúng ta đã từng bị áp-chế, đã từng bị người Tàu và các quan ta hà-hiếp, họ đã từng hà-lạm và hành-hạ dân ta quá. Ta vì làm thân tôi-tớ lâu đời như thế, thành ra có tính nghi-ngờ sợ-hãi chuyên-tử nhược-tôn, tính này lại cố-nhiên sinh ra hai thói xấu, thói nói dối và thói giả-hình, là hai cái khí-giới bảo-thân của người hèn-yếu. Vì thế nên nhiều khi trong bụng ta biết cái ý-kiến của người trên ta là sai-lầm mà ngoài miệng ta vẫn tăng-lờ hăm-hở cùng biểu đồng-tình với những ý-kiến ấy. Mà tội gì ta lại công-bổ một điều chân-lý có thể tai-hại đầy-dà đến ta được, tội gì ta lại bình-vực cái lẽ phải để mang lấy vạ vào thân như thế? Bởi vậy nên ta mới có cái tính hèn-hạ là: hễ ai hỏi ta, ta không tìm đường đáp lại theo như ý mà ta coi là phải hơn cả, nhưng ta chỉ kiếm lối trả lời theo như cách mà ta tưởng là lợi cho ta thôi. Ấy lại cũng vì lúc nào ta cũng e-sợ có người rình mò cái cách cử-chỉ ngôn-ngữ của ta, thành ra ta phải giấu-giếm vờ-vẩn, giả-hình giả-mạo, đến nỗi trong một nơi hội-họp thân-bằng cố-hữu cũng vậy, ta cũng không dám tự-do thành-thực phô-bầy cái ý-trưởng của ta ra, ta chỉ sợ liên-lụy đến thân ta thôi.

Tuy-nhiên ta cũng không đồng-ý với phần nhiều đồng-bào ta mà lấy cái duyên-cớ ở trong lịch-sử ấy để giảm bớt tội gian-trá của ta và để có quyền nói được rằng: « Một dân-tộc hèn-yếu cần phải dan-dối mới toàn-mệnh được. Vậy thì dân-tộc ấy có dan-dối cũng không nên trách, vì nhiều khi bắt-buộc phải dan-dối như thế. » Lời xét-đoán ấy thật là thấp kém quá. Đã dan-dối thì dù lấy duyên-cớ thế nào cũng không thể dung-thứ được. Ta đây sở-dĩ bày-tỏ cái duyên-cớ cũ-kỹ ấy ra không phải là để cho nhẹ tội dan-trá của ta, nhưng cốt để làm một cái mối quý-hóa mà suy-tầm cho ra những phương-kế thân-diệu mục-đích trừ bỏ cái thói nói dối và cái tật giả-hình đi đó.

Ta kém thực-thà còn vì nhiều cơ trực-tiếp khác. Cơ ấy phần nhiều do cách giáo-dục về đường tinh-thần và luân-lý ở trong gia-đình và tại học-đường mà ra. Về đường luân-lý giáo-dục, ta xin riêng cậy ở cái thế-lực ảnh-hưởng của gia-đình, vì chỉ có ở trong gia-đình là các thói quen ấy hay chuyên-nhiêm nhất mà thôi;

Nous avons toujours été dominés, nous avons toujours souffert de l'oppression ! oppression des Chinois et de nos propres mandarins exploitant et maltraitant le peuple. Ce long passé de servitude a engendré une méfiance et une crainte habituelles et ataviques qui ont inévitablement développé chez nous le mensonge et l'hypocrisie, armes des faibles. C'est ainsi qu'on feindra de partager avec empressement les opinions d'un supérieur à qui l'on craint de déplaire, bien qu'au fond de son cœur on ne doute pas de leur fausseté. Pourquoi donc proclamer une vérité susceptible de nous attirer de graves ennuis ? Pourquoi prendre position pour le vrai, si nous devons ainsi courir certains risques ? De là vient cette bassesse d'esprit qui fait qu'à une question posée, on ne songera pas à répondre par l'affirmation de ce que l'on pense être l'expression de la vérité, mais bien par l'allégation de ce qu'on suppose devoir servir ses intérêts. C'est aussi la crainte habituelle d'être toujours épié dans ses gestes et ses paroles qui pousse à la dissimulation et à l'hypocrisie et qui fait que dans une réunion quelconque, fût-ce même entre camarades, on n'ose pas exposer librement et franchement sa pensée de peur de se compromettre.

Nous n'admettons pas toutefois, comme le font certains d'entre nous, que cette cause historique suffise à justifier notre manque de franchise et qu'on soit en droit de dire : « Un peuple faible a besoin de mentir pour se défendre. Il est donc excusable d'agir ainsi, puisque la plupart du temps il y est forcé ». Quel sophisme ! Le mensonge est impardonnable, quel que soit le prétexte qu'on puisse alléguer. Pour nous, si nous invoquons cette cause lointaine, ce n'est pas pour en faire une excuse, mais bien pour en retenir une précieuse indication dans la recherche des moyens propres à combattre le mensonge et l'hypocrisie.

Notre manque de franchise procède d'autres causes plus directes. Il tient en grande partie à l'éducation morale et intellectuelle reçue dans la famille et à l'école. Pour l'éducation morale nous insisterons particulièrement sur l'influence de la famille, car c'est surtout au foyer que se contractent ces habitudes ;

Đưa trẻ con Nam-việt sinh-dưỡng theo như quy-tắc của một cái đạo luân-lý cốt ở sự kính-cần và ở điều quyền-pháp. Cái đạo ấy thì hay, thì quý thật, nhưng tiếc thay, người ta hay lạm-dụng quá-đáng : cha đối-đãi với con ác-ngược thiên-tư quá, nhiều khi con trẻ phạm lỗi con-con cũng bị cha mẹ hành-hạ tàn-nhẫn. Nào là cha mẹ tát-và đánh-đập con cái như mưa như gió, có người lại chẳng từ dùng đến thanh củi, cành cây, vọt tre gai góc để hành-hạ con ; thành ra cách trị con đã không sùng-đáng với lỗi nó rồi mà lại còn trị nó một cách ác-nghiệp như thế nữa. Thật là họ không có ý gì gọi đến cái tính-tình tự-trọng của nó ra cả, họ cũng không biết nê đến cái nhâu-phẩm nó mới nhu-nhú lên là cái nhân-phẩm mà ta cần phải phát-khai cho rộng lớn thêm ra nữa. Phần nhiều ông cha ta thì chỉ có một cách luyện cho con cháu được nhiều nết tốt vào thân, là bắt nó phải cúi theo một cái luật không-ai cưỡng được, phải chịu ếp một bề mà vâng lời dạy bảo, và là không cho nó có nghị-lực gì cả, mà nói tóm lại là hành-hạ cho nó nhục nhằn hết nước. Các cụ tưởng như roi vọt cũng đủ làm cho trẻ con khiếp sợ mà phải tuân theo phép-tắc cùng là không ngả về đường ác được vậy.

Ở nhà trường, trẻ con ta cũng còn phải chịu một cái giáo-dục quá ư nghiêm-nhặt. Ông thầy bao giờ cũng lấy sự sợ làm chủ việc giáo-huấn. Ông thầy lạm-dụng những cách trừng-trị nghiêm-nhặt và những cách hình-phạt thân-thể này khác. Cái oai-quyền của thầy-giáo thường lại to hơn cái oai-quyền của cha mẹ. Cha mẹ cho rằng thầy càng nghiêm-nhặt bao nhiêu thì càng có oai-quyền bấy nhiêu, nên mỗi khi giao con cho thầy, không bao giờ quên dặn câu này : « Thầy cứ đánh nó hết sức cho thì tôi đội ơn lắm. Thầy càng phét roi mây cho nó bao nhiêu thì nó càng mở mắt ra bấy nhiêu. » « Yêu cho vọt, ghét cho chơi », câu nói ở cửa miệng thiên-hạ ấy thực đã tỏ hết cái thói nghiêm-nhặt của ta ra. Nhiều người cha mẹ và thầy-giáo theo câu tục-ngữ ấy quá nê, thành ra con cái và học-trò thường coi cha mẹ cùng thầy giáo như người tàn-ngược, chứ không phải là nhà giáo-dục nữa.

Giáo-hóa như thế chỉ làm cho trẻ con dần-độn, đưa nào

L'enfant annamite est élevé d'après les principes d'une morale essentiellement fondée sur le respect et l'autorité. Malheureusement, si cette morale est belle et bonne, de graves abus se produisent trop souvent en son nom : des parents agissent envers leurs enfants en despotes cruels et injustes ; de pauvres enfants sont martyrisés pour des fautes insignifiantes. Gifles et coups de rotin pleuvent dru sur les malheureux dont les parents bien souvent n'hésitent pas à recourir à l'emploi d'une bûche, d'une branche d'arbre, ou de quelque bambou épineux pour aggraver encore un châtement tout-à-fait disproportionné à la faute commise. On ne fait pas appel au sentiment de la dignité individuelle chez ces pauvres petits ; on n'a aucun respect pour leur personnalité naissante qu'il faudrait au contraire s'appliquer à développer. Pour la plupart de nos parents, la façon la plus efficace de faire acquiescer à l'enfant de bonnes habitudes est de le courber sous une règle inflexible, de l'astreindre à l'obéissance passive, de briser sa volonté, de le mater en un mot. La crainte des coups de rotin est jugée suffisante pour le tenir dans les règles et l'arrêter sur la pente du mal.

A l'école, les enfants annamites ont encore à souffrir d'une éducation trop rigoureuse. Le maître a sans cesse recours à la crainte. Il abuse de sévères punitions et de châtements corporels variés. Son autorité est plus absolue encore que celle des parents qui l'estiment en proportion de sa sévérité et ne manquent jamais, lorsqu'ils lui confient leur enfant, de lui faire cette recommandation : « Nous vous serions reconnaissants de le bien châtier. Plus vous lui donnerez de coups de rotin, plus ses yeux s'ouvriront ». Un de nos dictons populaires indique bien ce que sont chez nous ces habitudes de sévère éducation : « Donnez des coups de rotin à votre enfant si vous l'aimez, donnez-lui des friandises si vous le haïssez. » Bien des parents et des maîtres appliquant ce conseil vraiment trop à la lettre châtent leurs enfants et leurs élèves à la moindre faute. Aussi sont-ils souvent regardés par ces pauvres petits comme des bourreaux terribles et non comme des éducateurs.

Une telle éducation abrutit l'enfant en le rendant exagérément

cũng dù-dờ sợ-hãi quá thành ra nói dối và giả-hình. Trẻ con suốt đời chỉ những khiếp-sợ cha mẹ và thầy-giáo như thê, cho nên chúng dối với cha mẹ và thầy-giáo không có chút chi là tin-cần thành-thực cả. Hễ khi nào chúng có dịp lừa dối người trên để khỏi phải quả-phạt là chúng không từ.

Xem thê, bây giờ ta đưa mắt trông vào một chôn gia-đình của đứa trẻ con sinh-trưởng thì ta thấy nó đã sẵn có cái « mồm » nói dối và ta sẽ hiểu rằng nó chỉ đáng thương mà không đáng trách. Chung quanh người nó, cái gì cũng chủ gây-dừng cho nó những thói xấu ấy : nào là thói lừa-dối diên-đảo, vờ-vấn giả-trá... Cha mẹ anh em nó thực đã là người đầu tiên rất nó vào con đường dan-dảo vậy.

Họ thường dọa nó những cách hình-phạt ly-kỳ, những sự nguy-nan bí-hiêm để cho nó sợ. Phần nhiều người cho cách nói dối ấy là « có ích ». Đêm nó khóc thì họ dọa : « Mày có ngủ không, tao vớt ra sân cho ngáo-ọp ăn thịt hay là Ba-bị bắt đi bây giờ. » Nó có vô-phép và bảo không ăn lời, thì họ dọa : « Hễ mày cứ thế thì giờ đánh chêt mất thôi »

Về sự lễ-phép, họ cũng lạm-dụng những cách giả-dối quá đáng. Thí-dụ như có một người khách mà cả nhà không ưa, người cha cũng nói những lời nồng-nàn để ngỏ ý hân-hạnh được tiếp-đãi người ấy, nhưng chính trong lòng thì không có chút thành-tâm nào hết. Thế mà rồi người cha lại làm ra bộ khăng-khăng giữ khách ngồi lại chơi lâu, tuy lấy người ta làm buồn như chấu cắn mà ngoài miệng vẫn hăm-hở nói rằng câu chuyện của người ta nở như ngô rang, mình thực vui-vẻ được ngồi hầu chuyện mãi mãi. Bà khách rất lũ con đầu bù tóc rối, áo rách mặt nhem đén, người mẹ cũng khen lấy khen để rằng các cô, các cậu ăn mặc sạch-sẽ gọn-gàng. Người trên làm nhiều việc, nói nhiều câu thật mình không phục chút nào mà mình vẫn tung-bốc u hư giờ, như thánh.

Trẻ con lại thường được thầy ở ngay trước mắt luôn luôn những cái gương dan-dảo để kiếm lợi, kiếm tiền : Anh nó nói dối để khỏi phải phạt, chị nó nói dối để được tiếng khen.

timide et craintif et fait de lui un menteur et un hypocrite. Vivant dans la crainte de ses parents et de ses maîtres, il manque à leur égard d'expansion confiante et de franchise. Il cherche à les tromper chaque fois que l'occasion s'en présente dans l'intention d'échapper aux reproches et aux punitions qu'il redoute.

Si maintenant nous jetons les yeux sur le milieu familial où grandira cet enfant déjà prédisposé au mensonge, nous comprenons combien il est à plaindre beaucoup plus qu'à blâmer. Tout, autour de lui, concourt à développer ces mauvaises habitudes : ce ne sont que mensonges formels, ruses, duperies, grandes et petites dissimulations. Ses parents et ses frères et sœurs sont les premiers à le pousser dans la voie du mensonge :

Ils font ce qu'on appelle parfois des « mensonges bienveillants », en effrayant l'enfant de peines imaginaires, de dangers mystérieux. Vient-il à pleurer la nuit, on lui dit : « Si tu ne dors pas, je te jeterai dans la cour et tu seras mangé par un renard fantastique ou tu seras pris par le « Seigneur aux trois sacs ». Se montre-t-il impoli et désobéissant, sa mère lui dit : « Si tu te conduis mal, le Génie de la foudre va te frapper ! »

On abuse aussi des mensonges de politesse. Le père reçoit par exemple un visiteur que toute la famille trouve gênant et importun, par des paroles chaleureuses exprimant une joie exubérante qu'il ne ressent certes pas, puis il insiste pour le retenir plus longtemps et, bien que le trouvant fort ennuyeux, il proteste avec enthousiasme du plaisir qu'il éprouve à sa conversation. La mère se répand en exclamations admiratives sur la tenue des enfants de son amie qui se présentent pourtant les cheveux ébouriffés, le visage malpropre et les vêtements en désordre. On adresse force compliments à des supérieurs pour des actes et des paroles que personnellement on est bien loin d'approuver.

L'enfant a sans cesse sous les yeux l'exemple déprimant des mensonges intéressés : son frère ment pour échapper à une punition ; sa sœur, pour recevoir des louanges non méritées. Dans

Trong nhà nào có buôn bán, thì đứa trẻ thường được mục kích những sự dan-dối hằng ngày, khi thì hàng xấu nói tốt, hàng ít nói nhiều, hàng đắt nói rẻ, có khi lại nói xấu của hàng bên cạnh để cho mỗi hàng người ta mất lòng tin-cần.

Ta lại còn lừa con nữa thì thật là khả-ố. Cha mẹ hay hứa phần thưởng cho con mà chẳng bao giờ có đồ thưởng cả. Cha bảo con: «Mày chịu khó học rồi tao mua cho một đôi giày thật đẹp». Mẹ cũng bảo nó rằng: «Mày ngoan-ngoãn rồi đến cuối tháng tao cho 2 đồng bó ông». Muốn khiến trẻ con chăm học và ngoan-ngoãn, cha mẹ hứa cho rất nhiều cái này cái khác, mà rút cục lại chẳng cho nó cái gì cả, họ tưởng rằng như thế cũng chẳng hại gì đến trẻ hết.

Về phần đứa trẻ, nhiều khi nó rất lấy làm ngang-trái vì nó thường thấy cha mẹ nói một đường mà làm một nẻo. Cha mẹ bảo con rằng: «Cờ bạc là thói rất hư» thề mà thường đánh bạc luôn ở trước mắt con. Lại có ông bố dạy con rằng rượu làm hại thân-thể người ta, mà ngày nào ông cũng soi rượu đến tuý-ly cà-khôn.

Nhiều khi cha mẹ vụng-về đến nỗi hình như khen con làm điều dan-dối vậy. Khi thấy nó đang chơi mà nó lừa được anh chị nó cái gì thì cha mẹ nó thường vui cười hi-hả lắm. Lần nào cha mẹ thấy con có tài dan-dối hay có ý tinh-quái cũng nói ngay với cả nhà rằng: «Thằng này lớn lên là tài soay sở lắm, chớ không dần-độn thực-thà như thằng anh-nó đâu.»

Nói tóm lại, người mình chỉ coi cái thói tri-trá là một tật xấu không thấm vào đâu cả. Đối với đứa trẻ vô-phép và cưỡng lời thì bao giờ mình cũng nghiêm-nhặt hơn là đối với đứa trẻ dan-dối. Người ta cũng thường mắng nó, phạt nó thật, song không tỏ cho nó biết rằng lời nói, việc làm của nó là sự rất đê-hạ. Vả chẳng, người ta cũng không hay quý-trọng sự thành-thực cho xứng-dáng. Sự thành-thực đối với họ cũng chỉ là một nét tốt xoàng thôi. Khi đứa trẻ nói thật, những nhời nói thật đó không làm mích lòng người trên thì người trên mới ban cho nó một câu rằng: «Được». Cũng có nhiều khi nó ăn nói thực-thà mà lại bị quở, bị phạt. Thí-du

la famille où l'on fait du commerce, l'enfant constate tous les jours qu'on trompe sur la quantité, sur la qualité et sur le prix des marchandises, qu'on dénigre la boutique rivale pour-lui faire perdre la confiance de ses clients.

On dupe l'enfant, ce qui est pire. Ses parents lui promettent des récompenses qui ne viennent jamais. Le père lui dit: « Sois studieux et je t'achèterai une jolie paire de souliers ». La mère ajoute: « Sois sage et je te donnerai à la fin de chaque mois deux piastres pour alimenter ta tirelire ». Pour pousser l'enfant à bien travailler et à se bien conduire, on lui prodigue les promesses. Mais on se soucie fort peu de les tenir, croyant de bonne foi qu'en y manquant, on ne lui cause aucun préjudice.

L'enfant, d'autre part, a souvent lieu d'être choqué par la contradiction qui se manifeste entre les paroles et les actes de ses parents. Tandis qu'ils lui disent: « Le jeu est la pire des passions », ils jouent fréquemment aux cartes sous ses yeux. Ou bien, tel père dira à son fils que l'alcool est très nuisible à la santé, mais il en prendra tous les jours jusqu'à en perdre la raison.

Maladroitement, les parents semblent souvent approuver le mensonge. Ils rient de bon cœur quand ils voient l'enfant réussir à tromper son frère ou sa sœur au cours de leurs jeux. Chaque fois qu'il montre quelque esprit par un mensonge ou qu'il paraît astucieux, le père ne manque pas de dire à toute la famille: « Il saura se tirer d'affaire dans la vie, celui-là ! Il n'est pas comme son frère qui est toujours trop naïf et trop sincère ».

Bref, chez nous, le manque de franchise est couramment considéré comme un bien petit défaut. Très sévère envers l'enfant désobéissant et impoli, on se montre relativement indulgent à l'égard du menteur. On le blâme, on le punit parfois, mais on ne fait jamais ressortir suffisamment la honte qui s'attache à ses paroles et à ses actes. D'autre part, on ne célèbre pas la sincérité comme elle le mériterait. Elle est considérée comme une qualité tout-à-fait quelconque. Quand l'enfant dit la vérité, on se borne à lui dire: « C'est bien », à condition toutefois qu'il n'ait pas déplu à ses supérieurs. Il arrive en effet trop souvent qu'il reçoit des reproches

như nó thấy chú nó nói một câu vô-lý, nó bẻ thì nhà đã chẳng biết bụng thực-thà cho nó, lại còn hạch nó là sắc lão rồi trị nó. Mà trị nó cũng không bảo cho nó biết rằng tại nó vô-phép, chớ không phải vì nó có tính thực-thà là một tính tốt đâu. Một lần nó bị như thế, không còn bao giờ nó dám nói thật nữa.

Xem thế đưa trẻ sinh trưởng ở một nơi hầu hết chỉ gặp những sự dối-trá, một nơi mà không ai trọng sự thực-thà mấy, một nơi mà ngày nào nó cũng được dịp nghiệm biết ra rằng những sự bề ngoài mọi việc đời đều giả dối, nữa là những lời nói ở cửa miệng người ta thì còn dan-dào đến đâu, thì khỏi sao nó lại không khuynh-hướng về đường dan-trá được.

Cái luân-lý giáo-dục đã tập nhiệm cho con trẻ cái thói dan như thế thì cái tinh-thần giáo-dục mà ta đem rèn-tập cho chúng cũng chỉ lại giúp chúng càng tinh-sảo về đường dan-dôi mà thôi. Các bậc phụ-mẫu Việt-Nam lại hiểu nghĩa chữ tinh-thần giáo-dục một cách nông-nổi hẹp-hội quá, các người cho tinh-thần giáo-dục chỉ là cách dạy trẻ thuộc nhiều kinh-sách mà thôi. Thành-thử cái tinh-thần giáo-dục lẫn với cái học văn-chương phổ-thông, thầy-giáo chỉ có việc theo thề mà luyện-tập học-trò thôi. Trong sự học ngày xưa, các ông thầy chỉ chủ luyện người « thuộc nhiều » chớ không chủ luyện người « hiểu nhiều ». Các ông ấy lạm-dụng cái trí nhớ, bắt học-trò phải thuộc những bài luân-lý hay triết-học từng tiếng một, chớ không bao giờ thử xem chúng có hiểu không, hay là cố sức gọi cái nghĩa sâu-xa bài ấy cho chúng biết. Vì cơ ấy ta thường thấy trẻ con có trí nhớ lạ-lùng, chúng đọc thuộc lòng những bài thơ dài, những trang sách lớn mà không ngập-ngừng nửa chữ, nhưng tinh-cờ có ai hỏi nghĩa một câu thì chúng chẳng bao giờ giảng được rõ-ràng hết. Những câu văn thuộc lòng ấy chứa-chất đầy vào thành ra làm cho rời-quần nặng-nề trí khôn, mất cả những cái năng-khiếu quý-hóa, là cái tinh-thần minh-bạch hùng-dũng cái lý-luận công-minh chính-đáng của trẻ đi. Jules Payot tiên-sinh đã nói một câu đích-đáng rằng: « Những tiếng một bao-bọc tinh-thần người ta như một cái màng

ou une punition pour avoir témoigné de la franchise. S'il vient par exemple à reprendre son oncle qui a dit devant lui une chose invraisemblable, non seulement, on n'approuvera pas sa sincérité mais encore on le taxera d'insolence et le punira sans lui montrer que la faute commise est dans l'incorrection et dans l'irrespect et non pas dans une franchise qui ne saurait être mauvaise en soi. Ainsi prévenu, l'enfant se promet bien de ne plus jamais dire la vérité.

Comment nos enfants pourraient-ils résister à la tentation du mensonge, alors qu'ils vivent dans un milieu où ce vice est si répandu, où l'on fait si peu de cas de la franchise et où ils ont chaque jour l'occasion de constater que si en cette vie, les apparences des choses sont trompeuses, les paroles humaines le sont, hélas, bien davantage.

Si l'éducation morale qu'ils reçoivent peut ainsi habituer nos enfants au mensonge, l'éducation intellectuelle que nous leur donnons peut malheureusement renforcer encore ces tristes résultats. Les parents annamites se font une idée particulièrement étroite de ce que doit être l'éducation intellectuelle : elle consiste pour eux à faire acquérir à l'enfant des connaissances purement livresques. Il en résulte que cette éducation se trouve confondue avec l'instruction littéraire générale et devient à ce titre la tâche exclusive des maîtres. Dans l'ancienne culture, ceux-ci s'attachaient surtout à former des « têtes bien pleines » plutôt que des « têtes bien faites ». Ils abusaient de la mémoire, exigeaient le mot-à-mot des leçons de morale et de philosophie sans jamais s'assurer si les élèves les avaient comprises, sans jamais essayer de leur en révéler le sens profond. Aussi n'était-il pas rare de voir des enfants dont la mémoire était prodigieuse réciter sans hésitation de longues poésies et des pages entières de leurs livres classiques tout en demeurant incapables d'en donner quelque claire explication, si l'on venait par hasard à leur en demander la signification. Ces formes verbales ainsi emmagasinées embarrassent et alourdissent l'intelligence au grand préjudice de ces plus précieuses qualités : la clarté et la vivacité de l'esprit, la justesse et la précision du raisonnement. Jules Payot a raison de dire « Les mots

đặc bao-bọc cái thực-sự đèn nôi không sự gì thấm qua được nữa. Tinh-thần như thê con tằm tự làm ra kén rồi nhốt mình trong kén, cái màng vỏ kia cũng nhốt tinh-thần ở trong, không cho tinh-thần được giao-thông với các thực-sự ngoài đời, ấy thê là tinh-thần thành ra nhảm-lỗi.»

Mà cái «tinh-thần nhảm lỗi» thì có khác gì cái tinh-thần giả-dối: kẻ nào không biết đem chân-lý làm đầu sự tìm-tòi hăng-hái và sự nghiên-ngâm sâu-xa của mình thì đời nào lại biết chân-lý được. Mà các người học-hành như vẹt đã bị cách học những câu sáo-ngữ không hiểu chính-nghĩa là gì che-lấp mất cả cái năng-lực tự-do tư-tưởng đi thì phỏng những sự tìm-tòi nghiên-ngâm của họ còn có giá-trị gì.

Vả chẳng những cách rèn-tập tư-tưởng như thê rất cần cho một người có lương-tâm chín-chắn để tìm-tòi điều chân-lý là cái mục-dịch sở-nguyện của mình, nhưng những cách ấy ở trong một dân-tộc bị cái học-chính quá nệ làm hư-nát thì phỏng còn mở-mang làm sao được nữa! Ông đồ nho ta tuyệt nhiên không dạy học-trò tư-tưởng bao giờ, ông chỉ có một cái hứng-thú, là bắt tư-tưởng nó theo khuôn tư-tưởng mình cũng như tư-tưởng mình theo khuôn tư-tưởng cổ-nhân vậy: ấy vì từ cổ đến nay vẫn theo một cái khuôn-mẫu như thê, cho nên hễ ai học-tập phẩm-bình hay là tư-tưởng thì bị người cho là trái phép nhà nho, và phải trừng-trị rất nghiêm-nhặt.

Cách giáo-dục ấy thật không luyện được trẻ con thành người yêu-mên sự thực và đem hết tài-năng trí-lự ra thực-hành sự thực ở trong đời, cách ấy chỉ luyện được trẻ con thành những con vẹt khôn-nạn đầy óc những câu sáo-ngữ mà lại thêm cái tính kiêu-ngạo trẻ con nó làm cho mình không bao giờ tự biết tìm-tòi ra điều chân-lý. Cái giáo-huân bất-lợi và trái thời ấy còn sót lại nhiều, giấu-vết ở quốc-dân ta lắm. Cái địa-vị của trí nhớ còn to lớn quá, thành ra chiếm mất nhiều chỗ của cái trí quan-sát, cái trí nghị-luận và cái trí đoán-dịnh của người ta.

* * *

Trên kia ta đã bày tỏ hết cả những cái duyên-cố nó dễ khuynh-

font à la surface de l'âme une croûte opaque qui recouvre la réalité vivante si bien que rien n'en peut plus filtrer. L'esprit comme le ver-à-soie fait son cocon et s'y renferme: cette croûte verbale l'emprisonne, l'isole des réalités du monde extérieur. C'est ainsi que se forme un faux esprit.»

Or la parenté est étroite entre «ce faux-esprit» et l'esprit faux: l'amour de la vérité ne saurait subsister chez celui qui n'en fait pas à tout instant, l'objet habituel de ses plus actives recherches, de ses profondes méditations. Et que peuvent être ces recherches, que sont ces méditations chez la victime du psittacisme pour qui la citation de vaines formules vidées de leur sens primitif s'est substituée de longtemps à l'exercice fécond de la libre pensée?

Et comment, d'autre part, les habitudes de cet exercice de la pensée, indispensable à la conscience scrupuleuse dont la recherche de la vérité pure est le seul but qu'elle propose à ses effets, comment ces habitudes auraient-elles pu se développer chez des peuples qui ont grandi sous la férule d'un enseignement dogmatique? Le maître, chez nous, ne cherchait nullement à apprendre à l'élève l'exercice de sa pensée: il n'avait d'autre désir que de lui imposer la sienne, comme ses maîtres, autrefois lui avaient imposé la leur, comme cela s'était toujours produit depuis les temps les plus reculés, et l'exercice de l'esprit critique ou de la plus juste réflexion était taxé d'indiscipline et sévèrement réprimé.

Une telle culture, au lieu de faire de nos enfants des hommes épris du vrai, et cherchant à le trouver et à le réaliser au cours de leur vie par un effort assidu de leurs plus belles facultés, n'en formait que de pauvres perroquets bourrés de vaines formules et qu'un orgueil puéril privait à jamais de toute possibilité de recherche personnelle de la vérité. Trop de vestiges restent encore chez nous de cet enseignement néfaste et démodé; la place attribuée à la mémoire est encore exagérée au préjudice de l'esprit d'observation, du raisonnement et du jugement.

* * *

Nous avons précédemment indiqué d'une part les motifs

hướng đưa trẻ thơ về đường đàng-dối và nó ngăn-trở đưa trẻ thơ khỏi lòng nên người thành-thực. Nay ta đã biết rằng cái tật xấu đó duyên có bởi đâu, vậy ta cũng dễ tìm đường trừ-khử nó được.

Như lời trên kia đã nói, chúng ta sở-dĩ kém bề thực-thà là phần nhiều do ở các thói quen và thể-cách giáo-dục về tinh-thần, luân-lý của ta. Vậy muốn cho trẻ con có nết thực-thà, trước hết ta phải tinh sự hoán-cải những thói quen cùng các thể-cách ấy đã :

VỀ ĐƯỜNG LUÂN-LÝ GIÁO-DỤC. — Ta phải dưỡng-dục trẻ con theo một phương-sách tự do hơn trước. Ta chẳng nên lúc nào cũng lấy oai-quyền mà dạy trẻ, bất cứ làm cha mẹ hay thầy giáo, ta phải cố sức sao cho trẻ tin-cần yêu-mên ta thì cái tâm-sự non-nớt của chúng mới thành-thực giải-bày ra được. Trẻ con vốn có tính hay ngó tâm-sự, nhưng không phải với ai nó cũng đem ý-kiến tính-tinh mà bày-tỏ ra đâu; nó tin yêu ai thì nó mới ngó tâm-sự cùng người ấy. Khi nó thấy mình yêu nó, biết bụng cho nó thì nó không ngại mình, nó ngó cho mình biết nỗi lòng và việc đời của nó, mà nó không có ý gì lừa dối mình cả. Trẻ con mở lòng cho ta biết phải có thành-thực, sự đó tối cần cho nhà giáo-dục. Vì có thế, nhà giáo-dục mới biết rõ lòng trẻ con, mới dễ làm hết phận-sự mình được. Nhưng khốn thay, nhiều bực cha mẹ và ông thầy tưởng lầm rằng chỉ có oai-quyền là cái phương-pháp độc-nhất vô-song nó làm chủ sự giáo-dục thôi, thành ra đôi-dãi với con trẻ nghiêm-nhất quá, vùi giập mất cả cái khiêu mở mang của chúng đi. Đành rằng muốn cho sự giáo-dục có kết-quả hay thì ông thầy cần phải khiến trẻ thơ kính-trọng mình và kính-trọng cái giáo-huấn của mình; vậy muốn thế, ông thầy chẳng nên cợt-nhả với học trò, phải đôi-dãi với học trò cho nghiêm-trang luôn, mà thỉnh-thoảng cũng nên nghiêm-nhất nữa mới được; nhưng chớ có nghiêm-nhất quá-đáng như phần nhiều các nhà giáo-dục xưa nay.

Cái giáo-dục tự-do không dùng những cách hình-phạt nặng-

qui prédisposent nos enfants à mentir, de l'autre les raisons qui empêchent le sens de la vérité de se former chez eux. Maintenant que les causes principales du mal nous sont connues, nous pouvons mieux chercher les remèdes pour le combattre.

Notre manque de franchise tient, nous l'avons dit, directement et en grande partie à nos habitudes et à nos méthodes d'éducation morale et intellectuelle. Il en résulte que des réformes à ces habitudes et à ces méthodes s'imposeront avant tout, si nous voulons éveiller et développer le sens de la sincérité chez nos enfants :

EDUCATION MORALE. — Nos enfants devront être élevés selon une méthode plus libérale. Au lieu de recourir sans cesse à la crainte, les parents et les maîtres s'efforceront d'inspirer la confiance et l'affection qui permettent aux jeunes âmes de s'ouvrir franchement. L'enfant est naturellement expansif. Mais il ne communique pas ses pensées et ses sentiments à n'importe qui : il n'ouvre son cœur qu'à ceux qu'il aime et en qui il a confiance. Se sentant aimé et compris, il ne craint pas de nous mettre au courant de sa vie intérieure et extérieure et n'éprouve aucune envie de nous tromper. La sincérité avec laquelle l'enfant répand ses sentiments est utile à l'éducateur. Elle lui permet de le mieux connaître et le met à même, par conséquent, de remplir plus facilement sa tâche. Malheureusement, la plupart des parents et des maîtres, croyant à tort que l'autorité est l'unique principe directeur de l'éducation, éteignent l'effusion de leurs enfants et de leurs élèves en se montrant trop sévères envers eux. Certes, pour que l'éducation porte tous ses fruits, il est nécessaire que l'éducateur sache inspirer à ses élèves, avec le respect de sa propre personne, celui de l'enseignement qu'il a la noble tâche de leur distribuer ; il doit pour cela, éviter des familiarités exagérées avec les enfants et il lui faut s'astreindre à leur montrer souvent un visage sérieux et par fois même sévère. Mais il ne faut pas non plus pousser cette sévérité jusqu'à l'excès comme le font la plupart de nos éducateurs.

Au lieu de courber l'enfant sous une règle rigoureuse et

nề để luyện-tập cho con trẻ cái tính vờ-vẩn và cái thói hèn-mạt, cái giáo-dục này bao giờ cũng cần đến cái tính-tình biết tôn-trọng nhân-phẩm, vì tính-tình ấy gọi cho ta cái lòng tự-nhiên muốn xa lánh hẳn những sự gì có thể làm hạ nhân-phẩm của ta xuống được. Ấy chính cái tính-tình đó ta cần gây-dựng cho trẻ, vì con trẻ có thể mới biết khinh-sợ sự nói dối. Nó sẽ lấy sự nói dối làm hổ-thẹn, nó sẽ coi sự nói dối như một vật không cùng ở với những tính-tình tự-trọng của nó.

Nên ta mong rằng: cách hình-phạt thân-thể bằng không bỏ hẳn đi được, cũng nên dùng đến rất ít thôi. Cái giá-trị giáo-dục của cách hình-phạt ấy rất là mập-mờ, và ta chỉ thấy nó có hại hơn là có ích. Lấy sự đau-đớn làm cho trẻ sợ-hãi đê-hèn tức là vùi-giập cái lòng tôn-trọng nhân-phẩm của chúng đi và rất chúng vào thẳng con đường điều-đàn giả-trá.

Ta cần gọi cho trẻ con lúc nào cũng có lòng can-đảm mà đứng hẳn về bên chân-lý, không chịu hèn-mạt sợ-hãi những sự nguy-tai nhân đấng có thể xảy ra cho mình được, mà hết sức trả lời những người hỏi mình theo như ý mình cho là phải lẽ, chớ không theo như cách mình tưởng là đẹp lòng người hỏi chuyện, mà phò bầy tư-tướng ra một cách tự-do thành-thực chớ không phải rựa-rắn vào ý-tưởng của người quyền-thế hơn mình. Nhưng cái lòng thành-thực ấy chớ nên hiểu lầm mà thành ra cái chứng táo-tợn sắc-lào.

Trong sự luyện-tập cái nết thực-thà cũng như trong sự luyện-tập các nết hay khác, cái gương tốt bao giờ cũng là sự trọng-yếu hơn cả. Vậy nên những người ở chung quanh trẻ, bắt đầu từ gia-đình nó trở đi, phải có cái nết tốt ấy. Muốn thế dấu việc nói dối thế nào cha mẹ cũng nên cần thận mà giữ mình đừng nói dối.

Phải trừ bỏ hết các những cách nói dối mà mình tưởng là ích-lợi cho trẻ con như những cách dọa-nạt hoang-dường. Sự gì mình không muốn cho nó biết thì chớ có nói dối nó, chỉ nên bảo nó còn bé chưa hiểu được và đợi khi nào nó lớn lên sẽ giải nghĩa cho nó biết.

de développer en lui par l'usage du joug et des mauvais traitements un esprit de dissimulation et de servilité, l'éducation libérale fera appel, en toute circonstance, au sentiment de la dignité personnelle, sentiment qui doit nous inspirer une répulsion instinctive pour tout acte de nature à nous rabaisser devant nous-mêmes. C'est ce sentiment que nous aurons à développer chez nos enfants qui leur donnera l'horreur du mensonge. Ils rougiront de ce vice et s'apercevront qu'il est incompatible avec leurs légitimes fiertés.

Il est donc à souhaiter que les châtiments corporels soient sinon supprimés, du moins employés avec beaucoup plus de modération. La valeur éducative de ces peines est des plus contestables et nous pensons qu'elles sont souvent plus nuisibles qu'utiles. En rendant l'enfant craintif et lâche devant la souffrance, elles lui font perdre le sentiment de sa dignité et le conduisent tout droit au mensonge et à l'hypocrisie.

Nous inspirerons à nos enfants le courage de prendre nettement position, en toute occasion, pour la vérité, sans une crainte pusillanime des ennuis qu'une telle attitude peut attirer, d'exprimer le mieux possible dans leur réponse, lorsqu'il sont interrogés, ce qu'ils croient être la vérité, au lieu de chercher avant tout à flatter leur interlocuteur en lui faisant la réponse qu'ils supposent devoir lui plaire, d'exprimer librement et franchement leur manière de penser sans s'appuyer sur l'opinion de ceux qui leur paraissent puissants. Toutefois cette sincérité courageuse ne devra jamais être synonyme d'attitude frondeuse et insolente.

Dans la formation de la franchise comme dans celle de tant d'autres qualités, l'exemple joue un rôle d'une importance capitale. Il faut que tous ceux qui entourent l'enfant, à commencer par la famille, pratiquent cette vertu. Pour cela les parents devront s'interdire soigneusement le mensonge de toute nature :

Il faudra absolument proscrire les mensonges soi-disant faits dans l'intérêt de l'enfant, sous forme de menaces fantastiques, ceux aussi qu'on lui fait sur des choses que l'on croit devoir lui tenir cachées, alors qu'il est si simple de lui dire qu'il est

Ta cũng khá nên lạm-dụng những cách giả-dôi thuộc về lễ-phép. Đành rằng dầu sao ta cũng không muốn cho con cái ta trở nên những người « lỗ-mạng » quá thẳng rất khó chịu cho cái xã-hội cần phải dung-thứ nhiều sự ngay nay. Những người có tính thẳng quá thường là khiếm-nhã. Nhưng không phải rằng muốn nhã-nhận thì phải lừa dối người ta đâu. Chỉ nói nửa lời thì cũng hay thật, song cũng có thể nói cả được mà không phải nói những điều không đúng sự thực, vả chăng người ta lại có thể khéo nói bóng-bẩy một cách kín-đáo không đến nỗi mịch lòng ai cả. Ta cần dạy cho trẻ thơ cách lịch-thiệp đó, chớ không phải những cách tâm-ngâm để bụng, không nói ra mồm đâu!

Ta chớ vì lợi dan-dối mà làm gương cho con em bắt chước. Đề cho nó thấy mình được lợi vì nói dối, ấy là đùn-dẩy nó vào con đường nói dối hầu như không còn phương-sách nào ngăn-ngừa lại được. Lợi là một cái chủ-dộng mạnh nhất của muôn việc trần-gian, khi đứa trẻ thấy nói dối có lợi thì cũng khó lòng mà kiêng nói dối được.

Nếu ta không chú-ý cho trẻ cái gì thì đừng hứa với nó cái ấy. Mình lừa nó lần này, tất nó hay lừa mình lần khác. Ta lấy làm đau lòng vì thấy nhiều bậc cha mẹ An-nam rất hay nhẹ dạ hứa lời mà không mấy khi giữ lời hứa cả. Vậy thì các ngài phải bỏ hẳn cái thói xấu ấy đi. Khi các ngài hứa cho trẻ cái gì thì phải-chợ nó cái ấy, bảo phạt nó làm sao thì phải phạt nó làm vậy.

Một sự cần-yêu nhất là phải giữ sao cho việc làm giống như lời nói, vì như thế thì ta mới tỏ ra người chỉ vì lòng yêu chân-lý, bụng mển thành-thực mà nói và làm những việc ấy thôi, chớ không phải vì những cái chủ-dộng khác như lòng kiêu-ngạo và trí tư-lợi đâu. Nay thí-dụ như ta vẫn thường dạy trẻ phải ăn-tiêu tần-tiện, thì ta chớ nên hoang-phí một cách điên-rồ cho thỏa cái lòng khoe-khoang của ta ở trước mắt chúng nó, vì rằng ta làm gương xấu cho chúng nó như thế, tức là ta dạy cho chúng nó biết ta không thành-thực. Ta bắt chúng không được làm những việc mà chính

trop petit pour comprendre et d'ajourner la réponse à ces questions délicates au temps où il sera plus grand.

N'abusons pas des mensonges de politesse. Il est certain que nous ne voulons à aucun prix faire de nos enfants des Alces-
te d'une impitoyable franchise, ennemis des ménagements qu'im-
pose la vie de société. Leur vertu brutale manque de civilité ;
mais celle-ci ne demande pas que l'on trompe. Il est bon de
ne pas tout dire, mais on peut ne rien dire qui ne soit vrai
et même on peut nuancer ses paroles avec discrétion pour
qu'elles ne blessent pas. C'est le tact que nous devons appren-
dre à nos enfants et non la restriction mentale.

Gardons-nous bien de donner à l'enfant l'exemple du men-
songe intéressé. En lui révélant le parti qu'on peut tirer de ce
vice, on l'y pousse presque infailliblement. Il lui est difficile de
résister à la tentation de mentir, quand il s'aperçoit qu'il y a
avantage à le faire : l'intérêt est le mobile le plus puissant des
actions humaines.

Ne faisons jamais à l'enfant des promesses que nous ne som-
mes pas bien décidés à tenir : dupé, il saura nous duper à son
tour. Nous signalons avec regret que les parents annamites
promettent souvent à la légère et manquent presque toujours
à leur parole. Qu'ils renoncent donc à cette mauvaise habitude ;
s'ils ont promis une récompense, qu'il la donnent, s'il ont
annoncé une punition, qu'il l'infligent.

Il est essentiel d'établir un parfait accord entre nos paroles
et nos actions, afin que celles-ci nous montrent bien comme
étant inspirés uniquement par l'amour de la vérité, par une
sincérité parfaite, et non par tout autre mobile tel que l'orgueil
ou l'intérêt. Si par exemple, nous répétons sans cesse à nos
enfants qu'il faut vivre selon les principes d'une raisonnable
économie, ne nous livrons pas sous leurs yeux à des dépenses
folles pour des motifs de pure vanité ; en outre du mauvais
exemple que nous leur aurions donné ainsi, quant à ces règles
d'économie, nous leur aurions laissé l'impression que nous

ta cũng vẫn làm thì có phải rằng chúng ta cũng có quyền làm những việc ấy khi nào có dịp làm được không?

Trong khi trò-truyện, hoặc ta nói về việc gì hay là về người nào, ta cũng chớ nên ngoa-ngôn quá-đáng. Vì hề quá-đáng lắm thì hay sinh ra giả-dối. Khi ta mắng trẻ, chớ nên nói nặng thêm cái lỗi của nó ra; khi ta kể chuyện, đừng vì muốn làm đẹp câu chuyện mà bia-đặt hoang-đường vô-lý.

Trẻ con tuy có tính bắt-chước là tính thông-thường hệ-trọng hơn cả, nhưng giữ cái thái-độ đáng lấy làm gương đã nói trên kia đối với chúng nó thì cũng chưa đủ, phải xem xét những cái then-chốt bí-mật ở trong tâm-sự chúng nó để mình biết rằng vì đâu mà chúng nó sinh ra dan-dối, rồi sau mới có thể trừ thói dan-dối ngay từ lúc đũa trẻ chưa mắc được. Ta quyết-nhiên không cho trẻ vì khoe-khoang hay lợi-lộc mà ăn dan nói dối, muốn thế, hề nó nói dối về phương-diện nào, ta lại lấy ngay phương-diện ấy mà trị cho nó. Đũa trẻ lười biếng thì ta bắt làm việc bội-phần, đũa trẻ vì lợi nói dối thì không cho nó được hưởng lợi ấy, và cả hai đũa ta lại làm cho nhục-nhã là từ giã ta không tin chúng nó nữa. Nhưng khi sửa trị những tật xấu ấy, ta chớ nên cay-nghiệt quá. Trẻ con thường vì sợ mà hay nói dối. Ta phải lấy sự dịu-dàng khiến nó thú thực những lời nó nói, những việc nó làm ra, nhưng ta chớ quên tha lỗi cho nó, để gọi là khen thưởng nó vì nó đã thực-thà thú lỗi. Nhưng khi nó mới phạm lỗi xong, ta đừng bắt nó thú ngay mà giã-vò lương-tâm nó, vì lúc ấy nó còn sợ ta quá hay là hám lợi quá. Nếu ta không để nó có đủ thì-giờ hồi-tâm thì nhiều khi nó thành nói dối.

Ta chớ coi sự nói dối là một vết xấu nhỏ-mọn nữa, ta phải lấy nó làm một vết xấu to của chúng-loại ta mới được. Lúc nào ta cũng phải dạy cho con cái ta biết rằng nết nói dối là một sự đê-mạt xấu-xa nó làm mất phẩm-giá người ta và khiến cho đồng-bào khinh-bí. Đối với những trẻ có ý

manquons parfaitement de sincérité lorsque nous leur donnons des principes que nous observons si peu, et ils se sentiraient légitimement autorisés à procéder de même en semblable occasion.

Dans nos conversations, soit que nous parlions des choses, soit que nous nous entretenions des hommes, veillons à l'exagération. Cette tendance à dépasser la mesure conduit facilement à la fausseté. Faisons-nous des reproches à nos enfants, gardons-nous bien d'outrer la gravité de la faute commise; racontons-nous un récit, ne cherchons pas à l'embellir aux dépens de la vérité.

Mais il n'est pas suffisant d'obtenir vis-à-vis de l'enfant cette attitude exemplaire à laquelle son esprit d'imitation toujours en éveil donne une importance toute spéciale; il faut encore étudier les ressorts les plus secrets de ces jeunes âmes pour arriver à connaître les mobiles qui peuvent les amener au mensonge afin, s'il se peut, d'extirper celui-ci avant même qu'il n'ait vu le jour. Nous n'admettrons jamais que nos enfants puissent tirer du mensonge vanité ou profit et, pour cela nous les punirons par où ils auront péché. Nous augmenterons au paresseux le travail qu'il voulait s'éviter; nous enlèverons à l'enfant intéressé l'avantage qu'il escomptait de sa faute et, à tous, nous infligerons par surcroît la honte de n'être plus crus. Mais gardons-nous bien de déployer dans la répression des fautes une rigueur exagérée. La frayeur pousse l'enfant au mensonge. Amenons-le par la douceur à confesser sans détour ce qu'il a dit ou fait et ne manquons pas de le louer de sa sincérité en lui accordant un pardon qui en sera le prix. Mais ne torturons pas sa conscience en lui demandant l'aveu d'une faute à peine commise au moment où il est tout agité encore par la crainte ou tenu par l'intérêt. Nous risquerions de l'engager à mentir, en ne lui donnant pas le temps nécessaire pour se ressaisir.

Ne considérons plus le mensonge comme un petit défaut, mais bien comme un des principaux vices de notre race. Parlons-en toujours devant nos enfants comme d'une chose basse, indigne, honteuse qui déshonore l'homme, qui le dégrade et le rend méprisable aux yeux de ses semblables. Soyons plus

ngã về đường giả dối, ta phải nghiêm-nhật hơn là đối với những đũa lười-biếng, bảo không ăn lời. Ta cần phải làm sao cho con cháu ta biết rằng nếu chúng phạm hai mươi tội khác ta cũng rộng-dung cho, chớ như chúng giả-dối một chút để che-dậy một tội trong hai mươi tội kia thì ta không tha-thứ được. Nhưng trong khi ta trị cái thói giả-dối là quân thù-nghịch khả-ô nhất của tâm-địa nó, ta chớ nên tin nghe những lời vu-khống của anh chị nó coi thường mà bậy-đặt ra, sự vu-khống tức là một phương nói dối bất-nhân, bất-trí. Ta bảo chúng nó biết rằng nói dối là việc quan-hệ, cái ảnh-hưởng của sự nói dối có hại to, không thể coi thường làm vậy được.

Sau nữa là ta phải ăn ở làm sao cho con em biết rằng ta lấy sự thực-thà làm trọng-yêu lắm, và ta phải lấy sự thực-thà làm một nét hay cốt-yêu mà luyện-tập cho chúng nó. Hễ khi nào có dịp khuyến-kích nó ăn ở thực-thà thì ta đừng nhãng-bỏ. Bất cứ ở nhà hay ở trường, một lời nói, một việc làm thành-thực phải có ngợi khen và ban-thưởng nữa. Cũng có đôi khi đũa trẻ thực-thà lỗ-mạng quá, thành ra trảm lòng người ta. Ta đừng vội mắng nó, ta nên khuyên nhủ nó dịu-dàng và khôn-khéo rằng: « Nói thực rất là việc hay, nhưng không được vô phép. Phải thực-thà, mà cũng phải lễ-phép mới được. » Trong khi trò-chuyện, chớ bỏ mất cái dịp nào nói đến sự thực-thà, ngợi khen sự thực-thà và ngỏ ra ý mình coi sự thực-thà hệ-trọng lớn-lao hơn cả. Nếu ta thấy kẻ dầy người tờ thực-thà, ta khen nó ở trước mặt con cháu ta. Nếu ta xem nhật-trình thấy có việc thực-thà, ta bảo cho con cháu ta biết. Ấy chỉ nhờ những phương-pháp hằng ngày ấy mà ta có thể dạy cho con cháu ta biết yêu-quý sự thực-thà là sự chính ta đã yêu-quý như thế.

VỀ ĐƯỜNG TINH-THẦN GIÁO-DỤC — Cách học kinh-sử chuyên-chê của ta làm cản mất cái tinh hiều-năng, cái trí quan-sát, cái trí đoán-định và cái trí nghị-luận, nói tóm lại là nó ngăn-cản hết cả những đức-ánh thuộc về tinh thần có thể gây thành cái nghĩa chân-lý được. Vậy muốn gây-rừng mở-mang cho con em cái nghĩa chân-lý ấy, ta phải sửa-dổi cách giáo

sévères envers ceux qui se montrent enclins au mensonge ou à la dissimulation qu'envers les désobéissants ou les paresseux. Que nos enfants sachent bien que nous leur pardonnerons plutôt vingt fautes qu'un simple déguisement de la vérité destiné à couvrir une seule d'entre elles. Mais tout en poursuivant ainsi le mensonge comme le pire ennemi de leur vie morale, gardons-nous d'accueillir les accusations à ce propos lancées à la légère par des frères ou sœurs, l'épithète de menteur appliquée sans pitié ni réflexion. Nous leur ferons comprendre qu'un mensonge est chose trop grave et l'impression qu'il provoque trop douloureuse pour qu'on en puisse traiter aussi légèrement.

Enfin montrons à nos enfants, par toute notre conduite, l'importance essentielle que nous donnons à la véracité et faisons en leur principale vertu. Ne négligeons aucune occasion de l'encourager. Dans la famille, comme à l'école, toute parole ou tout acte franc doit être exalté et même récompensé. Il arrive parfois que la franchise de l'enfant est brutale, par conséquent blessante. Ne nous hâtons pas alors de le blâmer, car il pourrait croire que c'est la sincérité même que nous condamnons, mais reprenons le doucement et adroitement: « C'est bien de dire la vérité, mais elle n'exclut pas la politesse. Soyons à la fois francs et bien élevés. » Au cours de nos conversations, saisissons toutes les occasions pour parler de la véracité, pour en faire l'éloge, pour dire toute l'importance que nous y attachons. Si nous constatons que notre domestique est sincère, louons-le en présence de nos enfants. Si nous lisons dans un journal un acte de probité, signalons-le à leur attention. C'est par l'emploi quotidien de tels moyens que nous parviendrons à leur faire comprendre combien ils doivent aimer la franchise que nous estimons nous-mêmes à ce point.

EDUCATION INTELLECTUELLE. — Notre culture à la fois livresque et dogmatique entrave le développement de la curiosité, de l'esprit d'observation, du jugement et du raisonnement, toutes qualités intellectuelles que nécessite la formation du sens de la vérité. Pour cultiver et fortifier ce sens chez nos enfants, réagissons donc contre notre enseignement routinier en leur faisant

huấn cò xưa lại, luyện tập cho con em ta được nhiều tính tốt nhờ đó có thể hiểu biết, mèn-yêu và tìm-tòi cái chân-lý một cách tuần-tự được.

Trẻ con muốn thỏa-mãn cái tính tò-mò thì hay hỏi-han cha mẹ luôn luôn. Cha mẹ phải kiên-nhẫn rộng-dung mà nghe con cái hỏi-han, vì những câu hỏi ấy gọi cho ta biết rằng chúng có trí khôn cũng có tính tự-nhiên muốn tìm cỗi học thức và muốn nhờ sự học-thức tìm điều chân-lý vậy. Có khi trẻ hỏi ta mà ta hơi lúng-túng, những khi ấy ta chớ khinh bỏ đi hay là trả lời không thực. Thí dụ nó hỏi: «Sao giờ lại mưa?» ta chớ giả lời: «Tại trên ấy có ông thần chuyên riêng về việc trời đất». Vì như thế, chẳng hướng sai cái trí suy-xét của nó đi thì một ngày kia, nó cũng biết là ta lừa-dối nó, mà lừa-dối nó thế, là làm gương bất-chính cho nó noi theo. Cha mẹ và thầy giáo cần phải khuyến-miễn cho trẻ con có tính hiên-năng vì tính ấy là một bước khởi-thủy tìm đường chân-lý và có nhiều những gương tốt lắm; các ngài phải nên giữ trẻ đừng để nó vì lém-lỉnh mà lời nhiều câu vô-ích thôi; muốn thế, bắt nó phải nghĩ rồi hãy nói.

Trẻ con chỉ nhờ về lúc nào cũng có tính nghĩ-ngợi để biết đích-sắc cái tâm-sự nó và các việc ở quanh mình nó, mà nó có thể đoán-tính được công-minh những sự xảy ra ở trước mắt hay là kẻ lọt vào trong tai nó, sự đó tức là con đường noi tời chân-lý vậy. Ta cần sự mở-mang cho nó cái trí quan-sát phần nhiều còn kém-cỏi lắm, nghĩa là ta phải tập-tành cho nó biết chú-ý và biết quan-sát, ta phải trừ bỏ những cái ý-tưởng non-thiếu, sai-lầm nó thường lộ-xuất ra làm cho sự quan-sát của trẻ không được kết-quả vẹn-tuyền.

Sự đoán định của trẻ-thơ thường hay nông-nổi và hay chuyên-nhất, nên chỉ hay sai-lầm. Cha mẹ và thầy-giáo phải dạy cho nó biết xem xét, phải có kiên-tâm nghe lấy và sửa lại những ý quyết-định mới-mẻ của nó và khiến nó đem những ý ấy đo với sự-vật ở đời, phải tập quen cho nó cái tính biết phá cái hình-thực bề ngoài mà tìm cái thực-sự ở trong cùng là biết truy-tâm cái nguyên-ủy của các việc xảy ra cho thật đích-sắc. Phải chữa-sửa cả những đượng ăn tiếng nói sai-lầm

acquérir ces habitudes grâce auxquelles ils pourront parvenir à concevoir, aimer et rechercher méthodiquement la vérité :

Pour satisfaire son désir de connaître, l'enfant accable souvent ses parents et ses maîtres de questions. Ils doivent les accueillir toutes avec une patience bienveillante, car elles révèlent la vie de l'intelligence et son instinctif élan vers la connaissance et par elle vers la vérité. Il arrive que souvent les questions posées par l'enfant nous embarrassent un peu ; gardons-nous bien alors de les rejeter avec mépris ou d'y répondre par des mensonges. Si l'enfant demande par exemple : « Pourquoi pleut-il ? », ne lui répondons pas qu'il y a dans le ciel un génie chargé d'arroser la terre ». En répondant ainsi, ou bien nous fausserons à jamais son jugement, ou bien il apprendra un jour que nous l'avons trompé et cet exemple sera pour lui démoralisant. Parents et maîtres doivent encourager cette curiosité de l'enfant, car elle est au départ de la recherche de la vérité et féconde en exemples excellents ; ils auront seulement à prévenir l'abus des questions vaines que seul l'amour du bavardage justifie en engageant les enfants à réfléchir avant de parler.

C'est en acquérant l'habitude de tenir constamment son intelligence en éveil pour se rendre un compte exact et précis de ce qui se passe en lui et autour de lui, que l'enfant pourra parvenir à porter des jugements équitables sur les événements dont il sera témoin ou qui lui seront racontés, ce qui est l'acheminement vers la vérité. Appliquons-nous à développer en lui cet esprit d'observation généralement insuffisant en l'habituant à fixer son attention et à observer en rejetant toute idée préconçue, tout préjugé qui interviendrait pour fausser le résultat de ses observations.

Les jugements de l'enfant sont souvent superficiels et absolus, par conséquent sujets à l'erreur. Les parents et les maîtres doivent l'aider à bien voir, redresser et contenir avec patience ses premières affirmations et les lui faire comparer avec les choses. Ils lui feront prendre l'habitude de chercher la réalité sous l'apparence, de relier l'effet à la vraie cause. Ils redresseront les incorrections de langage qui sont souvent des incorrections de pensée et se garderont d'exposer devant

của nó, vì đó thường cũng là biểu-hiệu cái tư-tưởng của nó đấy. Lại phải giữ miệng đừng ngỏ cho nó biết những cái ý-tưởng cường-ngạnh, những câu đoán-định quá-khích cùng những sự vọng-đoán mà cái trí chuyên-nhất của nó thường khi lại khuyếch-chương ra quá-đáng.

Sự nghị-luận của trẻ con thường không được chắc-chắn. Muốn tập-nhiệm cho nó cái tính nghị-luận chính-đáng và nghiêm-nghị, thì phải trừ bỏ những cái tính dốt-nát, cầu-thả, chưa kinh-nghiệm, hay hấp-tấp, không buồn nghĩ-ngợi, không chịu kết-đoán, vì những tính xấu ấy thường làm sai-lầm cái lý-luận của nó đi. Sau phải dùng một cách giáo-huấn có trật-tự đã khảo-sát kỹ-càng và kinh-nghiệm đích-đáng mà dạy-bảo cho nó thì nó mới thành tính nghị-luận đích-đáng và kỹ-càng được. Ấy chính là ta tập-nhiệm cho con em cái tính nghị-luận công minh mà tự-nhiên khiến chúng mến-yêu cái chân-lý đó.

Một cách giáo-huấn tương-tận như thế sẽ bồi-bổ cho cái nết thực-thà của con em ta một phần khá lớn. Lúc nào nó cũng phải quan-sát, đoán-định và nghị-luận, thành ra nó sẵn tư-cách biết phân-biệt điều hay cùng điều dở và biết hướng lời nói và việc làm của nó về đường chân-lý hơn

* * *

Tiếc thay! phần nhiều cha mẹ và thầy giáo An-nam ta còn lấy cái nghĩa tối-yêu của sự thành-thực kia làm mới-lạ lắm. Họ không như người Tây, họ coi thường sự dan-dôi và sự thật-thà quá. Đối với họ thì dan-dối mới là một tật xấu nhỏ, không thể sinh ra những sự nguy-hiểm được — ấy phần nhiều người vẫn tưởng thế —, còn tính thật-thà thì chỉ là một nết tốt xoàng, kém xa những nết vàng lời và nết có phép. Cái tư-tưởng ấy rất có hại cho sự giáo-dục trẻ thơ. Chính cần phải trị tước dan-dối và gây nết thực-thà cho con trẻ, thế mà không mấy người có sức lưu-tâm đến cả. Có lạ gì, việc mình đã không lấy làm hệ-trọng thì khi nào mình chịu để ý đến. Ta rất mong rằng các bậc cha mẹ và thầy giáo nên suy-nghĩ về mấy lời sau này, vì mấy lời ấy là một điều chân-lý sâu-xa nó tỏ cho mình biết rằng sự thành-thực đáng quý và sự gian-dối đáng khinh là nhường nào: «Lời khen có giá-trị nhất mà ta có thể ban cho một người nào

lui des opinions violentes, des jugements passionnés, des préjugés que son esprit absolu risquerait encore d'exagérer.

Le raisonnement de l'enfant est peu sûr. Pour l'habituer à un raisonnement logique et rigoureux, on combattra l'ignorance, l'imprécision, l'inexpérience, la précipitation, la répugnance à réfléchir, l'impatience de conclure, toutes ces causes d'erreurs qui contribuent à fausser le raisonnement enfantin. Puis on donnera à l'enfant un enseignement méthodique, fait de recherches rigoureuses et de constatations précises qui lui permettra d'acquérir les qualités de précision et de rigueur dans le raisonnement. C'est précisément en habituant nos enfants à raisonner juste que nous leur ferons aimer le vrai.

Une culture ainsi comprise fortifiera dans une certaine mesure le sens de la sincérité chez nos enfants. Constamment appelés à observer, à juger et à raisonner, ils seront plus aptes à distinguer le vrai du faux et à conformer leurs paroles et leurs actes à la vérité.

* * *

Cette notion de l'importance primordiale de la sincérité paraîtra, hélas, presque nouvelle à la plupart des parents et des maîtres annamites. Contrairement à ce que font les Français, ils n'attachent une réelle importance ni au mensonge, ni à la franchise. Pour eux, l'un n'est qu'un petit défaut peu susceptible d'entraîner de fâcheuses conséquences, comme on le croit généralement, l'autre, une qualité médiocre beaucoup moins appréciable que l'obéissance et la politesse. Une telle conception nuit gravement à l'éducation que reçoivent nos enfants. On ne s'applique pas à combattre le mensonge et à développer la franchise chez eux, comme il faudrait tant le faire. Et c'est assez naturel, car on traite légèrement toute question à laquelle on n'attache pas d'importance. Nous ne saurions trop engager nos parents et nos maîtres à méditer ces paroles d'une vérité profonde qui montrent à quel point la sincérité est estimable, le mensonge, odieux : « Le plus bel éloge

được, tức là cầu bảo người ấy rằng: «Ông là người thực-thà» (Le Bruyère). — «Sự nói dối là một tật xấu khá-bi. Nếu ta biết nó đáng sợ-hãi gớm-ghe ngần nào thì ta dùng súng-lửa mà đánh đuổi nó đi, ta xử thế đối với tật nói dối cũng bằng hơn là đối với các tật xấu khác...» (Montaigne).

Nhiều người nói rằng: những lời đó có phần quá-đáng-lắm. Nhưng nếu những người ấy nghĩ đến cái kết-quả gớm-ghe của sự nói dối, thì tất-nhiên cũng phải công-nhận rằng những lời nói kia không có gì là quá-đáng cả. Tật nói dối là cái nguồn suối sinh-sản ra các thứ sú-hương: Khi mình đã cố ý giữ kín một cái lỗi gì ở trong bụng mình mà mình chẳng nói ra miệng, thì thế nào mình cũng sẵn lòng phạm điều lỗi ấy. Ở trong xã-hội, nếu không phải sự ăn cắp thì không còn sự gì là tội nặng nhất nữa, người trong xã-hội mà không có lòng tin-cả-nhau do ở bụng tốt của mình ra thì còn thế nào giao-tiếp cùng nhau được. Nếu trong một nước ai cũng lừa-đảo gian trá để kiếm tư-lợi một cách bất-trương thì nước không thể có được một công nghệ, thương-mại nào cả, mỗi hàng sẽ tảo hết mà quốc-gia cũng lụn-bại! Một người lái buôn thực-thà, ấy là một người lái buôn tài-khéo khôn-ngoaan nhất. Nếu cái nguyên-lý về khoa-học vì nhà bác-sĩ kém thành-tin mà không được thế-lực ảnh-hưởng tự-do, thì tinh-thần làm sao còn tiến-hóa được nữa; nếu trong một nước mà dân-sự vì nghi-ngờ e-sợ lẫn nhau, mỗi người một nơi, không cùng đồng-tâm hiệp-lực với nhau để làm ăn, thì nước ấy còn khoáng-chương tiến-hóa làm sao được nữa! Một cái không-gian nguy-độc như thế tức là bóp ngạt hơi cả quốc-dân và hại cả quốc-dân không sao tiến-hóa lên được, dân đến thuộc tiên cũng không chữa nổi. Vậy tâm-lòng yêu nước của ta dân, mau mau cảm-khích cho ta biết khinh-sợ một cái tật xấu làm hại nước ta ghe-gớm thế. Nước Pháp nhận-từ hiện đang đem cái lòng thành-tin đang thừa-nhận nó sẽ cứu ta khỏi mắc tật đó mà thay vào cái lòng nghi-hoặc rất nguy-tai gốc bởi sự áp-chê xưa kia mà ra vậy. Ta phải thế cái lòng ấy cho nước Pháp, và ta đã được nước Pháp giúp sức như thế thì ta cũng phải tự bỏ thêm sức cho ta mới được. Đối với nước ta cũng như đối với nước báo-lộ, cái nghĩa-vụ cao nhất của ta là sửa mình tấn-tối về đường tinh-thần luân-lý như thế mà giúp sự tiến-hóa cho tổ-quốc ta.

qu'on puisse faire d'un homme, c'est de dire de lui : « Il est un homme vrai » (La Bruyère). « Le mensonge est un maudit vice. Si nous en connaissions l'horreur et le poids, nous le poursuivrions à feu, plus justement que d'autres vices... » (Montaigne)

Ces pensées, diront certains, contiennent une grande part d'exagération. Ils comprendront qu'il n'en est rien, s'ils veulent bien envisager les conséquences terribles du mensonge. En lui est la source de toutes les tentations mauvaises : il n'est pas de faute qu'on ne puisse être disposé à commettre lorsqu'on garde en son cœur le ferme espoir de la cacher. Dans la vie sociale, aucune faute, si ce n'est le vol, ne revêt un caractère d'une aussi extrême gravité, car les rapports entre les hommes seraient rendus parfaitement impossibles sans la confiance qui naît de la bonne foi. Plus de commerce, plus d'industrie possibles dans un pays où chacun ne cherche qu'à accroître malhonnêtement ses premiers gains par la fraude et la tromperie : c'est bientôt l'exode de la clientèle et la ruine du pays ; la parfaite probité est la meilleure habileté du bon commerçant. Plus de progrès intellectuel possible, si le principe d'autorité scientifique ne peut plus jouer librement par le défaut de bonne foi du savant ; pas d'expansion, pas de progrès pour un pays dont les habitants sont isolés les uns des autres par la méfiance générale et la suspicion de chacun envers tous. Cette atmosphère empoisonnée étouffe le pays et compromet irrémédiablement sa croissance. Que l'amour pour notre pays sache donc nous inspirer l'horreur d'un défaut qui lui nuit aussi gravement. La France bienveillante s'applique à substituer à la méfiance funeste qu'engendra jadis l'oppression une confiance reconnaissante et joyeuse qui nous aidera à nous libérer de ce défaut. Sachons le comprendre et aidons-nous nous-mêmes, puisque nous sommes si bien aidés. Envers notre cher pays comme envers la nation protectrice, notre premier devoir est de travailler ainsi par le progrès moral à notre propre élévation.



NÓI VỀ CÁCH CHỌN NGHỀ

Trích ở quyển « Trước khi chọn nghề mà làm »

của E. MAUVEZIN

BÙI-HUY-CƯỜNG dịch

Đành rằng muốn cho nước được mở-mang cường thịnh thì cần phải khai-khẩn lợi-dụng các nguồn-thác, các bờ bến, các mỏ và các đất-cát phì-nhiều của Pháp-quốc ta (1) nhưng thế cũng chưa đủ.

Trước hết và nhất là phải biết lợi-dụng những cái đức-tính của giống nòi ta, nghĩa là phải hướng trẻ về một nghề nào hợp với tư-chất của nó hơn cả và rồi ra nó có thể sinh hoa-lợi được hoàn-toàn viên-mãn.

Nếu ta muốn cho nước ta thành một nước kỹ-nghệ, thì cái mục-dịch ta phải cố sức noi theo là sinh-sản ra nhiều hoa-lợi, tốt và rẻ.

Sự công-nhiên thường thấy là trong 100 người làm một nghề nào, thì được độ 2 người làm tốt, 20 người làm xoàng, còn bao nhiêu chỉ nên đi chọn nghiệp khác mà làm thì hơn. Nếu biết chọn nghề cho hợp tài hơn thì đâu đến nỗi kết-quả loàng-xoàng như thế!

Nay đem một ngành lao-động mới-mẻ ra mà khảo sát xem ngành ấy cần đến những đức-tính làm sao, trí khôn và học-thức thế nào, ta sẽ hiểu ra rằng dầu một nghề có tiếng là dễ, nhiều người khinh là tầm-thường, mà những tư-cách

(1) - Bài này chỉ vào Đại-Pháp, nhưng đem nói vào Đông-Pháp cũng rất được lắm (T. S.)

DU CHOIX D'UNE CARRIÈRE

Extrait de « Avant de choisir son métier »

par F. MAUVEZIN

Traduit par BÙI HUY-CƯỜNG

Pour relever notre pays, s'il est très important de mettre en valeur nos chutes d'eau, nos ports, nos mines, la terre féconde de France, (1) cela ne suffit pas.

Il faut surtout et avant tout, tirer le meilleur parti des qualités de notre race, en orientant chaque enfant vers le métier qui convient le mieux à ses aptitudes et dans lequel il pourra donner son rendement maximum.

Produire beaucoup, bien et à bon marché, tel est le but vers lequel doivent tendre nos efforts si nous voulons exister en tant que pays industriel.

Il est prouvé que sur 100 personnes exerçant un métier ou une profession quelconque, 2 environ l'exercent de façon remarquable, une vingtaine de façon moyenne, mais que toutes les autres auraient mieux fait de choisir une autre voie. Une orientation rationnelle ne pourrait-elle donner de moins médiocres résultats?

Etudions une branche nouvelle d'activité, examinons l'ensemble des qualités morales, l'intelligence, les connaissances qu'elle nécessite et nous sommes aussitôt amenés à penser que les aptitudes indispensables à un métier, même réputé facile,

(1) - Ce qui est dit ici pour la France s'applique parfaitement à l'Indochine (Réd.).

cần-dùng để làm nghề ấy cũng nhiều-khê lắm, khó mà thấy một người đủ cả được. Xem thế sẽ biết tại sao mà ta thấy ít người làm nghề được hoàn-toàn trọn-ven.

* *

Ta phải học, phải biết tính-tình con cái ta. Ta phải dạy cho nó tự xét, tự biết mình nó.

Ta phải cố sức luyện tập cho nó làm một nghề gì hợp với tư-chất nó, một nghề gì nó có thể đem hết tài-năng, trí-lực, tâm-hồn vào làm được.

Ấy thế là sau này ta sẽ ngỏ cái bí-mật của sự hạnh-phúc cho nó biết đó.

.....

Nước ta sẽ tiến-hóa được một bước cao, khi nào mà khắp người trong nước cùng hiểu rằng không phải bất cứ ai bạ nghề gì cũng có tư-cách làm được đâu!

* *

Sự chọn nghề và hướng trí cho trẻ con trước hết là một vấn-đề giáo-dục của thầy giáo, của cha mẹ và của những người dượng người làm việc.

.....

Không còn cái gì vui bằng trông thấy một người làm một nghề gì mà được cái địa-vị sùng-dâng ở trong nghề ấy.

* *

Nếu ở trên đời này mỗi người được một việc làm sùng-dâng với tài-năng mình thì cuộc đời vui sướng biết là bao nhiêu nhỉ?

.....

et souvent dédaigné comme peu intéressant, sont assez complexes pour se trouver rarement réunies chez un même individu. Nous nous expliquons alors le petit nombre de ceux que nous voyons réussir.

* *

Etudiez bien vos enfants. Apprenez-les à se connaître.

Efforcez-vous de les aiguiller vers un métier bien en rapport avec leurs facultés, un métier auquel ils pourront consacrer toutes leurs forces, toute leur intelligence, toute leur âme.

Vous leur aurez ainsi révélé le secret du bonheur.

.....

Un progrès énorme sera réalisé dans notre pays lorsqu'on aura compris que n'importe qui n'est pas apte à faire n'importe quoi.

L'orientation personnelle de l'enfant est avant tout une question d'éducation des Maîtres, des Parents et des Employeurs.

.....

Rien ne plaît plus que de voir un homme parfaitement à sa place dans le métier qu'il exerce.

Que le monde serait agréable si chacun occupait la place qui lui convient.

.....

Những cái thiên-tư chi-khiếu của người ta khác nhau không biết đâu mà kể, các công việc làm ăn ở đời cũng thế. Sự chọn nghề hướng trí cho người nào, tức là tìm kiếm cho người ấy được một việc mà người ấy có tư-cách làm giỏi hơn cả.

Trong việc chọn nghề mà làm, trẻ con và thanh-niên ít ra cũng vụ chữ hợp-thời như đàn bà con gái ở trong việc may vá áo quần vậy.

Cái sức khỏe là một báu quý nhất đời; chớ bắt trẻ con làm một việc gì hại đến sức khỏe của nó hay là làm cho nó yếu thêm.

Về phương-diện xã-hội, một chỗ làm của người thế-gian chỉ có cái lợi nhỏ thôi, sự cốt-yếu là cái phận-việc của chỗ làm ấy phải cho hoàn-toàn đầy-đủ.

Những sự khuynh-hướng sai lầm của con trẻ hầu hết là bởi chúng tự-dắc coi mình giỏi-giang tài-cán mà ra. Chúng làm thế không phải vì xuy-sét kỹ-càng, nhưng chỉ vì vô-tâm tham-muốn một nghề nào đang hợp-thời đó thôi.

Tưởng rằng trong việc chọn nghề hướng tâm chỉ nên lấy những tư-chất thuộc về thân-thể làm trọng thời thì thật là

Les facultés, les aptitudes de l'homme varient à l'infini. Les travaux à exécuter aussi. L'orientation professionnelle consiste à rechercher pour chacun l'occupation à laquelle il est le plus apte.

Les enfants et les jeunes gens sacrifient au moins autant à la mode dans le choix de leurs métiers que les femmes dans la coupe de leurs vêtements.

La santé est le premier de tous les biens; ne donnons pas à l'enfant un métier qui puisse compromettre sa santé ou aggraver ses faiblesses physiques.

Au point de vue social, la place qu'un homme occupe dans le monde, n'a qu'un intérêt secondaire; l'important est que la tâche que cette place comporte soit parfaitement remplie.

Presque toutes les graves erreurs d'orientation des enfants proviennent de ce qu'ils ont des idées trop avantageuses sur leurs possibilités. Ce n'est pas leur raison qui les guide, mais leur enthousiasme inconscient pour tel ou tel métier à la mode.

C'est une erreur grossière que de penser que dans l'orientation professionnelle il ne faut considérer que les aptitudes

lầm quá. Minh hướng trí lầm cho trẻ con thường là tại mình chọn cho nó một nghề cao hơn cái học-thức của nó hay là nó không đủ kiên-tâm mà làm.

Bổn-phận của cha mẹ là phải tìm kiếm cho con một việc nào xứng đáng nhất với tài-năng nó, nhưng chớ bao giờ quên rằng nhia hơi thấp thì ít nguy hơn là trông quá cao mới được. Thà rằng thừa sức làm một việc dễ còn hơn là đuối sức làm một việc khó.

Không cho trẻ học còn làm hại nó ít hơn là cho nó học để nó lấy cái bản-căn của nó làm xấu-hỏ.

Biết bao nhiêu cha mẹ muốn cho con được quyền cao chức trọng hơn mình mà lại làm cho nó bị khổ-sở khổ-nạn cả!

Biết bao người chỉ vì ít đức-tính mà dẫu làm nghề gì cũng chỉ kém-đạt thôi.

Các ngài phụ mẫu ơi! nếu các ngài có chắc rằng con cháu mười phần sẽ đỗ-đạt hiển-vinh được tám và sẽ bảo-tồn được quyền-chức mãi mãi, thì các ngài hãy cho các cô, các cậu ấy vào trường cao-đẳng, chuyên-môn mà học; bằng không chắc như thế, xin các ngài mau mau dạy bảo các cô các cậu ấy luyện-tập về nghề canh-nông, thương-mại, kỹ-nghệ cho sớm.

physiques. L'erreur d'aiguillage d'un enfant provient, très souvent, du choix d'un métier pour lequel il n'a qu'une instruction insuffisante, ou pas assez de persévérance

Le devoir des parents est de rechercher pour leurs enfants la situation la plus haute compatible avec leurs facultés, en n'oubliant jamais qu'il est beaucoup plus dangereux de viser trop haut que trop bas. Il vaut mieux être un peu trop capable pour un métier facile que pas assez pour un métier difficile.

On rendrait un moins mauvais service à l'enfant en le laissant sans instruction qu'en lui en donnant une qui puisse l'amener à rougir de ses origines.

Que de parents en voulant donner à leurs enfants une situation supérieure à la leur, en ont fait des victimes et des malheureux.

Par suite du manque de qualités morales, combien resteront inférieurs dans quelque situation qu'on pourra leur offrir!

Parents, n'envoyez votre enfant dans une école supérieure, technique ou non, que s'il a au moins 80 pour cent de chances d'y être reçu dans un rang honorable et de s'y maintenir dans les mêmes conditions. S'il n'a pas ce pourcentage de chances, aiguillez-le, sans plus tarder, dans la vie active, agricole, commerciale ou industrielle.

Có ít nhiều đức-tính cốt-yếu, mà ở đầu hàng những đức tính ấy ta để cái nghị-lực và cái hạnh-kiêm, rồi lại có biết tinh nghề mình nữa, bất cứ nghề ấy là nghề gì, thì thực là có đủ đồ hành-lý đi trên con đường đời vậy.

Cái gia-tài quý nhất của cha mẹ để cho con là sự dạy dỗ cho nó một nghề gì thật đến nơi đến chốn để về sau bất cứ làm sao nó cũng kiếm đủ ăn được.

Rồi ta ra làm sao nhỉ? Nay ta cứ muốn cho trẻ con học nhiều để chúng không thêm đề tai nghe đến những nghề nghiệp cần nhất cho sự sinh-hoạt của xã-hội nữa.

Ta chớ nên coi nhà nước như ông Tạo-hoá có phép giải-quyết được tất cả những vấn-đề khó-khăn có thể xảy ra được. Ta nên trông ở sức ta thì hơn. Nếu hội ta, đoàn ta cần người tập nghề thì ta nên mộ lấy chớ nên giao cho kẻ khác. Nếu việc mà ta còn không lưu-tâm đến thì ai người chú ý cho?!

Đến cái ngày nào mà các nghề khó được các người giỏi làm thì ở dưới bóng thái-dương, tất nhiều sự thay đổi. Ngày nay thì trẻ càng tâm-thường bao nhiêu lại càng thêm muốn làm-ăn những việc cần đến nhiều thông-minh học-thức hơn.

Posséder quelques qualités essentielles au premier rang desquelles nous placerons l'énergie et la bonne conduite puis savoir son métier, quel qu'il soit, constitue un bagage amplement suffisant pour réussir dans la vie.

Le meilleur héritage que les parents puissent laisser à leurs enfants, c'est de leur faire apprendre sérieusement un métier, les mettant en situation de pouvoir, quoi qu'il arrive, gagner convenablement leur vie.

Où allons nous? On veut donner aux enfants toujours plus d'instruction et munis de cette instruction, ils ne veulent plus entendre parler des métiers les plus indispensables à notre existence sociale

Ne considérez donc pas l'Etat comme une Providence capable de résoudre toutes les difficultés qui peuvent vous arriver. Comptez plutôt sur vous-mêmes. Votre corporation a-t-elle besoin d'apprentis? Qu'elle les fasse et ne laisse pas ce soin à d'autres. Si la question ne l'intéresse pas, qui voulez-vous qu'elle intéresse?

Le jour où les métiers les plus difficiles seront faits par les plus capables, il y aura quelque chose de changé sous le soleil. Aujourd'hui, plus les enfants sont médiocres et plus ils sont séduits par certains métiers demandant beaucoup d'intelligence et d'instruction.

Trong những các nghề mà người ta có thể chọn làm để sinh-nhai được, không có nghề nào giữ cho mình được ấm no chắc-chắn bằng nghề thủ-công.

Hỡi các ngài phụ-mẫu! Các ngài hãy nghĩ và hãy bảo tôi xem nghề lao-dộng nào là nghề kiếm ăn được ở chôn-tỉnh thành, ở nơi thôn-giã, ở nước Đại-pháp, ở xứ Hoa-kỳ, ở bên Nhật-bản và bất cứ ở một nước nào người ta chưa biết nói mấy cũng được. Các ngài liệu có tìm thấy nghề nào không hay lại chỉ có một nghề thủ-công thôi?

Cái số người chết đói, chết khát đem so với cái số người chết vì quá ăn, quá uống thì thật là ít-ỏi quá.

Cái số người chết vì làm-lụng quá đem so với cái số người vì lười-biếng và vì những cái tai-vạ của sự lười-biếng xảy ra mà chết ngay từ khi còn trẻ-trung thì cũng ít-ỏi quá như thế.

Muốn sống ở đời cho trọn đạo, ta cần biết một việc mà biết cho ven-toàn còn hơn là biết nhiều việc mà chỉ biết mập mờ thôi.

Thông-minh mà không có hạnh-kiêm và kiên-nhẫn thì là một bộ hành-lý rất sơ-sài thiếu-thốn cho một người leo lên con đường đời gồ-gề hiểm-trở.

Parmi les occupations que peut choisir l'homme pour assurer son existence aucune ne le met aussi sérieusement à l'abri de la misère qu'un métier manuel.

Parents, réfléchissez et dites-moi quel est le genre d'activité permettant de gagner sa vie à la ville, à la campagne, en France, en Amérique, au Japon, n'importe où enfin, dans un pays même dont on connaît médiocrement la langue? En découvrez-vous un autre que le métier manuel?

Le nombre de ceux qui meurent de faim et de soif est infime par rapport à ceux qui meurent d'avoir trop mangé ou trop bu.

Le nombre de ceux qui meurent d'avoir trop travaillé est également infime par rapport à ceux que la paresse et ses conséquences font mourir avant l'âge.

Pour faire son chemin dans la vie, il est beaucoup plus important de ne savoir qu'une chose, mais de la savoir bien, que d'en connaître médiocrement plusieurs.

L'intelligence sans conduite et sans persévérance est un bien maigre bagage pour gravir la rude route de la vie.

Một nước có thể nhờ canh nông mà sinh-tồn về tư-bản được không phải trông vào các nước bên ngoài, thì nước ấy cường-thịnh đến đâu nhỉ?

.....

Người ta thường nghe thầy nói rằng: « Con tôi có thể làm được việc khá chớ không chỉ là một người nông-phu xoàng thôi », vậy thử hỏi còn nghề nào lịch-sự, lành-bổ, tự do, sang-trọng, cần nhiều thông-minh hơn là nghề nông-phổ nữa không? Ta phải biết rằng người nông-phu là người đã lợi-dụng được cái sức mạnh của mặt trời, của dòng nước, của không-khí và của các vật nhỏ vô-cùng-tận đó.

.....

Một người nhà quê lại nối nghiệp nhà quê của ông cha thì tưởng không còn cái nghiệp nào đáng thêm-muốn hơn nữa. Ta có thể là người nhà quê nết na, là người nhà quê thông-thái, là người nhà quê lịch-đuyệt cũng có, là người nhà quê phú-quý cũng nên, nhưng bao giờ cũng là người nhà quê mới được. Hỡi bác nhà quê! bác phải lấy nghiệp nhà làm về-vang nhé!

.....

Những người nông-phu, dầu không biết làm máy tỳ nào, nhà quê ta cũng cần đến nhiều hơn là những người làm máy chạng biết nghề nông tỳ nào.

.....

Biết bao nhiêu trẻ con nhà quê nếu cứ theo học trường làng thì có phải trở nên những người nông-phu tráng-khiến và làm nên giàu-có sung-túc không, nhưng người ta cứ muốn bắt chúng học lấy tú-tài, cử-nhân kia! Đến khi chúng đỗ-đạt rồi, ngoài chốn thành-thị ra, chúng không coi đâu là

Quelle force pour un pays que de pouvoir, grâce à son agriculture, vivre sur son propre fonds sans avoir recours aux autres nations pour se nourrir.

.....

« Mon fils peut faire autre chose qu'un simple cultivateur », entend-on dire trop souvent Or, est-il un métier plus beau, plus sain, plus libre, plus noble, demandant plus d'intelligence que celui de cultivateur? Songez donc qu'il utilise les formidables puissances du soleil, de l'eau, de l'air, des infiniment petits!

.....

Est-il une carrière plus enviable pour le fils du paysan que de rester paysan comme son père? Paysan bien élevé, paysan instruit, ayant voyagé si possible paysan riche, peut-être, mais paysan tout de même. Paysan, sois fier de ta profession.

.....

Nos campagnes ont plus besoin d'agriculteurs, même ne connaissant rien à la mécanique, que de mécaniciens ne connaissant rien à l'agriculture.

.....

Que de fils de paysans auraient pu faire de braves cultivateurs et se créer ainsi une honnête aisance s'ils avaient seulement fréquenté l'école de leur village mais on a voulu en faire des Bacheliers, des Messieurs. Dès lors ils trouvent indignes de vivre ailleurs qu'à la ville. S'ils sont incapables de faire leur

noi đang ở nữa. Mà nếu chúng vào làm được những việc thuộc về tinh-thần đã vậy, bằng không chúng chỉ tỏ làm to thêm cái đạo quân toàn người nhõ-thời và người cay đời mà thôi.

Làm một việc gì mà thừa sức, thừa tài, hay là thừa trí nữa, kể ra thì cũng hơi khó chịu thật, song chưa nguy-hiểm bằng làm một việc gì mà đuối sức, không thể trọn được bổn-phận đòi với việc ấy.

Cớ sao mà khi đưa trẻ học giỏi ở trường người ta chỉ muốn hướng nó về đường hư-vấn hay là cho nó vào trường chuyên-môn thôi?

Người ta sợ rằng nếu đưa bé ấy làm một nghề gì khác thì dở-dang hay sao? Một người nhà in tài giỏi, một người thợ mộc hoàn-toàn cũng cần có nhiều ý-trí thông-minh như một người lao-động bằng tinh-thần, bất cứ là người nào ông kể ra đây cũng được. Ông có dám chắc người thợ bạn đứng đốc-công xây cái tháp Eiffel — người ấy chỉ tên là thợ bạn thôi — cũng là một người thường đó hay sao?

Nhiều người tưởng mình dở-dang vì phải học-tập một nghề mà mình cho là dễ quá, nhưng chính thực ra dở-dang vì không đủ tài học một nghề khó hơn; những kẻ ấy thường hay đăng thêm vào đạo quân những người nhõ thời và cay đời nhiều nhất.

Người nhõ thời là người đi ở trên đời mà không biết

chemin dans les carrières libérales, ils grossissent alors l'armée innombrable des ratés et des aigris.

S'il y a peur de mal à être trop robuste ou trop instruit, ou même, si vous voulez, trop intelligent, pour le métier que l'on fait, il y a par contre un danger énorme à être inférieur à quelques-unes des tâches que l'on peut avoir à accomplir dans son état.

Pourquoi dès qu'un enfant réussit bien en classe, veut-on absolument l'aiguiller vers les professions libérales ou l'envoyer dans une grande école technique?

Craint-on que cet enfant déchoie en apprenant un métier? Il faut tout autant d'intelligence pour faire un parfait imprimeur, ou un excellent charpentier, que pour exercer quelque profession libérale que vous me pourrez citer. Croyez-vous que le compagnon charpentier qui a dirigé le montage de la Tour Eiffel — il s'appelait justement Compagnon — était un homme ordinaire?

L'armée des ratés et des vaincus de la vie est surtout alimentée par ceux qui auraient cru déchoir en apprenant un métier soi-disant facile et qui ont réellement déchu en se révélant incapables d'en apprendre un difficile.

Le raté est celui qui marche dans la vie sans savoir où il

mình đi đâu, hay là người tự vẽ lấy một cái đích khó quá rồi không bao giờ có thể đạt tới được.

Nghề nào mà có người mẫn làm và làm một cách thông minh thì thật vui-thú cho người ấy lắm.

Người yêu nghề quá đến nỗi làm vẽ-vang cho nghề thì là tự làm vẽ-vang cho mình đó.

Bảo trẻ con rằng có nghề hay, có nghề dở thì thực là lầm. Ai thạo nghề thì biết nghề là hay, ai không thạo nghề thì cho nghề là dở.

Thê kỹ ta bây giờ ít người có tâm hơn là có khiêu, ít người có trí hơn là có học,

Từ xưa đến nay không có một đoạn lịch-sử nào mà ta cần phải phê-chương những ý-tưởng về hảo-tâm, nghĩa-vụ như đời bây giờ.

Cái giá-trị của người ta do ở ba cái đức-tính: đức-tính về thể-lực, đức-tính về tinh-thần, đức-tính về đạo-lý, nhưng mà cái thân-hề và cái học-thức đem so với cái nghị-luận và cái nghị-lực phải nhẹ hơn mới được.

va ou qui, s'étant tracé un but trop difficile, sera toujours incapable de l'atteindre.

Tout métier est intéressant pour celui qui l'exerce avec intelligence et amour.

L'homme qui aime passionnément son métier, en le glorifiant, se glorifie lui-même.

C'est une erreur de dire aux enfants qu'il y a de bons et de mauvais métiers. Tout métier est bon pour celui qui le sait à fond, tout métier est mauvais pour celui qui le sait mal.

Notre époque manque beaucoup plus de conscience que d'intelligence, de caractère que de savoir.

Jamais, à aucune époque de notre histoire, il n'a été plus nécessaire qu'aujourd'hui d'exalter les idées d'honnêteté et de devoir.

La valeur de l'homme dépend de trois éléments: ses qualités physiques, ses qualités intellectuelles et ses qualités morales; mais que la taille et l'instruction pèsent peu, comparées au jugement et à l'énergie!

Cái người nào biết trách nhiệm việc mình và đáng trách-nhiệm ấy thì thế nào cũng làm được việc.

Người ấy thật có tư-cách làm một ông chủ, khi những kẻ khác nằm ngủ thì người ấy ngồi làm, khi những kẻ khác ngáp-ngừng thì người ấy quyết-định.

Lắm khi người ta có nhiều tính tốt nhưng cũng chỉ đáng làm dưới quyền kẻ khác thôi; cái nết nó khiến mình có thể làm người chủ được, tức là cái trí sáng-kiến và cái lòng can-dảm không hải trách-nhiệm.

Kẻ nào không có tài-đức, mà lại hay tham-muốn thì khiến cho ta phải mỉm cười, nhún vai.

Tự-tín là một nết hay cần phải khuyến-miễn, song tự-tín mà không nghĩ-ngợi thì là liều-lĩnh.

Bao nhiêu người bị sạt-hại vì nổi tưởng mình thừa sức làm một việc gì mà mình chưa nghiệm-cứu được tường-tân.

Người nào bất-cứ làm nghề-nghiệp gì mà ăn-tiêu quá lương-bổng thì hình như sinh ra dễ rồi nghèo khổ mà chết vậy.

Thường thường chỉ những người có ít là hay tiêu nhiều thôi.

Le succès est certain pour celui qui sait prendre des responsabilités et qui en est digne.

Celui-là a vraiment l'étoffe d'un chef qui travaille quand les autres dorment, qui veut quand les autres hésitent.

On peut avoir d'excellentes qualités et n'avoir que l'étoffe d'un subalterne; ce qui révèle le chef, c'est l'initiative et le courage des responsabilités.

L'ambition de celui qui n'a pas de qualités nous fait sourire et hausser les épaules.

La confiance en soi est un état d'âme à encourager, mais sans la réflexion, c'est de la témérité.

Combien se ruinent en se croyant très forts sur des sujets qu'ils n'ont pas suffisamment étudiés.

Tout homme, quelle que soit sa situation, qui dépense plus qu'il ne gagne, est destiné à mourir pauvre.

Ce sont très souvent ceux qui possèdent le moins qui sont le plus dépensiers.

* *

Kẻ kia chỉ trông thấy những sự khó-khăn, người này lại không muốn hay những điều cản-trở. Sao chẳng trông đến những sự có thể làm được và tưởng đến những sự khó lòng làm được để lấy cái lòng tự-tin ở sự có thể làm được mà đánh đổ những điều khó-khăn cản-trở có hơn không?

.....

* *

Người ta không chỉ nhờ về sách-vở mới học-hành thông-thái được mà thôi đâu, người ta học-hành thông-thái được nhất là nhờ về sự làm ăn và sự từng-trải việc đời.

.....

* *

Cái trí thông-minh để học-hành không phải là tất cả cái trí thông-minh ở đời đâu! Nhiều khi mình há chẳng thấy người ta cần đến thông-minh để làm việc thủ-công cho tài-khéo đó ru!

.....

* *

Muốn được kết-quả vẹn-tuyên thì chỉ nên tổ-chức những việc gì mà mình có sức thực-hành được vẹn-tuyên thôi.

.....

* *

Chớ nên lúc nào cũng nói rằng: Lát nữa tôi làm cái này, cái khác; tôi liệu xem, rồi tôi làm việc kia, việc nọ. Chớ nói thế, cứ việc làm ngay mới được.

.....

* *

Cái tương-lai không phải của người thông-minh nhất, chính của người siêng-năng và người cần-cù nhất vậy.

.....

, ,

Les uns ne voient que les difficultés, d'autres veulent les ignorer. Le mieux est de voir les possibilités en songeant aux difficultés et de trouver dans les premières la foi pour vaincre les secondes.

.....

, ,

On ne s'instruit pas que par les livres, mais surtout par le travail personnel et par la dure expérience de la vie.

.....

, ,

L'intelligence pour les études n'est pas toute l'intelligence. N'en faut-il pas beaucoup, parfois, pour se servir habilement de ses mains?

.....

, ,

Pour réussir, n'entreprends que ce que tu es capable de mener à bien.

.....

, ,

Evite de dire à tous propos: Je vais faire ceci ou cela; si je voulais, je ferais ceci ou cela. Ne le dis pas, fais-le.

.....

* *

L'avenir n'est pas aux plus intelligents. Il est aux plus actifs et aux plus consciencieux.

.....

Nếu chưa làm việc nhỏ thì đừng tưởng đến những việc to.

Cậu kia ơi ! nay cậu lấy cái nghề người ta chọn cho cậu làm không xứng-dáng, vậy sau này đừng có một ngày kia, cậu tỏ ra người không xứng-dáng với cái nghề mà cậu chọn lấy nhé !

Chớ có trông ở sự may, phải trông vào sức mình mới được

Muốn biết cai-quản thì phải học vâng-theo, đó là cái phương-pháp thân-diệu nhất vậy.

« Thưa ông, tôi muốn học làm máy điện vì nghề ấy cần phải thông-minh » (rõ đơ !) Ấy là lời nói cậu lên 15 tuổi, cái bằng sơ-học tốt-nghiệp cậu cũng chưa có mà cậu lại thường chịu thú rằng bao giờ ở lớp học cũng ngồi ghế bét. Như thế thì các ông nghĩ làm sao ?

Chớ có làm ăn như máy, như nước. Phải có sinh-hoạt, có thông-minh và trí-khí.

Làm-lụng để mà tập nghề, làm-lụng để cho hôm nay hơn hôm qua, làm-lụng để được việc cho chủ, làm-lụng để được vui lòng về việc mình làm, sau nữa là làm-lụng để trở nên kia khác và để đạt thành mục-dịch.

Ne cherche pas à être grand avant d'avoir été petit.

Jeune homme, tu trouves indigne de toi le métier qu'on te conseille, tâche de ne pas te révéler un jour indigne de celui que tu auras choisi.

Ne compte pas sur la chance, compte sur ton effort.

La meilleure méthode pour apprendre à commander, c'est d'apprendre à obéir.

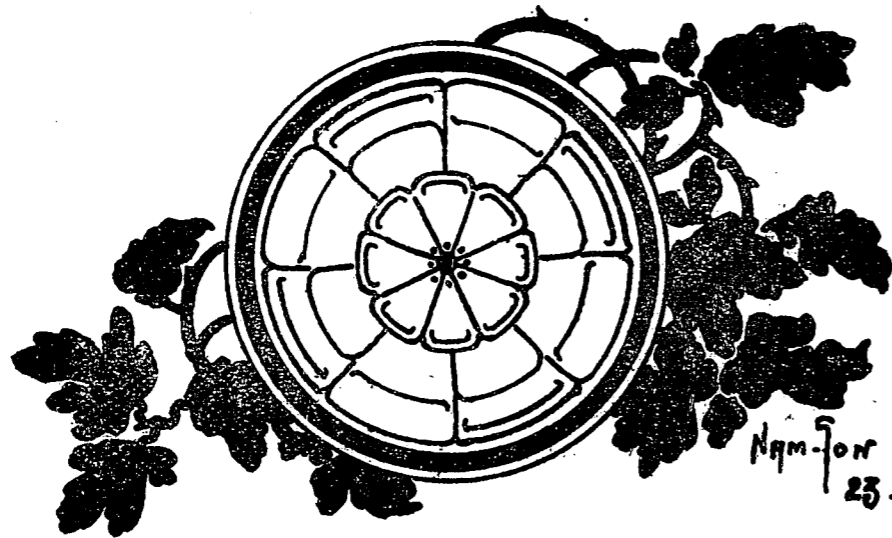
« — Monsieur, je veux être mécanicien électricien parce que c'est un métier intelligent » (sic), me dit cet enfant de 15 ans qui n'avait pu obtenir son certificat d'études et qui avouait d'autre part, être toujours parmi les derniers de sa classe. Qu'en pensez-vous ?

Ne travaille pas comme une machine, comme un automate. Sois vivant, aie de l'intelligence et du nerf.

Travaille pour apprendre ton métier, pour faire aujourd'hui mieux qu'hier, pour bien servir ton patron, pour être fier de ton ouvrage, travaille enfin pour devenir quelqu'un et pour réussir.

Hỡi những các thầy thanh-niên tráng-khien, thông-minh, đạo đức, nhiệt-thành, ở các trường chuyên-môn hay trường Cao-dẳng ra! Ấy là nhờ về các thầy mà nhà nước mong đi ngoại-quốc để học-hành thâm-thúy những cách-thức buôn-bán làm-ăn của người cạnh-tranh với nước ta đó.

Hễ thầy nào có can-dảm theo lời khuyên ấy thì sẽ được vui sướng, sẽ có quyền được nhà nước đền công và một ngày kia sẽ đứng chủ-chương những công việc to nhất của nước Pháp.

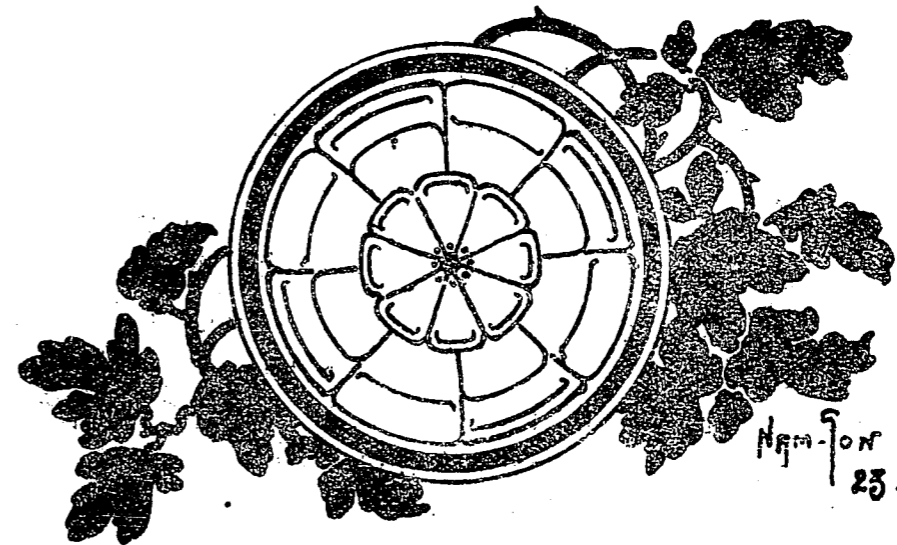


Hết cả những việc ác ở đời gốc ở sự người ta không yêu-mên lẫn nhau.

Mei-Ti

C'est sur vous, jeunes gens de santé robuste, de moralité parfaite, d'intelligence éveillée et au cœur bien accroché, sortant d'écoles spéciales ou du rang, que le pays compte pour aller à l'étranger étudier à fond les méthodes commerciales ou industrielles de nos concurrents.

Ceux d'entre vous, qui auront le courage de suivre ce conseil y trouveront agrément, auront droit à la reconnaissance nationale et se trouveront un jour à la tête des plus importantes affaires françaises.



Tout le mal vient de ce qu'on ne s'entr'aime pas.

Mei-Ti

Ở XỨ DỞ-DANG

Trích quyển « Par le sourire » của CH. WAGNER

VŨ-VĂN-ĐÌNH dịch

Nếu ai cũng không muốn đi du-lich, là vì có sự phiền-phức nó xảy ra. Tuy-nhiên không mấy ai lại không thiết nghe những câu chuyện phiêu-lưu; nhất là các cậu thanh-niên thời lại càng ham nghe, ham đọc những chuyện đó, những chuyện mà trong có xảy ra lắm cái cảnh-ngộ ly-kỳ cho những nhà thám-hiêm ở những xứ xa lạ. Về phần tôi, tôi mới đi du-lich một vòng khá dài ở một xứ dân-cư rất kỳ-dị. Tôi xin kể ra đây để anh em nghe.

Thường tôi đã được nghe nói chuyện về xứ *Dở-Dang*. Nhưng cho được biết đích xứ đó dân-xã ra sao, phong-tục thế nào, thế tất tôi phải đi đến đó mới rõ. Tôi bèn sắm sửa đồ hành-lý, mang theo một món tiền, một cái gậy chắc đầu bịt sắt, cái đồng hồ quả-quít và một hộp kẹo ngậm hơi cho tâm-thần được sáng-khởi. Thứ kẹo này rất tốt cho trong khi đi đường nhờ có sự gì bất-tiện xảy ra; nếu quên không mang theo, thời đi chơi mất thú.

Đi qua một xứ mà ở đây tính hai với hai là bốn, vạch thẳng thẳng xuống vạch ngang, buổi trưa là chính giữa ban ngày, tiếng có là có, tiếng không là không, thời đến một chỗ địa-giới.

Nhưng cứ thực-tình ra, thời ở đây cũng chưa phải là chỗ địa-giới. Mà quả thật thế, đồ ai có thể phân-biệt được địa-giới xứ *Dở-Dang* một cách minh-bạch bao giờ. Không biết xứ ấy bắt đầu từ đâu và đến đâu là hết. Kể cũng khó chịu thực, ấy cũng chỉ vì xứ *Dở-Dang* không phân địa-giới rõ-ràng, cho nên dân-cư quanh năm suốt đời tranh-giành cãi-cọ với lân-bang. Đối với lân-bang họ giữ một thế, nhưng không có thể gọi được là thế chiến-tranh vì họ không có chiến-tranh thực bao giờ mà cái duyên-do như thế, hà-lẳng phải nói, ai người chẳng hay! Quân binh của họ cũng chỉ hầu như có; thủ-tướng của quân-binh họ là những quan

AU PAYS « D'A PEU PRÈS »

Extrait de « Par le Sourire » par CH. WAGNER

Traduction par VŨ-VĂN-ĐÌNH

Si tout le monde n'aime pas les voyages, en raison des tracas qu'ils donnent, il est cependant peu de personnes qui n'aiment entendre des récits de voyage. En particulier, les enfants écoutent et lisent volontiers ces récits où se déroulent les aventures arrivées aux explorateurs dans des contrées lointaines et curieuses. Pour ma part, je viens de faire un assez long tour par un territoire où vivent de singulières populations. Je vous raconterai ce que j'ai vu.

Souvent déjà, j'avais entendu parler du pays d'*A peu près*. La meilleure façon de me faire une idée de ses habitants, de leurs mœurs, était d'y aller. Je fis donc ma valise, pris quelque argent, un bon bâton ferré, ma montre et une boîte de pastilles de bonne humeur. Ces pastilles sont excellentes à prendre, en cours de route, si des désagréments se présentent. Faute d'en emporter, on risque de voyager sans charme.

A travers le pays où deux et deux font quatre, où les verticales s'élèvent droit sur les lignes horizontales, où midi est le milieu du jour, où oui c'est oui et non c'est non, j'arrive enfin à une frontière.

A vrai dire, ce n'était pas là une frontière pour de bon. En effet, il n'a jamais été possible à personne de bien délimiter le pays d'*A peu près*. On ne sait pas au juste où il commence et où il finit. C'est fâcheux, car les citoyens du pays d'*A peu près* n'ayant pas de frontières très précises, sont en perpétuelle discussion avec leurs voisins. Ils vivent avec eux sur un pied qu'on ne peut pas appeler un pied de guerre, parce qu'ils ont rarement de véritables guerres, et pour cause, leur armée n'existe qu'à peu près. Leurs chefs militaires sont, si vous voulez, des généraux. Mais ce ne sont, après tout, que des façons de généraux qui savent à peu près

nguyên-soái, nhưng mà nói cho cùng thì những quan nguyên-soái đó chỉ là những lối qua nguyên-soái gần biết cầm quân, mà về đến đàng chiến-pháp binh-thu, địa-dư và tất cả các khoa thuật về binh-nghệ thì hầu như không biết. Họ học cái binh nghệ ấy ở trong các trường; nhưng ở đây cái gì cũng chỉ dạy có nửa phần hay già lắm là ba phần chia tư; đến nỗi những hạng quan binh ở đây ra chỉ là những hạng quan binh dễ cười, mà cả đến những binh-lính họ cầm quyền cũng thuộc về một hạng đó. Chính thực thì là binh-lính hoặc-giã như thế gọi là binh-lính cũng được, nhưng mà họ chỉ biết tập-tành hơi hơi Gươm giáo của họ cũng chỉ hơi chém được; súng ống cũng vậy, bắn chỉ gần đúng cả; đến thuốc đạn cũng thế, chẳng ra khô hẳn mà cũng chẳng ra ướt hẳn, cho nên khi nạp súng để bắn không thể nói được rằng đạn có đi hay không đi, có tin hay không tin. Những cái đó cũng chỉ là gần gần thế cả. Chỉ có một điều có thể nói chắc được là mỗi toán quân như thế chống nhau với quân giặc đều bị thua, mà thua liêng-xiêng.

Ở xứ *Dở-dang* ấy, con trẻ chỉ hơi vâng lời cha mẹ. Khi chúng ngồi ăn, chân tay chúng chỉ sạch vờ sạch vờ. Chúng ăn cháo không có lau đĩa bao giờ cả, ăn còn bỏ dở. Đến khi đi học, tới trường thì vào khoảng hơi đúng giờ; cặp sách thì nửa gấp nửa mở, bài vở thì vừa mới bắt đầu làm nhưng không bao giờ xong; khi chúng viết những chữ « i » thì chỉ chấm-có ba phần chia tư mà thôi; phần nhiều những trang vở thì sạch-sẽ, nhưng không được suốt cả quyển; bài học thì kể chúng cũng có thuật, nhưng không thuộc đến nơi đến chốn; khi thầy giáo nói, chúng mở một con mắt, lắng một bên tai, còn một bên tai, một con mắt thì chúng để vờ-vờ vào những việc dẫu dẫu. Khi quan Thanh-tra đến khám trường, lúc về để lại một cái « nốt » như sau này: « Học trò nếu không hơi kém thì cũng hơi khá, ta đây không thể quyết đoán được ». Khi đi khỏi trường có ban khen cho thầy-giáo những lời chúc-tụng, nhưng những lời đó lại là những lời chê-bai, cũng không biết chừng. Song kẻ nào biết được thế thì thật là tay giỏi lắm.

Thợ mộc ở xứ *Dở-Dang* làm những sà-nhà, cửa lớn, cửa kính, cửa chớp cũng như các thợ mộc khác, song nếu đứng trông họ làm thì thấy họ cưa hơi thẳng, bào cũng thế,

commander et, par compensation, ignorent à peu près la stratégie la géographie et tout ce qui se rapporte à l'art militaire. Ils ont appris cet art, tant bien que mal, dans les écoles. Mais on y enseigne tout à moitié ou aux trois quarts. De sorte que les jeunes officiers qui en sortent sont des officiers-pour rire. Les soldats auxquels ils commandent sont des soldats de ce même genre. Evidemment, ce sont des soldats ou ça se dit des soldats. Mais ils savent faire l'exercice à peu près; leurs sabres coupent à peu près, leurs fusils tirent quasiment juste et leur poudre n'est ni tout à fait sèche ni tout à fait mouillée. Aussi, quand ils ont braqué leurs canons et fait leur pointage, à la papa, ne peut-on pas dire que le coup porte toujours, ni qu'il rate toujours, ni qu'il porte ou ne porte pas. Tout cela est approximatif. La seule chose qu'on puisse affirmer carrément, c'est que chaque fois que cette façon d'armée s'est rencontrée avec l'ennemi, elle a essuyé des défaites; celles-là, par exemple, étaient carabinées.

Au pays d'*A peu près* les enfants obéissent à peu près à leurs parents. Quand ils se mettent à table ils ont des mains propres, comme ci, comme ça. Ils mangent leur soupe, mais ne nettoient jamais leur assiette il y a un résidu. Ensuite ils vont à l'école et arrivent, environ, à l'heure. Leurs sacs sont moitié ouverts, moitié fermés, leurs devoirs commencés mais pas finis. Quand ils écrivent ils mettent sur les i les trois quarts des points seulement. La plupart de leurs pages sont propres mais pas toutes. Ils savent leurs leçons mais pas jusqu'au bout. Quand le maître parle, ils ouvrent un œil et prêtent une oreille. L'autre oreille et l'autre œil s'occupent vaguement d'objets divers. Quand l'inspecteur visite l'école, il met la note suivante: « Elèves à peu près bien; à moins qu'ils ne soient à peu près mauvais; je ne saurais me prononcer ». En partant, il fait à l'instituteur des compliments qui sont aussi des critiques, si l'on veut; mais bien malin celui qui le dira.

Les menuisiers du pays d'*A peu près* font des parquets des portes, des fenêtres, comme tous les menuisiers seulement, quand on les regarde travailler, on s'aperçoit qu'ils

cho nên khi lắp mộng thời khắp-kha khắp-khênh, cửa lớn thời hở, cửa kính thời cũng không ra mở mà cũng không ra đóng; miêng kính thời thiên-theo, góc kính thời lệch-lạc, ván sàn thời cấp-kênh; còn bàn ghế hình như «nhây-đầm» cả.

Những thợ đóng thùng, đóng những thùng «ton-nô», thùng vuông, chai, nhưng mà hết thấy đều chảy. Khi soi gương ở xứ *Dở-dang*, soi cũng thấy mặt, nhưng không thể biết chắc là mặt ai, có lẽ mặt mình, nhưng cũng có lẽ mặt anh ruột mình hay anh họ mình cũng không biết chừng; những ảnh truyền-thần của những nhà thợ họa ở xứ đó đều chỉ hơi giống với ảnh chính.

Những thợ nề ở đây cũng giống như thợ nề ở xứ ta, họ có cả giầy mực lẫn thước vuông. Nhưng không có góc nào là vuông mà cũng không có được cái tường nào là thẳng. Có lẽ vẹo cả chẳng? Cái đó cũng không dám chắc, vì nói thể chẳng khỏi nói ngoa. Bởi vậy mà nhà ở, nhà thờ, chợ quán, đều chỉ vững bền một cách tương-đương. Phải nên biết rằng nều mới rồi mái nhà hát ở một tỉnh trong đó có sụt thời cũng chỉ sụt một phần mái, và nếu có những người bị thương thì cũng chỉ bị thương có một nửa. Thầy thuốc gọi đến chữa cũng chỉ chữa gần khỏi những người bị đau và cũng chỉ gần giảm bớt được một phần què-quặt.

Những nhà hàng ở cái xứ kỳ-khôi ấy dùng những cân, những đấu cũng chỉ hơi đúng. Bởi thế cho nên nếu ta mua hàng về nhà cân lại thời làm thế nào cũng thiếu, chẳng nhiều thì ít. Nếu họ giả lại hào con, vẫn đành rằng hào tốt, nhưng ít khi được tốt đều. Ở những cửa hàng vật thời những đồ hàng chỉ khả-dĩ vào hạng *dở-dang*, thế nhưg bảo những hàng của họ là *mat-hạng* cả thời lại là nói oan cho họ mà nếu họ bảo hàng của họ là *thượng-hạng* thời lại là người nói sai; những hàng bán trứng chỉ hơi tốt, thịt cá gà vịt cũng tươi thật, nhưng tươi một cách khả-nghi, ấy đến cái *hạnh-kiếm* của những nhà buôn bán đó và sự *sạch-sẽ* của cửa hàng họ cũng *rưa-rửa*. Các tiếng chê bai ấy vừa nói nửa lời lại vừa *phô cả ý* vậy.

scient à peu près droit, rabotent, comme qui dirait, *ric-à-rac*. Alors, quand ils joignent leurs pièces il y a du jeu. Les portes ont des jours, les fenêtres ne sont ni ouvertes ni fermées. Les carreaux clignent, ayant des angles peu précis; les parquets gondolent et les tables dansent.

Leurs tonneliers battissent tonneaux, cuves, foudres, baquets; mais tout fuit. Quand on se regarde dans une glace au pays d'*A peu près*, on n'est pas tout à fait sûr de qui on voit la figure. C'est peut-être vous; mais cela pourrait être aussi votre frère ou votre cousin. Les portraits fait par les peintres de là-bas ont tous une vague ressemblance avec les originaux.

Les maçons du pays d'*A peu près*, ont, comme les nôtres, le fil à plomb et l'équerre. Mais aucun angle n'est droit et aucun mur n'est perpendiculaire. Sont ils obliques? On ne pourrait le dire sans exagérer. Aussi les maisons, les églises, les marchés sont-ils d'une solidité relative. Si le toit du théâtre d'une ville d'*A peu près* s'est écroulé dernièrement il faut reconnaître qu'il ne s'est écroulé qu'en partie, et que les victimes n'ont été assommées qu'à moitié. Les chirurgiens appelés au secours ont presque guéri les malades et à peu près bien réduit un certain nombre de fractures.

Les marchands de cette contrée cocasse se servent de balances, de poids, de mesures passablement justes. Cependant, si vous pesez la marchandise en rentrant, il en manque toujours tant soit peu. Rendent-ils de la monnaie, il y a sûrement de bonnes pièces, mais rarement elles le sont sans exception. Chez les épiciers les denrées sont de qualité intermédiaire Ce serait faire tort à ces braves gens que de dire qu'ils vendent des produits inférieurs; mais, à leur tour, ils auraient tort de les qualifier de supérieurs. Les fruitiers ont des œufs à peu près frais; la viande, le poisson, la volaille sont frais aussi, mais, d'une fraîcheur douteuse. Et ce petit adjectif, qui n'en dit pas assez et qui en dit trop, est applicable à l'honnêteté de tous ces fournisseurs, autant qu'à la propreté de leurs boutiques.

Nếu có việc gì xảy ra, hoặc tai nạn, hoặc đánh nhau, giết người, vân vân ... thời linh cảnh-sát cũng có đến, nhưng đến chẳng ra hơi sớm mà cũng chẳng ra muộn quá, họ lấy khẩu-cung và có làm tờ trình, nhưng trong cái tờ trình đó làm thế nào cũng thiếu mất một vài việc, chẳng khác nào như con ngựa chạy ba chân. Tòa án có gọi người làm chứng thời họ cũng chẳng lấy gì làm chắc rằng họ có trông thấy, hoặc nghe thấy, nhưng không phải là họ nói những điều họ không trông thấy, hoặc không nghe thấy đâu. Thế dễ họ nói thật chẳng! Hẳn thế, nhưng mà làm thế nào họ cũng giấu bớt đi một phần cón con, khi kiện-cáo xong, quan toà cũng có đọc án, nhưng cái án cũng chẳng ra cái án. Nó giống như cái áo vụng cắt, không ai mặc vừa. Bởi thế cho nên thường khi có kiện-cáo gì thời lập án mãi không xong. Cứ quanh-quần mãi không xử xong việc mà cũng không thể kết án được rằng ai phải ai trái.

Đèn như đàn-bà xử đó thì tôi cũng có đề ý xem xét. Nhưng nếu có ai hỏi tôi rằng họ đẹp hay là xấu, thời tôi rất lấy làm phân-vân khó trả lời cho đúng được, vì nếu bảo họ xấu thời thật là nói oan cho họ mà nếu bảo họ đẹp thời lại là nịnh họ không phải đường. Nếu lại có ai hỏi tôi rằng những người đàn bà ấy có yêu-điệu, có lanh-lẹn, có tài-tê-gia nội-trợ, có thông-minh, có đức-hạnh không, thời thật quả không sao tôi trả lời được. Cái gì họ cũng biết như là biết quét nhà, biết đan sọt. Thế thì họ đan sọt và quét nhà ra làm sao? Đây tôi xin kể: quét nhà thời họ chỉ quét có giữa nhà chứ không bao giờ quét cả trong số trong sinh. Thành thử trong nhà thì những chỗ số sinh không trông thấy đều bản ngập; mà còn bit-tắt đan thì có lẽ thùng từ tung.

Nhân đây tôi xin kể qua sự ăn uống của tôi trong lúc đi du-lich đó. Tôi ăn uống ra làm sao? Thừa rằng: chẳng ra ngon, mà cũng chẳng ra không ngon. Đồ uống có mát không, cái đó tôi không có cái hân-hạnh nói đúng được. Vậy thì đồ uống tôi dùng đều nóng hay sao? Không, tôi không có cái đặc-quyền dám quyết-đoán như vậy. Vả lại tôi cũng không dám phân-nán, bởi vì nước uống của họ, rượu nho, rượu bột của họ đều không nóng mà cũng không lạnh.

Ấy cả đến người họ cũng rữa. Không nóng mà cũng không

Arrive-t-il un fait divers, accident, dispute, assassinat, les gendarmes se présentent ni assez tôt, ni trop tard. Il dressent procès-verbal et font leur rapport. A ce rapport il manque toujours quelque chose. Il a l'air d'un cheval qui marche sur trois pieds. Au tribunal on appelle les témoins. Il ne sont pas très sûrs de ce qu'ils ont vu et entendu; mais ils se garderaient bien de dire qu'ils n'ont rien vu ni rien entendu. Disent-ils la vérité? Ils la disent certainement; mais ils, en dissimulent une portion. Une fois les plaidoyers terminés, les juges prononcent une sentence qui est une cote mal taillée. Aussi, la plupart du temps, quand il s'agit de procès, ils n'en finissent pas. On n'arrive pas à établir les faits ni à déclarer qui a tort ou raison.

Je me suis appliqué à regarder les femmes de la contrée. Mais si vous me demandiez si elles sont belles ou laides je serais fort embarrassé. En disant qu'elles sont laides on les calomnierait; en disant qu'elles sont belles on les flatte-rait indignement. Et si vous vouliez apprendre de moi si ces femmes sont gracieuses, actives, bonnes ménagères, intelligentes, vertueuses, je ne saurais véritablement pas répondre. Elles font tout comme elles balayent et comme elles tricotent. Et comment tricotent et balayent-elles? Voici: elles balayent dans le milieu des pièces; mais pas dans les coins. En tricotant elles laissent tomber des mailles. Il en résulte que, dans leurs maisons, les petits coins invisibles sont sales, et leurs bas ont des trous.

Comment ai-je mangé pendant mon voyage? — Ni bien, ni mal. Ai-je bu frais? — Je n'ai pas la satisfaction de le dire. Alors ai-je bu tiède? — Non, je n'ai pas le droit de l'affirmer ni de me plaindre par conséquent, car leur eau, leur vin, leur bière, ne sont ni chaud ni frais.

Et eux-mêmes aussi ne sont ni chauds ni froids. Depuis le

lạnh. Ở cái xứ *Dở-Dang* ấy, trên từ Chính-phủ, dưới đến tư gia, không có cái gì là cái thực-thà, đúng mực, quả-quyết cả. Ta thử nghĩ một nước như vậy thời ra sao? Không có cái gì xấu mà cũng chẳng có cái gì tốt. Nhưng mà như thế trông cũng không phải là hay. Như thế thời là dở, mà là quá dở vậy. Một nửa cách-trí, một nửa tinh-xảo, một nửa thực-thà, một nửa tử-tê, như thế là nghĩa-lý gì? Vì rằng như thế thời lại không ra gì hơn là thiếu hẳn cách trí, thiếu hẳn tinh-xảo, thiếu hẳn hạnh-kiêm. Chẳng thật tinh-quái mà thẳng, nói dối mà có can-dảm trong sự nói dối, thế lại hơn. Vì như thế, người ta có thể liệu được. Mình có thể nào thì cứ giữ thế. Mình phải làm việc gì thời làm cho thật tốt. Mình chớ nên đành chịu dễ *dở-dang*. Vả chẳng không gì bực mình bằng *dở-dang*. *Dở-dang* nào có hay gì.
 Thế là tôi cũng đã biết thêm được một đôi tí ở xứ đó. Vậy nay đến buổi tôi phải trở ra về. Bết bao nhiêu những sự bất-trắc, những sự mập-mờ, những sự trái-ngược nó làm cho tôi phải tức mình đến nỗi những kẹo ngậm hơi của tôi hết trông thấy.



Đôi với người hiền, ta ăn ở hiền, mà đôi với người ác, ta cũng ăn ở hiền.

LÀO-TỬ. *Đạo 12*

gouvernement et les administrations jusqu'aux familles et aux particuliers, au pays d'*A peu près* rien n'est franc, net, carrément affirmé. — Et que doit on penser d'un pareil pays? — Rien de mauvais, rien de bon. Mais cela même précisément n'est pas bon. C'est mauvais, tout à fait mauvais. Qu'est-ce qu'une demi-science, une demi-habilité, une demi vérité, une demi-honnêteté? C'est quelquefois pire que le manque de science, d'habilité et d'honnêteté. Donnez-moi de francs coquins, des menteurs qui ont le courage de leur mensonge, cela vaut mieux. Au moins on sait à quoi s'en tenir. Soyons tout à fait ce que nous sommes. Faisons tout à fait bien ce que nous avons à faire. Ne nous contentons jamais d'*a peu près*. En tout cas, rien n'est irritant comme l'*a peu près*. J'en ai su quelque chose là-bas. Il était temps que je parte. Tant d'indécision, de flou, d'équivoque, me mettait hors de moi et mes pastilles de bonne humeur s'épuisaient à vue d'œil.



Avec celui qui est bon, je suis bon. avec celui qui n'est pas bon, je suis bon quand même.

LAO-TSE. *Tao 12*

TRẺ CON DẠY NGƯỜI LỚN

BUI-HUY-CUONG soạn

Ta chớ tưởng rằng : thầy giáo dạy học-trò mới là truyện tâm-thường, còn như học trò dạy thầy-giáo không là truyện tâm-thường đâu ! Ta chớ tưởng thế, nếu ta tưởng thế là ta lầm. Học-trò dạy thầy-giáo là một truyện thường, một truyện có hằng ngày, một truyện thường gặp có lẽ cũng nhiều như truyện thầy-giáo dạy học-trò vậy.

Mà thật thế, ta sở dĩ coi sự học trò dạy thầy giáo là truyện ít tâm-thường, là vì ta không có dịp xem-xét nhìn-nhận đó thôi. Vả lại sự học trò dạy thầy giáo không giống như sự thầy giáo dạy học-trò ; trách chi mà chẳng lắm người không tin lời ta nói được. Thế nhưng mà, tin hay không tin, xin hãy đợi ta kể nốt câu truyện, câu truyện học trò dạy thầy giáo này, rồi sau lúc ấy ai này mới có thể phán-đoán một cách minh-bạch được.

... Trường học vừa đánh trống giờ chơi, bao học-trò từ sáu năm cho đến mười tuổi đều cùng nhau xếp hàng ra sân... vui, đùa, chạy, nhảy... Khi ấy trong mình tôi nhân khó chịu, tôi bèn ở lại trong lớp, tôi ngồi nghỉ trên bàn giấy, tôi trông sang vườn bên cạnh mà nhìn con chim chào-mào rĩa quả đu-đú chín núc trên cây. Bỗng nhiên tôi nghe ở bên mình có tiếng chân đi nhẹ-nhàng run-rẩy bước tới. Tôi quay đầu lại, tôi thấy một đứa học trò nhỏ của tôi đang rón-rén đi một cách sợ-hãi đến gần tôi. Tôi bụng bảo dạ rằng : ý hẳn thằng này tại đánh nhau với trẻ khác rồi vào thưa mình đây chớ gì ! Bằng không thế, hẳn nó lại vờ cáo đau bụng để về nhà vờ mẹ tiền mua bánh chớ gì !..

LA LEÇON D'UN PETIT

Par BUI-HUY-CUONG

Ce serait une erreur de penser que, seul, le maître donne à l'élève son enseignement sans que la réciproque puisse être vraie ; les cas où le maître a quelque enseignement utile à recevoir de ses élèves sont presque aussi fréquents que les premiers.

Je conviens de ce que beaucoup trouveront extraordinaire cette affirmation, mais pense que ceux-là n'ont pas eu assez l'occasion d'observer les faits ; et je reconnais, d'ailleurs, que les enseignements qu'un maître peut recevoir de ses élèves sont d'un caractère bien différent de ceux qu'il leur donne lui-même. Mais que mes contradicteurs veuillent bien patienter un peu et réserver leur opinion jusqu'à ce que j'ai pu leur conter l'anecdote suivante dont je suis pour ainsi dire, l'un des héros, et, lorsqu'ils la connaîtront, leur jugement pourra peut-être s'en trouver modifié.

... L'heure de la récréation venait de sonner ; de nombreux écoliers de six à dix ans avaient rompu les rangs et se dispersaient joyeusement dans la cour de l'école pour se livrer à leurs jeux. Assez fatigué ce jour-là, je rentrais pour m'asseoir un moment à mon bureau. Je regardais distraitement l'alouette à aigrette picorer une papaye du jardin voisin, lorsque j'entendis un bruit de pas légers qui se dirigeaient vers moi. Tour-nant la tête, j'aperçus un de mes plus jeunes élèves qui, d'un pas furtif et l'air timide, s'approchait de mon bureau. Je pensai : « Sans nul doute, ce petit vient se plaindre à moi d'un de ses camarades avec qui il se sera battu... Ou bien il vient me dire qu'il a la colique et prendre ce prétexte pour quitter la classe et rentrer chez lui où il n'aura rien de plus pressé que de se faire donner des sous par sa maman pour aller acheter des gâteaux !... »

Tôi đoán cái ý-dịnh của nó thế, tôi đã toan cất tiếng mắng chầu nó đi, không cho nó nói lời-thôi nữa xong, nhưng lại thấy giảng-diệu nó lo-sợ một cách đáng thương, tôi tự nghĩ rằng thằng này có lẽ nó thực-tình chẳng. để ta nghe nó nói xong đã, rồi ta sẽ liệu.

Tôi nghĩ vậy vừa xong thì thấy miệng nó bập-bẹ nói với tôi rằng : « Thưa thầy, thầy cho con những cái phần vụn... ở dưới khe giá-bảng .. »

Tôi nghe, tôi lấy làm lạ quá, tôi lấy làm không tâm-thương quá, là vì tôi chưa thấy kẻ học-trò nào hỏi xin người thầy-giáo một sự kỳ-khôi như thế bao giờ. Nhưng tôi lại có tính tò-mò, tôi không mắng nó vội, tôi hãy hỏi vặn nó mấy câu xem nó trả lời quanh-quẩn ra làm sao đã. Tôi bèn điềm-nhiên mà hỏi : « Mày muốn xin phần vụn ấy để chơi nghịch phải không ? Liệu hồn mày đấy ! » (Lúc nào tôi cũng làm ra mặt một ông thầy như thế. . . .)

Nó lưỡng-cuống đáp tôi rằng :

- Thưa thầy không?
- Thế thì để mày làm gì?
- Để con đưa về cho mẹ con ạ.

Tôi nhớ rằng thằng bé ấy mồ-côi cha từ thuở lên bốn, tôi lại hỏi :

- Mẹ mày bảo mày xin phần à?
- Thưa thầy từ con xin, chứ mẹ con không bảo con xin.

Tôi tưởng rằng có lẽ thằng này xin những cái phần bột ấy đưa về cho mẹ đánh mặt chắt ; nhưng tôi vẫn phải giữ tư-cách đứng-dẫn như một ông giáo mà lại hỏi nó rằng :

- Thế mày xin phần ấy để cho mẹ mày làm gì?

- Thưa thầy, để bỏ vào trong túi phần ạ.

Je me disposais donc à devancer ses plaintes peu intéressantes en grondant mon bonhomme, lorsque je fus frappé par son air troublé et vraiment pitoyable ; je pensai que ce petit était peut-être sincère et allait me révéler quelque menu fait exact, et réservai mon jugement.

Le petit me dit alors, à voix presque basse et en bégayant de timidité : « Monsieur le maître, voulez-vous, s'il vous plaît, . . . me permettre . . . de prendre . . . la poudre de craie . . . qui est tombée . . . sur la planchette du tableau noir ? . . . »

Je demeurai tout surpris d'une telle demande . . . Elle me parut évidemment peu banale : c'était certes la première fois que, depuis que je suis au monde, j'en entendais formuler une semblable ! Mais avant de le gronder pour l'étrangeté de sa démarche et poussé par la curiosité, je crus bon de l'interroger d'abord pour voir comment il s'en tirerait, et je lui répondis : « Tu viens me demander cette poudre pour t'en amuser, n'est ce pas ? Fais attention, petit bonhomme ! » (Ce ton supérieur est destiné à affirmer en toute occasion la dignité de ma qualité d'instituteur !)

L'air embarrassé, il me répondit :

- « Non, Monsieur le Maître. . . ».

- « Alors, qu'en veux-tu faire ? »

- « C'est pour la donner à Maman. »

Je me rappelai alors que mon petit interlocuteur avait perdu son père à l'âge de quatre ans et lui demandai :

- « C'est ta maman qui te l'a commandé ? »

- « Non, monsieur le Maître, . . . c'est moi tout seul . . . »

Je crus deviner alors que sa mère emploierait cette poudre pour se farder ; mais, fidèle à mon attitude de maître sévère, je lui dis :

- « En quoi ta mère peut-elle bien avoir besoin de cette poudre ? »

- « Monsieur le Maître, c'est pour la mettre dans son petit sac à craie »

— Thê là nghĩa gì? Bỏ vào trong túi phẩn làm gì?

— Thưa thầy... Mẹ con làm thợ may a!...

Lúc đó tôi mới hiểu ra Vôn thẳng bé ấy, từ thừa cha mất nhờ có mẹ làm thợ may mà nuôi cho ăn đi học, nay nó xin những phẩn bột ở khe giá bằng như vậy, là để nó giúp mẹ nó khỏi phải mất mấy su mua phẩn khác làm giấy phẩn cắt áo đó.

Tôi nghĩ vậy, trong óc tôi có thoáng qua một sự quái-lạ, sự ấy vừa là sự then-thương mà lại vừa là sự âu-yếm. Bao nhiêu những ý tôi định đòi-dãi với thẳng bé khi nãy thì bây giờ vì sự ấy tiêu-tán đi dàng nào hết cả. Tôi cảm-dộng, nói chẳng ra lời, tự coi mình lúc ấy ở trước mặt thẳng bé con như thẳng bé con đứng trước mặt mình lúc nãy. Thẳng bé nó đã làm được một việc tốt ngoài cái tuổi thơ-ấu của nó và trên cái ý-dịnh của tôi, lẽ nào tôi lại không đành chịu coi nó là tuổi-tác hơn tôi được! Tôi nói ra thì thực cũng lấy làm then, chớ thực-tình lúc ấy tôi đứng trước mặt nó lưỡng-cưỡng hơn là những lúc đứng trước mặt quan Đốc nhiều.

Tôi chẳng biết nói-năng làm sao hết, tôi cứ lảng-lặng đứng lên, đi ra phía bãng, vét những phẩn bột vào trong một mảnh giấy đưa cho nó. May sao lúc ấy là lúc giờ chơi, chớ như đang giờ học tôi đứng ở trước mấy chục đứa học-trò thì còn thêm then biết bao nhiêu phần hơn nữa! Chẳng hay rằng có phải vì nó muốn tránh cho tôi sự xấu-hổ bội-phần ấy mà nó hỏi xin phẩn tôi trong lúc giờ chơi không? Hay lại là vì nó sợ xin không đắt lời nên lánh giờ học để khỏi phải mắng ở-trước mặt mấy chục bạn học-trò đó? Nhưng mà dẫu vì duyên-cớ nào mặc lòng, nó đã dạy tôi một bài học về chữ hiếu mà tôi chưa từng dạy học-trò được hay đến như thế bao giờ, thì chẳng khi nào tôi lại còn dám không ghi xuong tạc dạ.

— « Qu'est ce que c'est que cette histoire? quel sac? Pour quoi faire? »

— Monsieur le Maître... c'est parce que Maman est tail-
leuse... »

Je devinai alors l'explication de ce mystère. Depuis la mort de son père, mon petit bonhomme avait été élevé par sa mère qui l'avait nourri et envoyé à l'école avec le seul gain de sa modeste industrie de tailleur... Et pour permettre à sa mère d'économiser quelques sapèques, mon petit bonhomme voulait lui apporter ces quelques débris de craie qui pouvaient être utiles à son travail...

Lorsque j'eus ainsi compris ce qui en était, un sentiment étrange m'envahit, fait de sympathie pour mon jeune élève et aussi un peu de honte pour ma première opinion à son sujet, qui s'était bien modifiée maintenant... Je me sentis ému au point d'hésiter à parler et de me trouver presque aussi embarrassé devant cet enfant qu'il l'avait été devant moi quelques minutes auparavant... Il m'apparaissait à cet instant presque comme un aîné, car la portée de son acte si simple était bien au-dessus de ce que j'avais imaginé. Je dois avouer à ma honte que je me sentais plus troublé devant ce petit enfant que devant mon grand chef, Monsieur le Directeur des écoles!...

Je ne savais que dire... je me levai machinalement, me dirigeai vers le tableau, y recueillis les débris de craie, les enveloppai dans un papier que je remis à l'enfant... Fort heureusement, tout ceci se passait pendant la récréation, en tête-à-tête, et non sous le regard espiègle et volontiers moqueur de quelques douzaines de jeunes élèves, car ce spectacle étrange aurait singulièrement nui à mon prestige auprès d'eux!... Mon jeune élève avait-il pensé à cela et voulu m'éviter l'embarras où je me serais trouvé devant ses camarades? ou plutôt n'avait-il pas cherché à s'épargner leurs railleries dans le cas où sa demande lui aurait valu de ma part quelque réprimande ou punition? Peu importe. Le fait est que je reçus ainsi, de cet enfant une grande leçon de piété filiale plus claire, plus frappante qu'aucune de celles que j'aurais pu donner moi-même à mes élèves, et le souvenir de cet enseignement si simple et si beau est, depuis ce jour, resté gravé dans mon cœur.

Nào nó có dạy tôi một bài về chữ hiếu mà thôi đâu, nó lại dạy tôi một bài về sự tiết-kiệm nữa. Vốn từ khi thằng bé nó hỏi xin phần tôi về trước, tôi vẫn hay có tính hoang-phi; hễ lần nào tôi viết bằng còn mẩu phần bằng đầu ngón tay là tôi cũng quảng sang vườn bên cạnh. Đến bữa nó hỏi xin phần tôi, tôi mới nghiệm biết ra rằng: phạm vật gì dầu ít đến đâu mặc lòng, mà mình cho là vô-ích, vô-dụng, vật ấy thường lại hữu-dụng, hữu-ích cho kẻ khác hơn là cái ý của mình tưởng-tượng kia đó.

Phải, một mẩu phần mình quảng ra vườn, nào ai ngờ đâu nó lại giúp cho một người con cô tử được lòng hiếu với bà mẹ góa, một người mẹ góa thêm được hạt gạo nuôi đứa con cô, nó lại giúp cho một thầy giáo như tôi đây biết mình cũng còn nhiều sự kém xa học-trò, tự bỏ được cái thói hoang-phi bất ngờ và sửa mình ăn ở hiếu-thảo với bố mẹ được ít nhiều phần hơn trước. Ôi! một mẩu phần bỏ, một dùm phần thừa! một mẩu phần bỏ vứt sang bên vườn, một dùm phần thừa rơi xuống kẽ bằng, nghĩa là một vật tầm-thường không biết tới đâu mà kẻ, không còn vật nào tầm-thường hơn nữa, thế mà có sức giúp cho đường nhân-tâm thế-đạo được đèn như thế, thì hỏi như những món tiền trăm, bạc chục vứt qua cửa sổ, những thân gái sắc, giai tài vùi xuống hang đen có thể giúp cho nhân-loại ích-lợi đèn những bức nào nhỉ? Mà những món tiền trăm bạc chục, những thân gái sắc giai tài ấy lại là những vật không tầm-thường, là những vật hiem có ở đời thì há ta chẳng có quyền coi là tầm-thường được cả ru! Ấy từ đó mà đi, bao những mẩu phần viết bằng thừa, tôi quý-hóa hơn là những hạt cơm vãi, tôi không dám quảng vứt đi nữa, tôi kính để ở trong ô-rút. Tôi để như vậy là có ý đợi bao giờ được kha-khá sẽ gói vào miếng giấy đưa tặng ông học-trò có hiếu, hay là ông thầy giáo tiết-kiệm của tôi cũng được. Tôi vốn được xem sách thánh-nhân dạy rằng: « Học nhi thời tập chi . . . » vì vậy tôi mới học được một bài hay của học-trò, tôi vội phải thường tập luôn luôn như thế cho khỏi quên.

Trước kia, tôi ngồi trên bàn giấy nhìn xuống năm chục

Et ce fut là, aussi, une petite leçon d'économie! J'étais un peu prodigue auparavant et j'avais la mauvaise habitude, chaque fois que j'avais fini d'écrire au tableau, de jeter par la fenêtre, dans le jardin voisin, les petits morceaux de craie qui me paraissaient inutiles; cette simple aventure me fit comprendre du même coup que bien des choses qui nous semblent inutilisables peuvent ne pas l'être pour d'autres que nous auxquels nous ne songeons pas et qui sauraient en tirer profit.

Qui donc aurait supposé qu'un menu morceau de craie jeté inconsidérément par la fenêtre aurait pu être l'occasion pour un fils de témoigner à sa mère la piété filiale, et permettre à une veuve d'augmenter de quelques sous le gain dont elle nourrit son enfant, de donner, enfin, à un maître un exemple fructueux en lui apprenant qu'il peut être parfois moins savant que ses élèves, et que le plus petit d'entre eux peut lui donner, un jour, une touchante leçon de piété filiale et d'économie? Si un simple morceau de craie jeté dans le jardin, si cet objet qui semble le plus menu, le plus négligeable au monde, peut contenir en lui une telle puissance de développement moral, que doit-on penser des services immenses que pourraient rendre aux hommes les milliers, voire les millions de piastres qu'ils gaspillent follement par sottise vanité ou dans la débauche, et qui ne servent qu'à tuer moralement et même physiquement tant de malheureux jeunes gens ou jeunes filles, victimes de leur ignorance ou de leurs passions? Ces fortunes et cette jeunesse ainsi gaspillées ne sont pas, tant s'en faut, choses méprisables: elles rendent, pourtant, moins de services à la société que ce pauvre petit morceau de craie; nous leur donnons ainsi moins de valeur qu'à cet infime objet!... Depuis ce jour, je me garde bien de jeter mes débris de craie: Je les range soigneusement dans le tiroir de mon bureau, pour les offrir ensuite à mon petit élève... ou, plutôt, à mon professeur d'économie pratique, observant ainsi ce précepte de nos anciens sages: « Mets toujours en pratique les enseignements que tu as reçus. »

Je considérais autrefois, du haut de mon bureau de professeur,

đầu trẻ thơ, tự coi mình là thầy giáo của năm chục tên bé con ấy, chớ như bây giờ thì không, tôi chẳng dám sắc với các hạng người hậu-sinh ấy nữa, tôi tuy ngồi trên bàn giấy mà chỉ tự thấy mình còn phải làm học trò của một vài ông học trò trẻ-trung nghiêm-khắc nọ thôi.

Tôi nhớ thẳng bé con côi của người gái hóa mà nghiệm được một bài học lớn : bài học lớn ấy đã dạy cho tôi rằng tôi còn dốt lắm, tôi còn cần phải học nhiều, tôi chưa đáng làm thầy ai cả, tôi chỉ biết tư-cách làm một người học trò của tất cả thể ian nhân-loại thôi. Tôi bước chân ra đường cũng không tự coi là có một địa-vị quan-trọng trong xã-hội như là những khi trước : giả-sử như tôi có gặp một người nhà quê, một kẻ cu-ly chẳng nữa, tôi cũng tự bảo tôi rằng biết đâu người này chẳng lại là một ông thầy dạy khôn-ngon cho ta trong những các ông thầy khác của ta ! Tôi tự hỏi vậy, nên tôi tự thấy bé nhỏ vô-cùng và ngu-si vô-hạn, tôi chẳng biết rằng : sông ít lâu nữa có đủ thời giờ để học biết cái bé-nhỏ và cái ngu-si của tôi đến đâu là cùng-hạn chẳng ?

Than ôi ! tôi nghĩ đến điều ấy, tôi lại nhớ tới bốn câu đờng-luật của tôi ngẫu-hưng thuở mấy năm trước, tiện đây chép lại, xin các đọc-giả lượng-thứ cho :

Học mãi mà sao chẳng biết gì !

Một ngày, một học, một ngu đi . . .

Con đường học-thức xa vô-hạn ;

Mà cái xuân-xanh chỉ có thì !



comme bien inférieurs à moi les cinquante élèves assis sur leur bancs. Il n'en est plus tout-à-fait de même aujourd'hui. Je comprends qu'ils sont l'espoir de demain pour notre pays, et que tel d'entre eux, que je regardais de bien haut peut avoir, sans qu'il le sache, à me donner aussi d'utiles leçons.

C'est ainsi que j'ai reçu du jeune fils de la pauvre veuve, une leçon d'humilité que je n'oublierai pas non plus. Je comprends mieux combien mon ignorance est grande, et comment, loin de me considérer en maître savant qui donne toujours des leçons, je ne suis, en vérité, qu'un modeste élève qui doit tout et toujours apprendre de la nature et des hommes. Je ne crois plus jouir d'une situation supérieure, et s'il m'arrive de croiser sur ma route quelque paysan ou coolie, je songe à part moi : « Qui sait si cet homme ne pourrait me donner aussi par aventure une utile leçon de sagesse ? » De telles réflexions me font mieux comprendre mon ignorance et ma faiblesse au point que je viens parfois à me demander si j'aurai assez de temps, jusqu'à l'heure de ma mort, pour parvenir à les corriger ? . . .

Et ces pensées évoquent à mon esprit quelques vers d'une poésie que je composai naguère et que je citerai, pour terminer, si l'on veut bien me pardonner d'avouer à mes lecteurs tel péché de jeunesse :

« Il y a bien longtemps que j'étudie, et cependant, je ne sais pas grand ! chose . . .

« Plus j'approfondis mon étude, plus mon ignorance m'apparaît comme un abîme sans fond.

« La route vers le savoir s'allonge indéfiniment,

« Et pourtant, hélas, la jeunesse passe comme un matin . . . »



CHO KẸ NGHÈO

Trích bài « *Pour les Pauvres* »
của VICTOR HUGO
ĐẶNG-TÍCH-THIỆN dịch ra vần-văn

Cho kẻ nghèo ấy là cho giới vay.
V. H.

Xem trong bữa tiệc mùa đông,
Hỡi này vinh-phú các ông trên đời !
Các ông những chơi-bời hát-xương,
Chung-quanh mình bóng nhoáng, gương trong ;
Pha-lê, lạp-chúc, chấn-song...
Chiếu ra muôn tia, ngàn hồng như hoa.
Khách vui-vẻ lộ ra ngoài mặt...

Bông chuông vàng réo-rất tiếng kêu,
Làm cho cảnh-vật đổi chiều,
Tiệc vui nay lại hát-reo rộn-ràng...
Biết đâu ở đâu đang cuối chợ,
Chẳng có người khổ-sở lăm-than,
Đèn bên cửa kính, phòng lan,
Đứng trông hàng bóng khách-quan rỡ-cười.

Các ông nghĩ tới người chằng tá ?
Nghĩ tới người vất-vả ấy không ?
Giả sừng thêm nổi đói lòng,
Đứng ngoài than-thở ; «Giời không công-bình !
«Sao của-cải một mình người nọ,
«Bữa tiệc to, bạn họ quây-quần...
«Riêng mình họ đã sừng thân,
«Mà con họ lại đến gần mừng vui !

POUR LES PAUVRES

Extrait de « *Pour les pauvres* »
Par VICTOR HUGO
Traduit en vers annamites par ĐẶNG-TÍCH-THIỆN

Qui donne au pauvre prête à Dieu.
V. H.

Dans vos fêtes d'hiver, riches, heureux du monde,
Quand le bal tournoyant de ses feux vous inonde,
Quand partout à l'entour de vos pas vous voyez
Briller et rayonner cristaux, miroirs, balustres,
Candélabres ardents, cercle étoilé des lustres,
Et la danse, et la joie au front des conviés ;

Tandis qu'un timbre d'or sonnait dans vos demeures
Vous change en joyeux chant la voix grave des heures,
Oh ! songez-vous parfois que, de faim dévoré,
Peut-être un indigent dans les carrefours sombres
S'arrête, et voit danser vos lumineuses ombres
Aux vitres du salon doré ?

Songez-vous qu'il est là sous le givre et la neige,
Ce père sans travail que la famine assiège ?
Et qu'il se dit tout bas : — Pour un seul que de biens !
A son large festin que d'amis se récrient !
Ce riche est bien heureux, ses enfants lui sourient,
Rien que dans leurs jouets que de pain pour les miens ! —

«Chỉ lấy những đồ chơi của họ,
«Cũng dư cơm nuôi đủ nhà mình!»

Thật là người đó nghĩ quanh,
Đem lâu gianh nát, đem manh chiếu tàn,
Đem tổ-mẫu nằm khan ở gia,
Sắp li-trần vì giá mùa đông,
Đem con, đem vợ đổi lòng,
Sánh cùng yến-tiệc các ông chơi bời....

Sao chẳng biết trên giờ đã sẵn,
Đứng Hoá-công sắp-đặt việc đời :
Nhưng người làm lụng hết hơi,
Tiệc vui nào có được mời đèn đầu !
Người thế-tục khác nhau sướng khổ,
Luật trần-gian thật rõ bất-công :
Người thì hưởng, kẻ thì trông...

Làm như ngấm-giục tẩm lòng bản-nan,
Như rượu mạnh bốc làn men trắng,
Như ớt cay phơi nắng nồng hơi.
Các ông đại-phú kia ơi !
Của thừa kia để cho người nghèo mong ;
Họ không cướp các ông của ấy,
Nhưng các ông nên lấy lòng nhân....

.....

Nên cho những kẻ quân-bần,
Cầu kinh, làm phúc phải gần nhau luôn.
Kia ông lão mình run, bụng đói,
Trước thềm hoa quý gối lạy ông !
Kia đàn con trẻ lạnh-lùng,
Nhặt cơm vung-vãi, đỡ lòng đói no !

Et puis à votre fête il compare en son âme
Son foyer où jamais ne rayonne une flamme,
Ses enfants affamés, et leur mère en lambeau,
Et, sur un peu de paille étendue et muette,
L'aïeule, que l'hiver, hélas ! a déjà faite
Assez froide pour le tombeau.

Car Dieu mit ces degrés aux fortunes humaines.
Les uns vont tout courbés sous le fardeau des peines ;
Au banquet du bonheur bien peu sont conviés ;
Tous n'y sont point assis également à l'aise,
Une loi, qui d'en bas semble injuste et mauvaise,
Dit aux uns : *Jouissez !* aux autres : *Enviez !*

Cette pensée est sombre, amère, inexorable,
Et fermente en silence au cœur du misérable.
Riche, heureux du jour, qu'endort la volupté,
Que ce ne soit pas lui qui des mains vous arrache
Tous ces biens superflus où son regard s'attache ;
Oh ! que ce soit la charité !

.

Donnez, riche ! L'aumône est sœur de la prière.
Hélas ! Quand un vieillard, sur votre seuil de pierre,
Tout roidi par l'hiver, en vain tombe à genoux ;
Quand les petits enfants, les mains de froid rougies,
Ramassent sous vos pieds les miettes des orgies,
La face du Seigneur se détourne de vous.

Ông ví lại không cho bọn ấy,
Thì giờ kia cũng dấy ông thôi...

Các ông đại-phủ kia ơi!
Ra tâm làm phúc cho người ta đi.
Đề thần thánh phù-trì trẻ-mỏ,
Cho các ông được rõ đủ điều:
Giai anh-tuấn, gái mỹ-miêu,
Nho tươi chữu quả, thóc nhiều đầy sân:
Đêm đêm ngủ có thần giáng thể,
Đến hỏi-han như thể bạn-bè...

Của cho, nào của vớt đi!
Đến ngày lạc-quốc hồi-quy sẽ giàu.
Cho đi đề cùng nhau chúng nói:
«Thật ông này rất đôi thương ta...»
Kẻ nghèo gió thổi cắt da,
Thấy hơi rượu thịt dưng mà thở-than.
Ta phải biết sẻ-san cho họ,
Họ thấy ta giàu-có đỡ ghen.

Ta nên giúp kẻ nghèo hèn,
Đề cho giờ mển, giờ đèn, giờ thương, ...
Đề cho kẻ bất-lương kính-sợ,
Nói đến ta ví tựa thần-tiện;
Đề cho nhà cửa bình-yên,
Vợ con cháu chắt đoàn-viên vui-vây;
Đề cho tới cái ngày tắt-nghi,
Người ăn xin quyền-thể trên giờ
Cầu cho ta sạch tội đời...



Donnez ! afin que Dieu, qui dote les familles,
Donne à vos fils la force, et la grâce à vos filles ;
Afin que votre vigne ait toujours un doux fruit ;
Afin qu'un blé plus mûr fasse plier vos granges ;
Afin d'être meilleurs ; afin de voir les anges
Passer dans vos rêves la nuit !

Donnez ! Il vient un jour où la terre nous laisse.
Vos aumônes là-haut vous font une richesse.
Donnez ! afin qu'on dise : Il a pitié de nous !
Afin que l'indigent que glacent les tempêtes,
Que le pauvre qui souffre à côté de vos fêtes,
Au seuil de vos palais fixe un œil moins jaloux.

Donnez ! pour être aimé du Dieu qui se fit homme,
Pour que le méchant même en s'inclinant vous nomme,
Pour que votre foyer soit calme et fraternel ;
Donnez ! afin qu'un jour, à votre heure dernière,
Contre tous vos péchés vous ayez la prière
D'un mendiant puissant au ciel.



HAI CUỘC ĐI XEM MÁY NHÀ QUÝ-QUỐC CỦA BẢN-HỘI

HỘI-ĐỒNG TRI-SỰ SOẠN

Trong kỳ tam-nguyệt vừa qua, bản-hội cũng như mọi khi đã đi du-quan được nhiều nơi công-xưởng kỹ-nghệ, nhưng chỉ có hai nơi là riêng đáng kể đến vì rằng hai nơi ấy đã tỏ cho thiếu-niên biết những sự kết-quả hoàn-toàn của cái tài sáng-kiên, cái trí thông-minh, cái lòng quả-quyết của người Pháp. Hai nơi ấy tức là công-xưởng ông Lamarche và đồn-diên ông Borel.

Ngày mồng 6 avril trước, quan Đốc và ông Phó-hội-trưởng Vũ-tam-Tập đã đưa chừng năm mươi hội-viên đến số 84, đường Carreau tại Hanoi, thăm xưởng ông Lamarche, ấy là nơi mà ông đã đem hết kiên-tâm đảm-lực rất đáng ngợi-khen ra mà chế-tạo khoáng-chương cái kỹ-nghệ các thứ nhựa cây của ông đó.

Ông Georges Désiré LAMARCHE trước kia đã bỏ hết gia-tư ở bên Pháp, dấn hàng ra chốn trận-tiền đóng phó-quản bộ-binh. Ông bị thương rất nhiều và rất nặng, nhưng ông cũng không từ sang Bắc-kỳ ta để đem trí quan-sát, đem bụng siêng-năng, đem tài sáng-tạo mà thờ Đại-pháp cùng Đông-Pháp.

Ông nghiệm thấy rằng nhiều thứ cây bản-địa rất là rễ giồng và dễ mọc hầu như cỏ dại, thế mà người An-nam không biết lợi-dụng. Những cây ấy thường có nhiều chất nhựa, chất bở dùng vào kỹ-nghệ được nhiều việc và sinh nhiều lợi. Trong những cây ấy, nay xin tạm kể: cây củ đất, cây này có một thứ thường giồng làm cảnh ở Bắc-kỳ ta (1), củ cái, củ vầu, củ mài, củ từ, củ cộc-giậu, củ nưa, khoai nghệ, khoai vàng, khoai trắng, khoai lim, khoai bắc và bột-hoàng-tinh. Cây hoàng-tinh thật là ích-lợi một cách đặc-biệt, vì rằng củ nó có chất bột trắng, bột ấy là một món ăn hảo-hạng cho trẻ

(1) Thứ củ đất dùng vào kỹ-nghệ được nhiều việc thì không có hoa, nhưng mà lá có một cái gân đỏ.

DEUX VISITES DU F. E. A. À DES FRANÇAIS

Par LE COMITÉ D'ADMINISTRATION

Au cours du trimestre précédent, le F. E. A. a fait, comme d'habitude, plusieurs excursions à des établissements industriels, dont deux méritent une mention toute spéciale, parce qu'elles ont bien montré à nos jeunes gens ce que peuvent être les résultats de la claire intelligence, de l'initiative, de la volonté et de la persévérance françaises. Nous voulons parler des visites à M. Lamarche et à M. Borel.

Le 6 avril dernier, une cinquantaine de membres du Foyer, ayant à leur tête notre Directeur et l'un de nos vice-présidents, M. Vu-tam Tập, est allé visiter, au n° 84 du boulevard Carreau, à Hanoi, les établissements où M. Lamarche a créé et développé avec une remarquable et louable opiniâtreté son industrie des *gluco-gommes*.

M. Georges Désiré LAMARCHE, après avoir abandonné tous ses intérêts en France pour aller faire vaillamment la guerre en première ligne comme adjudant d'infanterie, après avoir été plusieurs fois et grièvement blessé, n'a pas hésité à venir au Tonkin pour y mettre au service de la France et de l'Indochine son activité et ses qualités d'esprit observateur et inventif.

Il a remarqué que plusieurs plantes indigènes dont la culture ne demande aucun soin et qui, selon l'expression habituelle, « poussent comme de la mauvaise herbe » généralement méprisées par l'Annamite qui ne sait pas les utiliser, contiennent des principes mucilagineux et nutritifs qui permettent d'en tirer le plus grand profit grâce aux nombreux emplois industriels qu'elles peuvent recevoir. Nous citerons seulement parmi ces nombreuses plantes: le balisier ou canna éludis, dit toulouma (củ đất) dont une autre variété fait l'ornement de nos jardins tonkinois (1), les dioscorea ou ignames de toutes variétés (củ cái, củ vầu

(1) La variété dont l'emploi industriel est intéressant est celle qui ne donne pas de fleurs, mais dont la feuille porte une nervure rouge.

con, người òm (dau ruột) và người già ; ở Bắc-kỳ này, mua bột hoàng-tinh vừa dễ vừa rẻ, thế mà rất nhiều người Pháp mất tiền mua bột hoàng-tinh Bermudes đắt như vàng là thứ bột ở ngoại-quốc đi qua nước Pháp rồi mới tới đây. Thấy sự như thế khỏi sao chẳng đem tâm ái-ngại được ! Nhờ ông Lamarche cổ-vũ nên nghề giồng bột hoàng-tinh mở-mang kịch-liệt lắm, thật là một mối lợi rất lớn cho Đông-Pháp sau này. Vả chẳng, nhờ khi mất mùa, bột hoàng-tinh lại ăn trừ cơm rất tốt ; như thế, vừa khỏi đói kém, vừa làm giàu cho dân sự, vừa giồng-giọt được các chỗ hoang-diền không thể cấy lúa được, như đồi, đất cát, vân vân, bấy nhiêu mối lợi toàn là kết-quả của sự mở-mang nghề giồng bột hoàng-tinh là một nghề không phải chăm bón gì mà cũng không cần có tài riêng gì cả (1). Ròng-rã trong bốn năm giới nay, ông Lamarche phân-phát biết bao nhiêu là củ hoàng-tinh cho mọi người ra tâm giồng-giọt ; ông lại nhận mua của dân-quê rất lắm, dân-quê cứ bình-thường cung-cấp cho ông. Xem thế biết rằng nay cô sức cổ-động cho toàn-dân biết sự thiết-yêu của nghề giồng bột hoàng-tinh không những là giúp việc ông Lamarche mà thôi, nhưng nhất là làm lợi cho Đông-Pháp ta vậy.

Cây củ đất giồng cũng dễ như thế mà có thể giồng được suốt năm. Cây này cũng nhiều chất bổ thay được bột hoàng-tinh ngoài những ngày mùa bột hoàng-tinh (từ tháng chạp đến tháng hai tây). Củ đất rất dễ mọc ở các nơi đất xấu và sinh-sản chóng lắm.

Ta đã nói đến củ cải, khoai lang, nhưng ta nên kể thêm sắn, vì sắn là chất bổ-ích đã cố-nhiên từ xưa kia rồi.

Những chất nhựa lấy ở các cây ấy và nhiều cây khác ra, thí-dụ

(1) Nhờ ông Lamarche cổ-động mà trong một tỉnh Sơn-tây, năm 1919 sản được 5 tấn, đến vụ gặt này đã lên tới 400 tấn rồi.



Visite du P. J. A. aux établissements Lavigan le 24/11

H. A. N. J. A. dans son bureau le 12/11/1914

củ mái, củ từ, củ cộc-giàu, củ nưa¹), les patates (ipomea Batatas) (hoai nghê, vàng, trắng, lim, bắc ; xá, môn, etc) et le maranta arundinacea plus connu sous le nom d'arrow-root (hoàng-tinh). Cette dernière plante présente un intérêt tout particulier, parce que son tubercule fournit aussi une farine blanche qui est un aliment de choix pour les enfants, les malades (entérite) et les gens âgés ; il est lamentable de voir les Français du Tonkin payer au poids de l'or de l'arrow-root des Bermudes, venant de l'étranger après être passé par la France, alors qu'il est si facile d'en avoir sur place d'excellent à très bas prix. Le développement intensif de la culture de l'arrow-root préconisé par M. Lamarche serait une source de richesses considérables pour l'Indochine. De plus, dans le cas où la récolte de riz serait déficiente, cette plante fournirait un excellent aliment de remplacement : suppression des disettes, enrichissement considérable des habitants, mise en valeur d'immenses étendues incultes, impropres à la culture du riz (mamelons, terrains sablonneux, etc), tels seraient les résultats du développement de cette culture très facile et qui ne demande aucun soin, aucune connaissance spéciale (1), Monsieur Lamarche a distribué gratuitement depuis quatre ans des quantités importantes de tubercules d'arrow-root, comme plants, pour encourager cette culture : il assure l'achat des récoltes aux paysans annamites qui consentent à s'y adonner régulièrement ; c'est donc un service à rendre non seulement à M. Lamarche, mais surtout à l'Indochine, que de faire connaître le plus possible la nécessité de développer cette culture.

Le cana toulouma ou éludis, dont la culture est non moins facile et qui peut se récolter à toute époque de l'année donne aussi des produits qui remplacent utilement ceux de l'arrow-root en dehors des saisons de récolte de celui-ci (décembre à février) ; il croît facilement dans les plus mauvais terrains, et se multiplie rapidement.

Nous avons cité aussi les ignames et les patates auxquels il faut ajouter le manioc dont l'utilité est connue de longue date.

Les mucilages et les gommes extraits de ces plantes et de

(1) La production de la province de Son-tây qui était de 5 tonnes environ en 1919 est passé à 400 tonnes à la dernière récolte sous l'impulsion de M. Lamarche.

như cây mủ-nhát thì dùng được nhiều việc ích-lợi lắm. Nhựa ấy giúp được một việc mà xưa nay ở Đông-Pháp chưa ai tìm nghĩ ra, là đóng những mảy than đá vụn thành những miếng than đá lớn. Than này đốt sinh nhiều khi nóng, mà các kỹ-nghệ ở đây dùng đến rất nhiều. Nhựa ấy lại còn chế thành được một chất gọi là «gluco-gomme». Ông Lamarche dùng chất này bôi vải làm thứ vải kính vẽ hình rất nhã và rất tiện-dùng ở cái thời-tiết xứ ta. Chất ấy còn dùng làm cốt cho các thứ thuốc sơn mạnh và rẻ tiền, vân vân... Sau còn những chất thừa cũng là ích-lợi lắm: như sơ thì dùng làm giấy bọc và giấy lót đệm, lót khung, bã thì nuôi trâu bò, gà lợn, vân vân....

Nhưng muốn có được cái chất ấy thì trước hết phải làm nhiều việc như là giã, là rửa, là phơi, v. v. Ông Lamarche đã tự-y chế ra được một bộ đồ dùng riêng để làm các công việc ấy, thành-thủ nhanh-chóng lợi-lãi gấp hai mươi lần hơn là khi còn làm bằng thủ-công trong lúc sơ-đầu. Thật là ông có cái tài tỷ-mỷ sáng-chê và cái lòng quả-quyết nhất-định rất đáng ngợi-khen. Các máy của ông đã không phải tốn-kém gì mà chế-tạo ở đây như thế, thiếu-niên bản-hội được xem kỹ-càng đều lấy làm mãn-nguyện lắm.

Kỹ-nghệ các chất nhựa cây của ông Lamarche sở-dĩ mở-mang như vậy là nhờ có tấm lòng quả-quyết nhiệt-thành, siêng-năng kiên-cô, dầu những sự khó-khăn trông-trát đến đâu cũng không cản-trở được. Kỹ-nghệ này hiện đang phát-đạt tiến-tới, người An-nam ta cần phải biết đến vì nhờ nó ta mới rõ rằng nước ta có thể khai-hóa các sản-vật — mà ta không biết — được giàu-mạnh đến nhường nào !.. Cái lịch-sự sáng-tạo ra kỹ-nghệ của ông Lamarche này thực là một cái gương tài-tình quả-quyết đáng giục lòng cho bạn thiếu-niên ta....

Ngày mồng 4 Mai trước, quan Đốc, ông giáo Tài, chánh-hội-trưởng, ông Vũ-tam-Tập, phó-hội-trưởng cùng với ngoại trăm hội-viên đã đi xem đồn-diên ông Marius BOREL ở châu núi Ba-

divers arbres à gommés (cây mủ-nhát, par exemple) reçoivent de nombreuses et importantes applications. Ils apportent la solution, vainement cherchée jusqu'à ce jour en Indochine, de la fabrication de briquettes en agglomérés de poussières de charbon, combustibles pratiques et d'un fort rendement dont les débouchés industriels sont importants ici. Ils permettent la fabrication de gluco-gommés avec lesquels M. Lamarche enduit des toiles qu'il transforme en vitraux transparents peints du plus bel effet décoratif et qui rendent les meilleurs services dans nos climats. Ils servent de base à des peintures résistantes et de prix peu élevé, etc. etc. . . . Enfin, les sous-produits sont fort utiles : fibres pour les emballages et les matelassures, tourteaux pour la nourriture du bétail, etc. . . .

La préparation de ces produits nécessite des opérations successives de broyage, lavage, séchage, etc... pour lesquelles M. Lamarche a créé par ses seuls moyens tout un usinage spécial qui représente un bel effort d'ingéniosité et de volonté et dont le rendement est vingt fois supérieur à celui des opérations manuelles du début. Les jeunes gens de notre société ont été particulièrement intéressés par la visite détaillée de ces machines créées sur place avec des ressources très limitées.

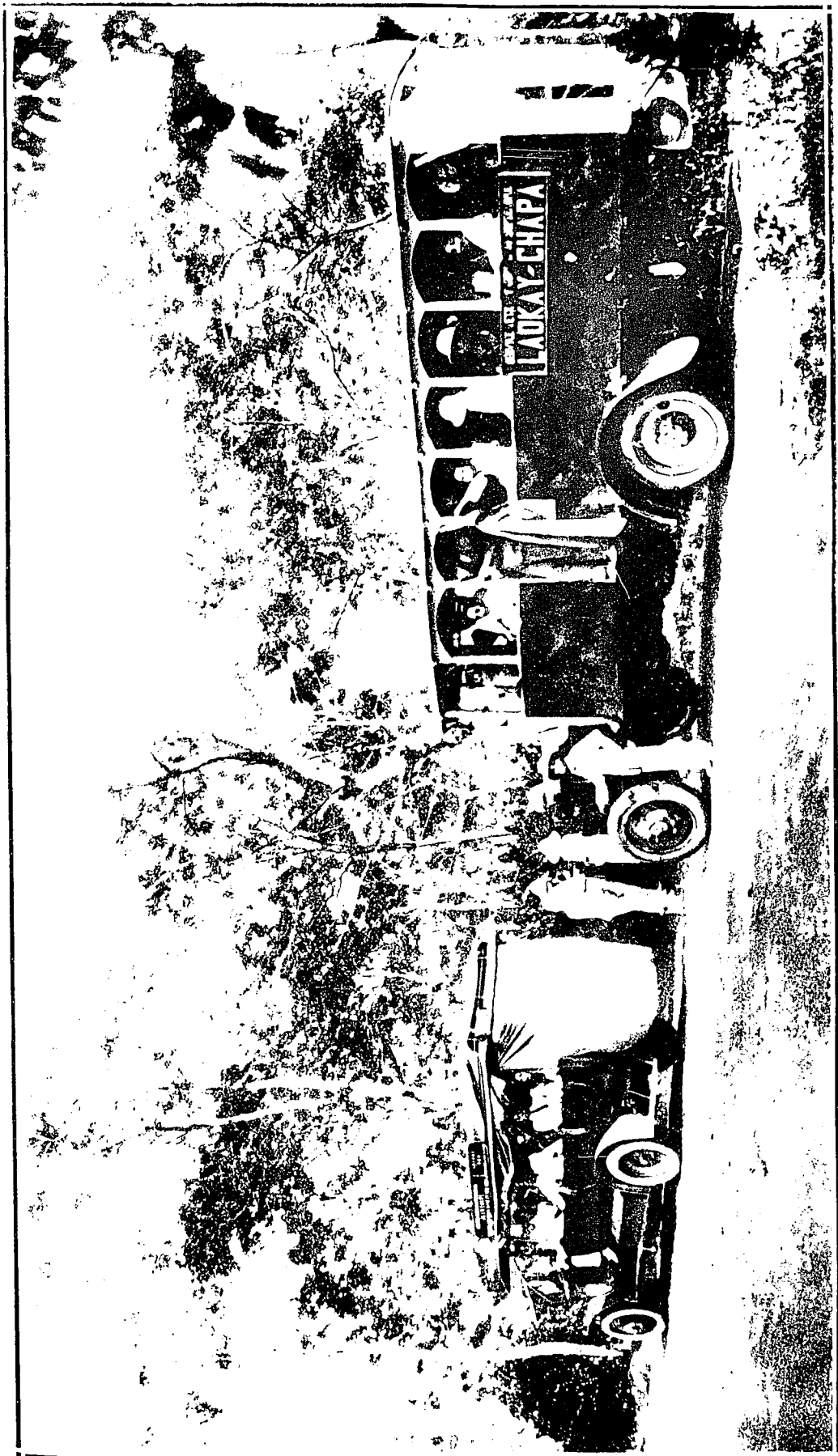
L'industrie des gluco-gommés de M. Lamarche n'a pu se développer que grâce à une volonté opiniâtre et à un labeur persévérant qu'aucune difficulté — et elles ont été multiples — n'a pu abattre. Elle est maintenant en plein essor et doit être connue des Annamites à qui elle montre combien la prospérité de leur pays peut être accrue par l'exploitation de richesses qu'ils ignorent; l'histoire de la création de cette industrie par M. Lamarche est un exemple d'ingéniosité et de volonté qui doit être fécond pour nous.

Le 4 mai, cent-vingt membres du Foyer, avec notre Directeur, notre président, M. le professeur Tài, et un de nos deux vice-présidents, M. Vũ-Tam-Tập sont allés visiter la concession de M.

vì Ông trưởng-hội rất tận-tâm của ta đã nhờ hảo-tâm của hai ông chủ xe vận-tải là ông Loupy và ông Mỹ-Xuyên mà thuê được giá rẻ hai chiếc ô-tô kiểu lớn. Cuộc hành-trình hôm đó thật là gặp lắm sự chẳng ngờ : một cái xe bò đổ ngay ở khuỷu đường suýt nữa làm cho chiếc ô-tô lớn nhất lật nghiêng xuống hố. Ấy cũng nhờ có tất cả mọi người trên xe hợp sức với nhau, lại có quan Đốc ra hiệu-lệnh... nhà binh... mà ô-tô sau mới thoát qua được bước nguy-hiểm đó... Thật là cái gương sáng-lạn một sự đoàn-thể là căn-bản hội ta, thật là một việc thực-hành đích-đáng câu châm-ngôn : « Đoàn-thể là thế-lực ! »... Mãi đến gần trưa, giờ nóng như đốt, chúng tôi mới tới thừa nhà chính của ông Borel ở chân núi Ba-vi... Sau khi vượt qua một nơi hoang-địa hầu như xa-mạc mà đến một chốn lâu-đài lịch-sự nguy-nga, lớn-lao rộng-rãi thì khỏi sao lại không lấy làm ngạc-nhiên được.

Khi chúng tôi ăn uống nghỉ-ngơi một lát rồi thì ông Borel đưa chúng tôi đi xem, chúng tôi được mục-kích hết sự kỳ-diệu này đến điều mới-lạ khác. Những chuồng trâu bò có hàng 2.000 con vật, rất là chắc-chắn và giữ-gìn sạch-sẽ lắm. Đâu đâu cũng sạch-sẽ đặc-biệt như thế, là vì có những cống nước to chảy đi mọi nơi và nhất là vì những quân hầu, đầy tớ tự biết lúc nào cũng có... con mắt ông chủ xem xét đến luôn... (ông chủ mà không chịu để mắt đến thì muôn việc đều hư)... Chúng tôi được thấy những giống bò, giống dê, giống cừu rất lạ ở Âu-tây và ở Ấn-độ. Những giống này lai với các giống vật của ta thì lại tốt hơn chính giống tại Đông-Pháp nhiều. Trong một trăm rưỡi con vật Ấn-độ gửi lâu về, duy còn sáu mươi con sống sót. Khi ta nghĩ đến sự đó ta sẽ hiểu rằng ông Borel đã phải kiên-tâm đến thế nào mới đạt được kết-quả như trên kia đã nói ?...

Từng đàn cừu lớn mỗi năm gọt được rất nhiều lông chiên và bán được rất nhiều thịt ăn. Giống cừu vốn không sống được ở thời-tiết xứ ta, thế mà ông Borel nuôi được, là vì ông lấy các giống lai rất khéo và suốt mùa hè ông nhốt cừu luôn ở trong chuồng.



Visite de l'É. V. à la concession Bonin le 17-3-41

H. V. N. à la concession d'auto-diesel Bonin, le 17-3-41

Marius BOREL au pied du mont Bavi. Deux gros camions automobiles avaient été loués par notre dévoué Président, à des prix particulièrement avantageux dus à l'amabilité des entrepreneurs de transport, MM. Loupy et My-Xuyên. Le voyage fut fertile en incidents : une charrette arrêtée à un tournant de la route faillit faire verser le plus gros camion dans le fossé ! Il fallut rien moins que les efforts réunis de tous ses occupants, coordonnés par le commandement... tout militaire ! de notre cher Directeur pour sortir la lourde voiture de ce mauvais pas ! ... Ce fut un bel exemple vécu du grand principe de solidarité qui est à la base même de notre association, une frappante application de la maxime : « L'union fait la force ! ... » ... Il était près de midi lorsque nous parvînmes enfin, par une chaleur accablante, à l'habitation principale qui s'élève au pied du Bavi... On est tout surpris, après avoir parcouru ces régions incultes et presque désertes, de se trouver en face ce bel édifice, robuste et élégant, confortable et spacieux.....

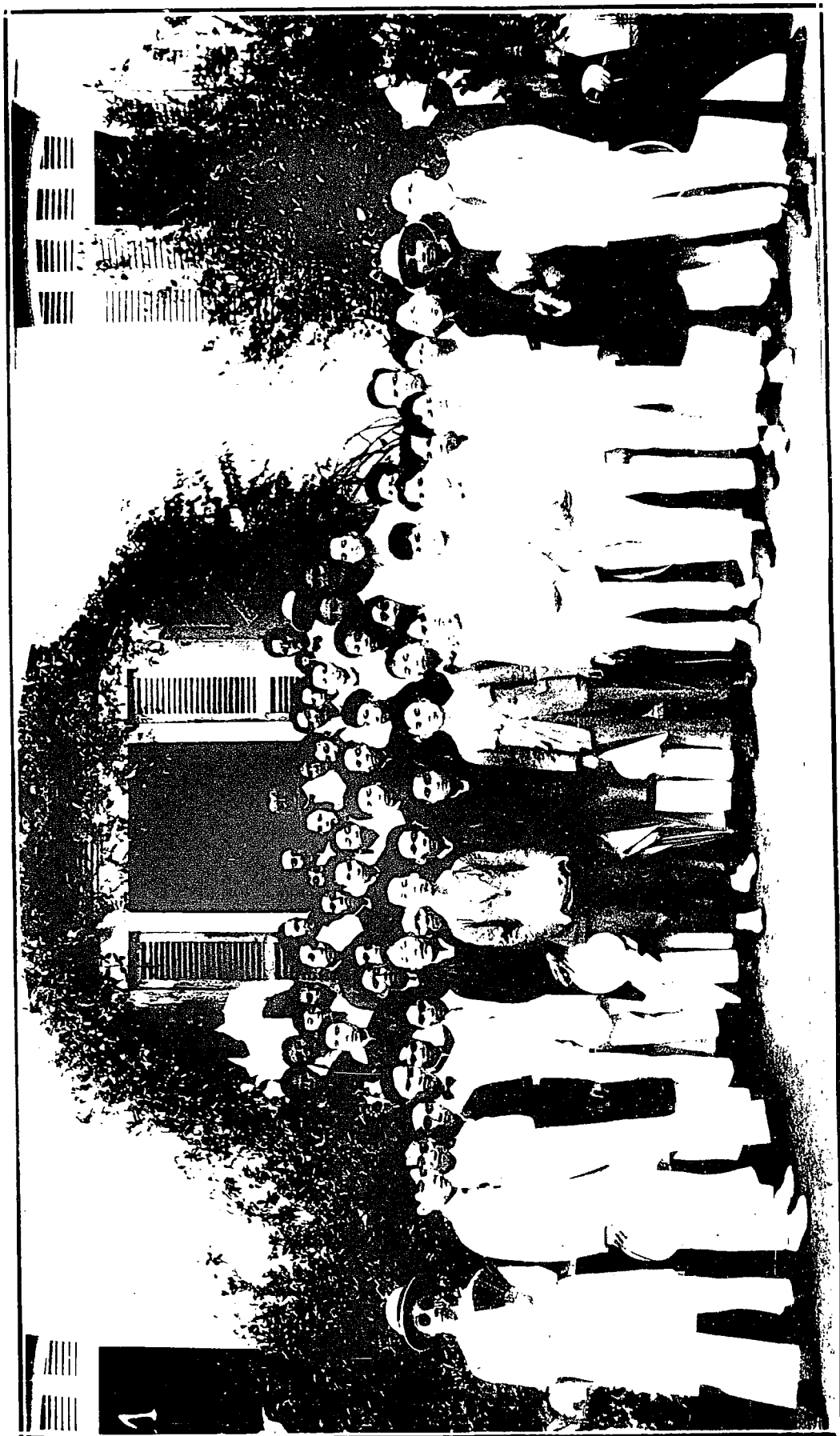
Après un repas sommaire et un repos bien gagné, la visite commença sous la direction de M. Borel, et nous allâmes d'émerveillement en émerveillement. D'immenses étables, solidement construites, contenant plus de 2 000 têtes de bétail, sont admirablement entretenues. Partout règne la plus extrême propreté, grâce à une abondante distribution d'eau qui a demandé des installations fort importantes, mais aussi et surtout à un personnel domestique qui se sait à tout instant surveillé par cet... « œil du maître » sans lequel il ne se fait rien de bon... Nous remarquons de curieuses variétés de vaches, taureaux, chèvres, boucs, moutons et génisses européens et indiens qui, par croisements avec les variétés indochinoises ont donné des produits admirables, très supérieurs aux nôtres. Quelle persévérance n'a-t-il pas fallu, encore, pour obtenir de tels résultats lorsqu'on songe que sur tels envois de cent cinquante têtes de bétail indiens, soixante individus seulement survivaient à la traversée ! ...

De grands troupeaux de moutons sont à l'étable, fournissant chaque année d'importantes récoltes de laine et une excellente viande de boucherie. Il était bien entendu que cet animal ne pouvait s'acclimater dans nos pays ; et pourtant M. Borel y a parfaitement réussi, tant par des croisements savants que par une stabulation continue pendant tout l'été.

Chúng tôi lại rất ngợi-khen những chuồng lợn — có một vài con rất lớn — sạch-sẽ quá làm cho sai-nghĩa cả câu phương-ngôn « bản như lợn ». Ở đây có nhiều bể nước xây bằng si-măng cho lợn tắm rửa hàng ngày, chắc lợn cũng không thấy đau hơn thê nữa ... Ôi, thê mới biết sự ích-lợi của phép vệ-sinh ! . Lắm người nhà quê khôn-nạn ở Tàu... và ở mọi nơi không biết một tí vệ-sinh cần-yếu nào mà nếu được một chốn ở hay hay như nhà các ông ý tại đây thì chắc cũng vui lòng mà lia bỏ nơi lều gianh túp cỏ của mình. Ta nói câu ấy tưởng cũng chẳng mất lòng ai vậy.

Phản ở các chuồng trâu bò, cừu lợn thì dùng bón cà-phê là thứ cây mà chúng tôi xem cuối cùng đây. Thật là một quang-cảnh rất ngoạn-mục ! Trong những khoảng đất bao-la mới độ nào là rừng-rậm mà bây giờ từng giầy cà-phê cao lớn xanh tươi tốt đẹp trông mòn con mắt vẫn không thấy hết, thấy cùng : mỗi gốc cà-phê thật là đã mất nhiều công giống giọt, nào là bón phân, nào là tháo nước, nào là gọt cây, v. v ... nếu đem tả hết ra đây thì e dài quá ... Trong ruộng cà-phê có nhiều đường rộng, những xe tải nặng tha-hổ tới lui ... Người ta được trông cái quang-cảnh trật-tự và thịnh-vượng lớn-lao của sự giống cà-phê ở chân núi Ba-vi mà ảnh-tượng ngoạn-mục như in trên bức tranh ấy thì thế-tất phải lấy làm ngạc-nhiên cảm-động. Nay hỏi các vị hung-thần mà thiên-hạ xưa nay đồn rằng núi Ba-vi gồm-glê kia rất lắm, có phải các người chỉ là sự Tin nhảm và sự Ngu-dốt đó không ? Đến ngày mà dân-trí ta nhờ cái thiên-tài Đại-Pháp sửa-sang chỉ-dẫn để tranh-đấu với các người thì ta quyết rằng các người sẽ thua to mất !

Một người Pháp đã chỉ vì có nghị-lực không ai cản-trở được mà gây nên ở quanh mình một cái « thê-gian » như thế thì tưởng không còn cái gương nào tốt-đẹp cho thiếu-niên Việt-nam ta bằng ! Nào là thời-tiết khó ở, nào là chứng-bệnh chuyen-nhiễm, nào là gió bão, nào là sự giao-thông với bên Thượng-quốc rất đổi chậm-chạp, nào là trăm nghìn nông-nỗi khó-khẩn về việc tổ-ehức ở trong một xứ-xở mà nhân-công phần nhiều cần phải kiên-tâm sửa-sang cả lại như xứ-sở ta này, thế mà không một sự gì ngăn-trở được công-việc gắng-gỏi rất đáng ngợi-khen của ông Borel không-lờ vui tính.



Visite du F. E. A. à la concession Borel le 15-1-24.

H. V. N. T. N. du du-quan don-dien Borel ngày 15-1-24.

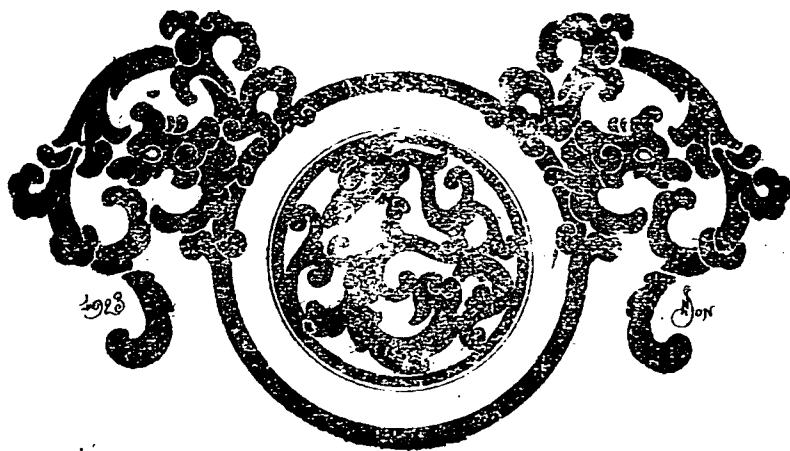
Admiré aussi les porcheries dont les locataires — quelques-uns de taille colossale ! — sont d'une propreté remarquable qui fait mentir l'injuste dicton ; de grands bacs en ciment permettent de donner, à ces messieurs, un bain quotidien dont ils se trouvent on ne peut mieux. . . . Oh ! bienfaits de l'hygiène ! Soit dit sans froisser personne, beaucoup de paysans de Chine. . . . et d'ailleurs . . . qui ignorent, hélas, trop complètement cette science indispensable, seraient trop heureux de quitter leur tandis pour une demeure aussi agréable que celle de ces « habillés de soie » !

Le fumier des étables est indispensable à la fumure des plantations de caféier que nous visitons pour terminer. Quel merveilleux spectacle ! sur d'immenses espaces hier encore envahis par la brousse s'allongent à perte de vue les alignements de superbes pieds de caféier dont chacun est l'objet de soins minutieux (fumure, irrigation, taille, etc. . .) qu'il serait trop long de décrire ici. De larges routes permettant la circulation des plus lourds charrois sillonnent la plantation. . . On se sent vraiment ému d'admiration à la vue du spectacle d'ordre grandiose et de prospérité que donne cette plantation modèle au pied du mont légendaire dont la silhouette forme un fond magnifique à ce tableau. . . Oh, génies malfaisants dont la tradition populaire a peuplé de tous temps ce Bavi redouté n'auriez-vous pas simplement pour nous Superstition et Ignorance, et ne voyons-nous pas que vous serez vaincus le jour où l'intelligence annamite sera organisée et guidée dans ce bon combat par le clair génie français ?

Quel plus bel exemple aurait pu recevoir notre jeunesse annamite que celui de ce Français qui, par la seule force d'une volonté que rien n'a jamais pu altérer, a su créer, autour de lui, un monde comme celui là ! Ni la dureté du climat, ni les épidémies ou épizooties, ni les typhons, ni les lenteurs de communication avec la métropole, ni les mille difficultés d'organisation dans un pays où la main-d'œuvre est, pour certains travaux, à former complètement au prix d'une longue patience, rien n'a pu arrêter dans son effort admirable ce bon géant souriant qui, dehors et en route du lever au coucher du soleil, a su apprendre notre

ấy! Ông đã học giỏi tiếng ta, khi ông ra ngoài, đi đường, từ sớm hôm đến chiều tối, ông lại đã khiêu được đồng-bang ta tuân-phục kính-yêu và đã gây nên quanh mình ông một cái gia-đình có tộ-trưởng cũng sinh nở ra nhiều mầm-nhánh tậu-tâm phụng-thờ mẫu-quê! Lúc ông đưa cho khách xem bức ảnh mấy đứa con ông vừa mới hôm qua cùng chung ấm-lạnh với ông ở đây, rồi đèn bức ảnh tiểu-thôn Hautes-Alpes bám bèo sườn núi đầy tuyết là làng mà ông lúc nào cũng để tâm đèn, thì cái dáng-diệu của ông rất là dạn-dị bình-thường, khiến cho người ta cảm-dộng, tình khôn xiết kể.

Chúng tôi biết rằng nhiều người thiếu-niên ta đem tâm nghĩ-ngợi về cuộc du-quan này lắm. . . Thiếu-niên được trông thấy ông Không-lồ vui tính đã tiếp-đãi ta từ-tế ấy thì chắc cũng võ nghĩa câu phương ngôn mà các quan giáo tây thường nhắc bảo ta: « Thân có mạnh-mẽ, hồn mới tráng-khiến ». Bây giờ không phải là cái thời-kỳ mà thiếu-niên ta lấy một nhà nho-sĩ ẻo-lã, đến nổi gió đổ, tay nắm khư-lư một cây ô lớn hơn mình làm một người khuôn-mẫu cho nhân-loại nữa! Cái thời-kỳ ấy đã xa-xôi lắm rồi. . . Nay ta phải giưỡng sức cho khỏe, luyện trí cho tinh, giữ lòng cho sạch mà ra công sinh lợi. . . Đó là bài học mà nước Pháp vẫn thường dạy bảo ta, còn như cái gương của người dân Pháp kia đã tiếp-lãi ta rất là tử-tế thì đời đời ta xin ghi lòng tạc dạ. . .



langue, se faire respecter et aimer de nos compatriotes, et élever autour de lui une vraie famille patriarcale qui fera souche, elle aussi, de vaillants pionniers pour sa patrie ! . . . Et combien il est étonnant dans sa simplicité le geste de cet homme qui montre fièrement à son hôte, après la photographie de ses nombreux enfants et de ses parents qui, hier encore, partageaient ici ses peines et ses espoirs, celle du petit village des Hautes-Alpes, accroché tout là-bas au flanc des montagnes neigeuses et où, toujours, son cœur est resté ! .

Beaucoup de nos jeunes gens, nous le savons, ont mûrement réfléchi à la suite de cette visite... La vue du bon géant souriant qui les avait si bien reçus leur a fait comprendre la vérité de l'adage que leur répètent souvent leurs professeurs français : « Mens sana in corpore sano » . . . Il est bien loin déjà pour eux le temps où le type idéal d'humanité était à leurs yeux le lettré malingre tout prêt à choir au moindre souffle du vent et étreignant dans sa dextre un parapluie plus gros que lui-même ; . Fortifions nos corps, cultivons nos esprits et élevons nos âmes en vue de l'effort fructueux ; . . . Telle est la leçon continue que nous donne la France — et dont l'exemple que nous avons reçu du vrai Français qui nous fit si bon accueil restera gravé dans notre souvenir.



LÝ THỊ VỌNG PHU

Bài ca của cõ-nhàn

NGUYỄN ỨNG dịch pháp văn

(Bài nổi và hết)

Cơ biến-hoá nói sao cho hết,
Truyện gia-tình, kể xiết ai-bi,..
Chẳng qua phận bạc kể chi !

Thôi thời cam chịu nữ-nhi phận hèn..
Trong một lò lửa chen mấy bếp,

Gạo một nồi tẻ nếp lấu sao !

Thiếp nay đã nguyện thiên-tào,
Bề giâu ví đổi, má đào khôn buông.

Khúc ruột tâm đã vương tơ nhện,

Thân Lý này gửi Nguyễn danh-gia.

Dám đâu nhìn mặt sao a,
Theo lòng vàng đá mà hoa vôi cười.

Vả lang-quân là người Hà-quận,
Cùng thiếp giầy Thiên-bản hương-thôn,

Hương-thôn chịu một thân buồn,

Hà-thành chàng tỏ nguồn-cơn chẳng là ?

Bởi nhớ chông mày hoa ủ-dột,

Vị thương chàng trăm hột châu rơi ;

Châu rơi ai tỏ chẳng ai ?

PENSEES DE SOLITUDE DE LY-THI

Ancien poème annamite anonyme

Traduction par NGUYỄN-ỨNG

(suite et fin)

Ah ! Qui décrira jamais le malheur dont je suis accablée ?
C'est sur une trame de douleurs que mon existence est tissée.
Oh ! destin fatal qui me laisse aujourd'hui sans espoir et sans
[pensée,

Accablée sous le faix du chagrin, auquel je veux me résigner.
Est-il plusieurs compartiments dans le four où couve la cha-
[leur ?

Au riz pur doit-on mêler une autre céréale ?...

J'ai fait serment à la face du Ciel

Que ce cœur ne se donnera pas deux fois, quand l'univers
[entier serait bouleversé !...

De même que le ver-à-soie est fixé au cocon par le fil ténu,
[du plus intime de son être.

De même le corps de Lý-Thị est uni à la famille de Nguyễn-
[Gia,

Oserais-je encore regarder dans les yeux mon mari,

Si mon cœur ne demeurerait immuable comme l'or ou le granit

[Les fleurs mêmes se détourneraient de moi ?

Mais son pays natal est Hà-Quận

Tandis que le mien est Thiên-Bản, le petit pays perdu,

Où je pleure d'ennui et de tristesse.

Le soupçonne-t-il seulement, tandis qu'il est à Hà-Thành ?

Ma pensée douloureuse ne le quitte pas, et mon visage, comme
[ma jeunesse, se flétrit.

Et sur notre séparation, je pleure amèrement...

Ces larmes amères, les connaît-il ?

Mây hoa ủ-dột, tuyết phai ai trông ?

Tưởng thoa thiệp, thiệp càng thêm tủi,

Đoái thư chàng, chàng lại thấy không.

Nhớ chàng hoa chẳng muốn trông.

Xạ thì bỏ hả, hương xông bỏ tàn.

Thiếp nhớ chàng như loan nhớ phượng,

Vợ nhớ chồng như nhận nhớ ô.

Thiếp chàng xa cách sông dò,

Nhận ô xa-cách mấy gò non cao.

Thiếp trông chàng, chàng nào có thấy.

Nhận trông ô, ô lại vắng tanh.

Vắng tanh trông những cỏ xanh,

Cỏ xanh cao ngất bên mảnh phù-tang.

Ngán đến cảnh hồng-nhan bạc-phận,

Nghĩ thân này oán-hận giới xanh:

Giới xanh nữ phụ tơ-mảnh,

Ao xanh nữ phụ khách tình cho đang!

Nếu thiệp kẻ bợc-tang giăng-gió,

Ở bạc-tình giống vợ Kim-Nham;

Phụ công ở dạ bắc nam,

Thì giới phụ thiệp, thiệp cam với giới.

Nếu thiệp phải là người du-đăng,

Et cette jeunesse, et ce visage flétri, et ces secrets de mon
[cœur, les soupçonne-t-il seulement ?...]

Mon chagrin redouble à la pensée de cette épingle d'or qu'il
[m'offrit,

Et la vue de sa lettre augmente ma peine de le savoir si loin.

Abîmée dans sa pensée, les fleurs ont à mes yeux perdu leur
[beauté,

Et mes parfums favoris sont pour moi comme l'eau du ruisseau.

Mon désir s'envole vers lui comme l'oiseau "loan" vers l'oiseau
["phượng"]

Pauvre femme, ma pensée reste attachée à lui comme celle
[de l'hirondelle au point où son nid est fixé...]

Je suis séparée de lui par des fleuves nombreux,

Comme l'hirondelle est, à l'automne, séparée par les mon-
[tagnes du nid qu'elle avait bâti au printemps.]

Et les pieuses méditations dont mon mari est l'objet, il les
[ignore probablement]

Et pourtant l'hirondelle songe à son nid... Ce pauvre nid,
[aujourd'hui désert,]

Caché dans un coin touffu de la verdure sans fin.

Dans ce monde éphémère et changeant.

Hélas ! vouée à cet ingrat destin,

Je ne sais qu'élever ma plainte vers le créateur,

Qui semble m'avoir abandonnée !...

Le beau garçon à la tunique de soie verte a pourtant délaissé
[celle qu'il aimait..]

Que ne suis-je donc comme celles qui vont se perdre dans les
champs de mûriers, ouvrant leur cœur aux rayons de la
[lune, aux murmures du vent,]

Infidèle comme l'épouse de Kim-Nham.

Qui trahit son serment, j'écouterai les sollicitations de droite
[et de gauche.]

Mais je préférerais que le Ciel me fit périr sur place !

Si je devenais une femme indigne,

Hải chẳng còn đứng quán Thu-phong :

Thu-phong đứng vậy mà trông,
 Trông chông đèn rử mà không thấy gì !
 Chàng biệt thiếp, long qui Bắc-hải,
 Thiếp già chàng, hồ lại Nam-sơn.
 Chàng thì theo việc Vương-tôn,
 Thiếp thì cung-cấm khuê-môn đêm ngày.
 Ước Trác-thị thiếp nay phải giữ,
 Thê Vĩ-sinh chàng chớ có quên !

Lòng trinh thiếp phải giữ nguyên,
 Dạ thành chàng ở có bền được chăng ?
 Hay bắt chước theo chàng Thiện-sĩ,
 Lại học đòi thiên-tri Trương-sinh ;
 Trương-sinh, Thiện-sĩ vô-minh,
 Đê đau-dớn kẻ lòng trinh má hồng.

Khiến Vũ-thị gieo sông oan-thác.

Thị-Kính thì trảng hạt cà-xa.

Buồn thì nói vậy cho qua,

Aó may chẳng biết hàng ta, hàng tàu ?

Quả cau non xem mẫu hạt biết,

Người có nghĩ xem nét mặt hay.

Phu-quân thiếp thực người ngay,
 Có đầu ở dạ nước-mây thể-thường,

Je ne pourrais plus me tenir, la tête haute dans cette tour du
[vent d'automne,

Où je l'attendrai dans l'angoisse,
 Jusqu'au jour où mon âme meurtrie succombera sous le chagrin.
 Tel le Dragon s'éloignant vers le nord,
 Mon mari est parti pour aller servir le roi. •
 Je lui ai dit adieu et suis restée seule comme le tigre légendaire au Mont du Sud,
 Je demeure fidèle au serment de Trác-thị,
 Espérant que, de son côté, il n'oubliera pas les promesses
[de Vĩ-sinh.

Je lui renouvelle chaque jour mon serment de fidélité.
 Mais, lui, sait-il me garder la fidélité de son cœur ?
 Ou bien a-t-il déjà suivi les traces de Thiện-sĩ,
 A-t-il imité le cœur volage de Trương-sinh ?
 Oh, Trương-sinh et Thiện-sĩ, cœurs sans loyauté,
 Combien de joues roses ont été, pour vous, baignées de
[larmes, combien de pauvres cœurs ont été meurtris !
 Vũ-thị, l'épouse de Trương-sinh, a dû chercher la mort dans
[le fleuve impétueux,
 Thị-Kính, l'épouse de Thiện-sĩ, a dû prendre la robe et le cha-
[pelet de bonzesse.

Abîmée de douleur, j'exhale ma plainte dans ce gémissement,
 Et pourtant je dois savoir de quel tissu précieux est faite
[cette robe que j'ai revêtue :
 Comme on connaît la qualité de la noix d'arec par la cou-
[leur de son noyau,

On connaît aussi les qualités du cœur de celui que l'on aime
[par les traits de sa physionomie.

A la vérité, je connais la vertu de mon mari,
 Les cœurs vulgaires se comportent à la façon de la vapeur
[qui s'éloigne bien vite de l'eau dont elle s'est séparée :
[il n'est pas de ceux-là.

May gặp đứng hiền-lương quý-khách,

Lại phải điều quẻ-bích vô-duyên.

Hữu-duyên ấy thực là tiên,

Vô-duyên ấy thực là viên bạch-hầu.

Nàng Vọng-phu chịu đau thỏ trước,

Thân Lý này nối gót theo sau;

Theo sau chịu lấy khúc sầu,

Sầu này thấm nọ khác nhau về gì?

Ấy chẳng qua cũng vì số-phận,

Khiên duyên này lận-đận dở-dang.

Ân-lang ! anh hỡi Ân-lang !

Xa-xôi biết thiệp đoan-tràng này chẳng?

Nghe tiếng dễ thương chàng đồng-vọng,

Đoái ngọn đèn nhớ bóng dung-quang.

Dung-quang chàng tựa Phan-lang,

Làm cho thiệp nhớ muôn vàn thấm thay !

Ước gì có khăn giấy quá hải,

Hỏi Phật-Bà duyên bởi vì đâu?

Xui nên thiệp lỡ gieo cầu,

Gần nhau phút đã xa nhau tức thì !

Kẻ bắc-thành, người về Nam-quận,

Kẻ kinh-thành người chốn thôn-hương.

Thôn-hương thiệp chịu võ-vàng,

Kinh-thành chàng có khỏe-khoang như thường ?

Le sort m'a privilégiée lorsqu'il m'a fait rencontrer ce cœur
[noble, ce caractère droit,

Mais combien il m'a disgraciée lorsqu'il m'a réduite à la so-
[litude dans cette chambre !

Avec l'amour de mon mari, j'étais une fée bienheureuse,

Privée de lui, je ne suis plus qu'un pauvre petit singe blanc...

O, Vọng-phu, ma sœur des temps lointains, combien tu as
[souffert !

Mais la pauvre Lý-thị, aujourd'hui, ne souffre pas moins que
[toi ! . . .

Elle pleure, comme toi, sur un malheur égal,

Et nos deux douleurs sont sœurs l'une de l'autre.

Comment peut-on souffrir ainsi, abandonnée au cruel destin ?

Mon aimé, ô mon bien-aimé,

Connais-tu bien, de loin, toute l'amertume de ma douleur ?

Dans le concert strident des grillons je crois percevoir la
[douce voix de mon bien-aimé,

Et dans l'ombre où se joue la faible lumière de ma lampe
[du soir, je crois reconnaître ses traits,

Le portrait où il se dresse, tel Phan-Lang, dans sa mâle
[beauté.

Etreint douloureusement mon cœur d'un souvenir plus proche.

Que ne suis je donc en possession du ruban magique qui peut
[nous emporter au delà des mers !

J'irais interroger Phật-Bà sur les causes de ce destin funeste
Qui voulut qu'à peine unis nous fussions si cruellement sé-
[parés !

Mon mari est à la capitale du Nord, et je suis à la province
[du Sud,

L'un en pleine ville, l'autre perdue dans la campagne...

Et dans cette campagne je dépéris de tristesse et d'ennui.

Et lui, à la ville, sa santé n'est-elle pas altérée ?

Hay nhớ thiếp tư-lương lỗi ước,
Lại hững-hờ việc nước không chuyên ;
Hoá ra thiếu-não đôi bên.

Kẻ thương bạn cũ, người phiền tình xưa.
Chàng nhớ thiếp lai thư hỏi-thăm,
Thiếp nhờ chàng gửi nhắn thôn-nhân.

Thơ kia đã thấu tình-quân,
Nhờ vàng đã gửi thôn-nhân đưa về.
Thấy thơ chàng đương mê thoát tỉnh,
Nem xong rồi sức mạnh hơn xưa.

Tình vui song có một giờ :
Vê sau phách lạc hồn mơ như thường.
Thoát chiêm-bao thấy chàng hỏi-quân,
Hai vợ chồng khóc-thán cùng nhau;
Cùng nhau kể lẽ gót dầu,
Bỗng nghe trống điểm bên lầu canh năm.

Nghe thấy động thôi nằm lại dậy,
Vẫn một mình nào thấy chi đâu !
Ngửa-ngang nhìn trước trông sau,

Chiếu chẵn còn đó, người đâu vắng rồi ?

Sao nỡ để thiếp ngồi trơ đó ?
Nỡ lòng nào mà bỏ thiếp đang !

Hay là ông Nguyệt mời chàng,
Rủ rê chàng lại chén vàng cùng ai....

Nghĩ đến phận châu rơi khôn cản,

Nghĩ thân này bẽ hoạn mệnh-mông.

Ou bien, songeant à mes douleurs et à mes serments,
Ne néglige-t-il pas les devoirs de sa charge...

Et ne sommes-nous pas, chacun de notre côté, en proie aux
[mêmes tourments...

Lui, songeant à celle qu'il aimait, et moi évoquant son amour,
Sa pensée allant sans cesse vers moi, il m'a écrit une lettre.
Ma pensée allant sans cesse vers lui je lui ai fait transmettre
[un message par les paysans mes voisins.

Sa réponse m'est parvenue.

Et ce sont des paroles d'or qu'elle m'a apportées.

Sa lettre m'a tiré de la langueur où je m'enlissais,

Et m'a animée d'une force nouvelle...

Hélas, ce bienfaisant éveil n'a duré qu'un instant,

Et je suis retombée dans les rêveries profondes.

J'assiste, en rêve, à son retour au village natal,

Et les deux époux mélangent leurs larmes,

En se racontant leurs infortunes.

Mais soudain la cinquième veille retentit au gong du poste
[voisin, et je me dresse en sursaut.

Et je me retrouve seule, seule lamentablement...

A droite, à gauche, le cherche mon regard anxieux...

Hélas, il est bien parti... plus rien que nattes et couvertures
[vides....

O ami, comment peux-tu, sans scrupules, m'abandonner ainsi ?

Ne comprends-tu pas que je reste seule, et que ma jeunesse
[sera flétrie,

Se pourrait-il que déjà, le dieu de la Lune t'ait convié,

À savourer, dans la tasse d'or, l'élixir divin qu'une autre te
[versera ?

À la pensée de mon destin funeste, je ne puis contenir mes
[larmes,

Dans l'océan immense aux flots trompeurs,

Mệnh-mông nước chảy đôi dòng,
Tiêu-chu này biết thả trôi đường nào ?

Thế mới biết má đào lỡ phận,
Trách giăng già lãn-cần xe to !

Kẻ sao xum-hợp một nhà,

Kẻ sao muôn dặm đường xa thiệt-thời !

Xui Ngu, Chức đôi nơi trắc-trở,
Biết dở-dang chồng vợ làm gì !

Thà rằng chưa biết chi chi,
Chấn đơn gối chiếc cũng thì ấm-êm.

Song thế vị đã quen chua-chát,

Lửa thân-tình thường đốt tâm-can.

Ngán thay ! kẻ bắc người nam,

Lẻ-loi số-phận ai làm cho nên ? !

Muôn vạch gời kêu lên một tiếng,

Thưa giăng già làm truyện bất-nhân,
Xe tơ sợi chẳng được sẵn,

Làm cho kẻ Bắc người nam nhỡ-nhàng.

Phận liễu-bồ dám màng cay-dắng,

Tủi song-đường mưa nắng không chùng.

Mà mình duyên-phận dở-dang,

L'eau s'écoule en courants divers et opposés,
O frêle esquif abandonné et dont on ne sait ni d'où il vient,
[ni où il va, ni même quel vent le pousse,
Tu es l'image de la vie d'une pauvre enfant aux joues roses.
Combien il est maladroit, notre vieux génie de la Lune ! Il
[emmêle au hasard le fil rouge de nos destinées ;
Aux uns, il donne le bonheur paisible, à deux, sous le même
[toit,
Aux autres, il impose la séparation cruelle par des milliers
de lieues.
Celle de Ngu-Lang et Chức-Nữ en est un exemple fameux.
Oh, si j'avais pu pressentir un tel destin, combien j'aurais
[préféré renoncer à jamais au mariage !
Vivre dans la chasteté,
Garder l'oreiller unique et la simple couverture ... N'est-ce
[donc pas vraiment le meilleur destin ?
Hélas ! ... Comment puis-je tenir ce langage insensé ? N'ai-
[je pas appris, déjà, à aimer ces tourments,
À chérir ce feu ardent de l'amour dont mon cœur et le plus
[intime de mon être furent consumés?...
N'est-ce pas affreux d'être ainsi séparés, aux extrémités de
[l'univers,
Par notre amère destinée... Oh, qui me dira pourquoi elle
[nous fut réservée?...
Oh ciel implacable, que ne puis-je t'entr'ouvrir des soupirs
[que je pousse vers toi.
Et te bannir, vieille lune inhumaine qui donna ce capricieux
[destin au fil rouge
Qui devait nous unir pour toute notre vie...
Que suis-je cependant, sinon un faible pécher fleuri .. je saurais
[accepter mon destin,
Si je n'avais à souffrir aussi à la pensée de mes vieux parents
[exposés aux caprices du soleil et de la tempête,
Abandonnée moi-même du dieu des époux,

Tác công chữa báo nghĩ càng hồ thay!

Bực toan muốn rút giây trần-tục,

Cửa từ-bi quyết dõc gửi thân ;

Song còn cảm nghĩa lương-nhân.

Đợi tin hãy tạm nghe dần về sau.

Sông Ngân lại bắc cầu Ô-thước,

Bõ công này châu-chực bấy-lâu.

May ra báo được ân sâu.

Chữ trinh chữ hiếu làm dầu gương soi

Mượn bút hoa mĩy nhờ ghi-chép,

Đem cảnh-tình giải hết dầu đuôi.

Giờ hay hãy phó mặc giờ,

Thử xem xoay-chuyển ra thời làm sao?



Je ne puis, à ma honte, rien faire pour soulager leur infortune
[et leur témoigner ma piété filiale.

Je voudrais parfois dire adieu à ce monde de douleurs et de
[vanités,

Et me réfugier, corps et âme, dans l'asile du Bouddha ;

Mais l'amour veille encore au fond de mon cœur,

Et je veux vivre encore dans l'espérance du retour,

Dans l'attente du jour où le « Pont du Corbeau » sera jeté
[enfin sur le « Fleuve d'Argent »

Et la joie de ce moment effacera aussitôt toutes les douleurs
[de l'attente cruelle.

Et peut-être pourrai-je, alors, remplir mieux aussi mes devoirs
[de piété filiale avec l'aide de mon mari.

Car piété filiale et piété conjugale sont les devoirs essentiels
[de la jeune femme.

De mon pinceau orné de fleurs gravées j'ai voulu tracer ce
[poème,

Qui dira, sans réticences, toute ma triste situation.

Bonne ou mauvaise, quelle qu'elle soit, elle fut fixée par le
[Maître de toutes les destinées.

C'est auprès de lui qu'il faut intercéder — C'est lui qui
[décidera. . . .



CHÍNH-SÁCH THUỘC-ĐỊA CỦA ĐẠI-PHÁP Ở ĐÔNG-PHÁP

Của quan Nguyên-Toàn-Quyền Đông-Pháp,

A. KLOBUKOWSKI đại-nhân soạn

(Trích báo « *La Revue Bleue* »)

Ngày 17 janvier, hồi 16 giờ rưỡi quan thuộc-địa thượng-thư có thông-tin một bức vô-tuyến-điện cho quan toàn-quyền Đông-pháp. Sau có nửa giờ đồng-hồ thì chúng tôi đã tiếp được tin trả lời của quan Toàn-Quyền Martial Merlin.

Bấy giờ chúng tôi họp nhau có nhiều người trước kia đã ở xứ Đông-Pháp thì đều bất-cảm cái công-lao mới-mẻ lạ-lùng thiên-niên bất-dịch của Đại-pháp đã hi-sinh để mở-mang xứ Viễn-dông; bấy giờ lại nghĩ đến sự phản-kháng của nhiều người xưa kia không muốn cho chánh-phủ dân-quyền hồi thứ ba thi-hành chính-sách mở-mang thuộc-địa.

Sự phản-kháng ấy không phải là không có lý. Vì khi đó là lúc mới qua khỏi việc chiến-tranh năm 1870 khiến ta phải thiệt-thời đất cát, quân-bách lý-tài Cô-nhiên là bấy giờ nước Pháp phải thu-thập cả tài sức lại mà hồi-phục lấy thế-lực cấp-thiết, chớ có đâu lại đem ra cõng ngoài tiêu-tán làm những việc bất-chắc viển-vông.

Tuy vậy mà bấy giờ có nhiều người đi ra ngoài cõng, qua các bể rộng, sang Phi-châu, tới Viễn-dông. Bấy giờ hình như là mỗi người đều muốn ra sức riêng mà tìm cách gỡ lại sự thua thiệt chẳng may vừa rồi, không muốn ngồi khoanh tay nhìn cảnh thất-bại mẫu-quốc, và muốn ra tay khai-khẩn những việc quan-trọng mới khác, làm cho lá cờ ba sắc nước mình chẳng may bị mù-ám một khi sẽ lại được tỏ-rạng quang-minh. Ấy là những người đi thám-khẩn, hoặc là võ quan hay là văn-chức, và những nhà công-thương. Bấy giờ những kê-sách thì nhỏ-mọn lắm, và thế-lực thì thật là eo-hẹp khó-khăn. Nhưng mà được cái người ta có lòng can-đảm quả-quyết, nghị-lực lương-tâm, kiên-trì bền lòng cho tới thắng công. Phải đánh nhau với những dân-tộc phản-kháng, với

LA MÉTHODE FRANÇAISE EN INDOCHINE

Par A. KLOBUKOWSKI, ancien Gouverneur Général
de l'Indochine

(Extrait de « *La Revue Bleue* »)

Le 17 janvier, à 16 h. 1/2 M. le Ministre des Colonies envoya, par voie radiotélégraphique, un message au Gouverneur Général de l'Indochine. Trente-trois minutes après, nous parvenait d'Hanoi la réponse de M. Martial Merlin.

Nous étions là un certain nombre d'anciens de l'Indochine qui avons salué avec émotion cette nouvelle et définitive consécration du labeur français en Extrême-Orient; on se reportait à l'époque où la politique coloniale de la III^e République se heurtait à une si vive opposition.

Les raisons ne manquaient pas qui l'expliquaient. La guerre de 1870 avait passé, diminuant notre territoire et obérant nos finances. La France était naturellement portée à reconstituer, à concentrer ses forces plutôt qu'à les risquer dans l'engrenage d'entreprises qui lui apparaissaient comme autant d'aventures incertaines et coûteuses.

Mais les hommes étaient partis, pour d'autres continents, au-delà des mers, en Afrique, en Extrême-Orient. Il semblait qu'ils voulussent prendre individuellement une revanche sur la mauvaise fortune, ne pas rester sur l'échec qui avait accablé la patrie et faire rayonner au loin, dans un renouveau du travail et de la gloire, l'éclat des trois couleurs, un instant assombri. C'étaient des explorateurs, militaires ou civils, des commerçants, des industriels; leurs moyens étaient modiques, leurs appuis précaires. Par contre ils avaient l'audace, la vigueur morale et, dans le succès, une foi inébranlable. Ils eurent raison — après quelles luttes! — des obstacles que leur suscitaient des climats inclements et des humanités hostiles. Ils y eurent cela cinquante ans à peine. Et aujourd'hui le drapeau français

những thủy-khí bất-hợp vất-vả ít lâu, rồi sau những người khản địa kia được lý toàn-thắng. Hành-dộng như thế mới được độ năm mươi năm nay mà bây giờ nước Pháp có những thuộc-địa mệnh-mang khắp cả thế-giới, nào là xứ Algérie, là nguyên-gốc khởi-diểm thuộc-địa, nào là những xứ Tunisie, Maroc, Madagascar, Đông-Phi, Tây-Phi và xứ Đông-pháp.

Nhưng tất cả các thuộc-địa của ta, Đông-pháp là xứ xưa kia ít người biết đến và nhiều người ghét bỏ thậm-tệ: nói đến hai chữ Đông-pháp thì ai cũng kêu rằng: Gớm! đó là một xứ độc-địa nguy-hiểm! không có sản-vật gì khai-thác, đến đó thì chỉ tốn-kém mất công mất của thôi thì đến làm gì? Cuối năm 1885, may nhờ có ông Paul Bert hết sức giảng-giải ở Phòng nghị-viên, được ba lần đại-sò hội-đồng chuẩn-ưng thì mới không để cho thoát-bỏ xứ Bắc-kỳ.

Song bấy giờ có nhiều nhà tiên-phong, đây chỉ kể những người đầu chức to về việc đi thám-khẩn xứ Đông-Pháp lần thứ nhất, như là ông Doudart de Lagrée, ông Francis Garnier sau vì lao khổ từ-vong, thì trước đã qua khắp mọi nơi và tìm thấy các xứ đó; sau lại có nhiều nhà chánh-trị, binh-gia, kỹ-sư nối trí công-nghiệp, rồi mang về trình bày cho Mẫu-quốc xem thấy nhiều sự kết-quả hay về việc thăm-sát, khá làm phấn-trí nức lòng. Nhưng mà phần nhiều công-chúng vẫn là phản-cự không biết xứ Nam-Kỳ, thuộc-địa của ta từ sáu mươi năm nay, là một cõi phù-chủ cấy lúa tốt lạ-lùng, rõ là một cái kho thóc lớn của Viễn-đông, và lại sẵn có sông ngòi rộng-rãi làm đường vận-tải đi từ phía nhẹ-nhàng.

Cao-Miên là xứ bảo-hộ của Pháp ta từ năm 1863, thế mà vẫn ít người biết; đây có bao nhiêu là cảnh, vật thú-vui, nào là sông rộng hồ lớn đông-đúc chài-lưới, nào là đất cát mênh-mông, chỗ nọ thời ruộng bông, chỗ kia đồng cỏ bát-ngát, lại còn những rừng xanh cây-cối rai-rắc khắp nơi, những đền-đài cổ-tích xây đắp nguy-nga từ nghìn năm về trước.

Trung-kỳ thời lại phải những mây mù bờ bề khuất-ám hơn nữa. Vậy xưa kia ai biết xứ ấy có những đình chùa trạm-chó xinh đẹp, những lăng-miếu đền-vương sầm-uất nguy-nga, những rừng sâu gỗ quý ở gần giáp bờ bề, có những sông, lạch ra vào rất tiện, lắm thú cầm thú lạ-lùng thường quanh những bờ

flotte sur un empire englobant, avec l'Algérie, base et point de départ, la Tunisie, le Maroc, Madagascar, l'Afrique-Orientale et Occidentale et l'Indochine!

De toutes nos possessions celle-ci fut longtemps la plus impopulaire et la plus violemment décriée: l'Indochine! C'est au diable Vauvert, un pays malsain, sans avenir économique, que va-t-on y faire, sinon y gaspiller des ressources précieuses? Et à la fin de 1885 c'est à grand'peine que l'intervention de Paul Bert, à la tribune de la Chambre des députés obtenait, à trois voix de majorité, que le Tonkin ne fût pas évacué.

Cependant de vaillants pionniers, Doudart de Lagrée, Francis Garnier, pour ne citer que les chefs de la première exploration scientifique en Indochine, qui moururent à la peine, avaient parcouru et révélé ces contrées; de nombreux Français administrateurs, officiers, ingénieurs s'y étaient succédé, rapportant dans la Métropole les résultats encourageants de leurs observations et de leurs recherches. Le grand public persistait à ignorer la Cochinchine, terre française depuis soixante ans, aux plaines immenses, extraordinairement fertile en riz, véritable grenier d'abondance de l'Extrême Asie, sillonnée de larges fleuves « ces routes qui marchent ».

Le Cambodge était quasiment inconnu, bien qu'il fût sous le protectorat français depuis 1863; contrée pleine d'attraits avec la pêche abondante de ses fleuves et de ses lacs, sa culture cotonnière, ses pâturages illimités, ses forêts que parsèment des monuments grandioses et millénaires.

L'Annam, plus encore, se perdait dans la brume de son littoral bordé de salines. Qui donc s'intéressait à ses pagodes au style tourmenté et pittoresque, à ses nécropoles impériales d'un caractère imposant et si doucement mélancolique, à ses forêts profondes aux essences précieuses, peu éloignées de la

suối người ta trông thấy ở trong một đường vệt đi không biết bao nhiêu là vết chân loài vật, hình như là từ ngày khai thiên lập địa đã có hết cả giống vật đến tụ-hợp ở đó vậy.

Còn Bắc-Kỳ là xứ giáp-giới một nước lớn nhất hoàn-cầu, hẳn là một ngày kia sẽ nhờ thế giáp-giới đó mà dễ mở-mang đường kinh-tế, vả lại xứ ấy có một miền trung-châu phẳng-lặng, cây cối tốt-tươi, trông như thể là một cái vườn đẹp ở bên Pháp, với những sản-vật khoáng-chất dư-dật cùng là thắng-cảnh lạ-lùng, như vịnh Hạ-long kia, tưởng là một cảnh bồng-lai xinh-đẹp nhất thế-giới, ấy thế mà xưa kia nhiều người chỉ cho xứ ấy là một nơi « tồ giặc cướp » mà thôi.

Xứ Ai-Lao có những rừng thưa, có nhiều gỗ diên-man là một thứ gỗ quý, nào là những ghềnh thác uốn-oanh, cảnh-tượng kịch-liệt, thế nước chảy sức mạnh to vô-chừng dùng chạy được những máy lớn-lao, còn những bản-dân thì tính nết hiền-lành, ăn mặc lạ-lùng trông ra ngoạn-vẻ, vậy xứ ấy có đáng nói đến không? Nhưng xưa thì hẳn cho đây là một nơi cùng hẻm không ai muốn nhìn đến.

Đông-Pháp là một cõi đất mông-mênh địa-diện rộng gấp rưỡi nước Pháp, có sông Cửu-long phát-nguyên từ Tây-tạng chảy qua Ai-Lao, Cao-Miên và Nam-Kỳ, kéo dài được 4.200 kilômétres và những địa-diện các chỗ trung-châu kể được một triệu kilômétres vuông; lại có sông Hồng-Hà phát-nguyên từ Vân-Nam đến nửa đường lại thêm có sông Thao, sông Gấm đổ vào làm cho rộng thêm ra, mà địa-diện vùng sông ấy thì lớn hơn là vùng sông Seine và sông Loire; xứ Đông-pháp lại là cõi đất giáp bề Thái-Binh-Dương, bờ bề chạy dài một giải 2.500 kilômétres, như vậy quả là một cõi tốt đẹp lạ-lùng, thế mà trước kia bao nhiêu lâu chỉ có một số cực ít người chú-ý đến thôi! Song dù trong bước sơ-dầu lắm người lãnh-dam như thế, nhưng cái công-nghiệp do thám khai-khẩn xứ ấy đã tiến-bộ, và nay đã hoàn-thành, mà đối với dân bản-xứ thì không hay lấy oai-quyền sức-mạnh áp-chê, nhưng mà thường là nhờ cái thế-lực, cái tư-cách đạo-đức luân-lý giáo-dục quy-thuận.

Cái công-nghiệp vẻ-vang của Chánh-phủ Pháp thì không

mer, en communication avec elle par des rivières faciles; peuplées d'une faune admirable et variée qui, sur la même piste, aux alentours des sources, laisse un tel fouillis d'empreintes qu'on dirait un rendez-vous de tous les animaux de la création ?

Quand au Tonkin, à proximité du plus vaste Empire du monde dont le voisinage devait nécessairement, un jour ou l'autre, favoriser son développement économique, avec son delta cultivé comme un jardin de France et ses grandes richesses minières, avec sa baie d'Along, unique peut-être parmi les curiosités de l'univers et qui évoque quelque paysage de mystères et de rêve, était-ce, pour beaucoup, autre chose qu'un « sale nid de pirates ».

Le Laos et ses forêts-clairières, ses bois de teck, ses rapides aux sinuosités tragiques, au courant de foudre recelant des forces motrices prodigieuses, sa population aimable et plaisante sous ses accoutrements multicolores, valait-il d'être mentionné ? C'était évidemment quelque coin perdu, morose et négligeable.

L'Indochine enfin, qui a une superficie une fois et demie plus grande que celle de la France; le Mékong, issu du massif tibétain, qui arrose le Laos, le Cambodge et la Cochinchine, d'une longueur totale de 4.200 kilômétres et dont le bassin représente un million de kilômétres carrés; le Fleuve-Rouge, provenant du Yunnan qui traverse le Tonkin, grossi par la rivière Noire et la rivière Claire et constitue un bassin supérieur à ceux de la Seine et de la Loire, l'Indochine dont l'Océan Pacifique baigne les côtes sur une étendue de 2.500 kilômétres, tout cela, tout ce merveilleux ensemble pendant longtemps ne retint l'attention que d'une infime minorité ! Pourtant au milieu de cette indifférence qui entourait ses débuts, l'œuvre de pénétration a marché et la voici accomplie, ayant pris un point d'appui, vis-à-vis des indigènes, moins sur la force que dans l'accendant d'une supériorité morale bienveillante et constamment éducatrice.

Le mérite du gouvernement français est, non pas seulement

những rằng vì đã lập nên cái chánh-sách hay ấy, rất thích-hợp với những tâm-ý cao-thượng của nước ta, mà lại vì rằng xưa nay vẫn giữ được vẹn nguyên cái chính-sách ấy dù rằng đã có nhiều lần xảy ra những việc phản-đối rối-loạn. Như là sau những việc mưu-phản năm 1883, mất quan đại-tá Henri Rivière, năm 1884 ở Lạng-Sơn, và trong những ngày phải đánh giặc Bắc-kỳ vất-vả, nước Pháp vẫn không đổi cách chánh-trị đối với bản-dân thuộc-địa, dầu thấy có mấy việc phản-kháng ngăn lòng tin cần, nhưng Chánh-phủ Pháp vẫn không nghi tình dân-chúng.

Trong năm 1886 một nhà sứ-thần đại-biểu nước Pháp mà người Annam rất tôn-trọng thường để hình ảnh thờ kính, là ông Paul Bert, người đã tỏ lòng quảng-đại ra tâm khai-hóa cho dân; khi ấy dân Annam còn đang đợi chờ nghe ngóng thì người giảng-thuyết êm-ái mà bảo dân trình bày giải tỏ cho người xem hết cả những điều gì mà ý dân muốn cầu-thỉnh kêu ca. Như vậy không có sự gì là sự thốt-nhiên và có hiệu-lực hơn nữa. Một điều hành-động khởi tiên đó, ông Paul Bert đã làm cảm-động lòng người Annam là dân-tộc văn nho, ở trong giai-cấp xã-hội thì hay nhường ngôi trên cho những bậc thông-thái khôn ngoan, chớ không hay dành cho những kẻ bạo cường áp-chế. Trước kia một lời nói cường-bạo đã làm cho chúng bỏ ta nay một nhời nói trịnh-nghĩa-lý thì làm cho chúng lại vui lòng hòa-thuận với ta.

Trong những xứ có văn-minh cũ như xứ Đông-pháp thì các công-nghiệp của nhà nước khai-hóa có nhiều điều phiền-phức tinh-nhiệm khó-khăn lắm. Thật thế, dân-trí còn kém thì nhà nước chưa có thể dạy cho thâm-hiểu ngay được những sự cao-viên thâm-thúy; lại còn có nhiều nhà hiếu-cổ muốn bảo thủ quốc-túy, hay nghị-luận chệ bai thì cũng khó xử. Đối với những bậc ấy thì nhà nước không thể chỉ dùng một chính-sách ra tay tế-độ mà được, nhà nước đã phải chịu khó học biết ở người ta mọi điều kiện-thức rồi mới tìm cách phá được những điều nghi-kỵ của người ta, và phải dùng một cách khôn khéo lắm mới giáo-hóa dần dần mà nâng lên cho tới cái trình-độ học-thức cao của ta.

Đó là một điều danh-dự của các nhà đại-biểu nước ta đã khéo

d'avoir établi une telle règle, si conforme à nos aspirations nationales, que de l'avoir maintenue en dépit des péripéties qui, parfois, troublèrent le territoire indochinois. Ni après le guet-apens où, en 1883, succomba le commandant Henri Rivière, ni en 1884, après la fatale méprise de Langson, ni pendant les opérations que nécessita l'assainissement du Tonkin, la République ne modifia sa ligne de conduite envers des populations que ne rendaient pas suspectes à ses yeux les excitations de quelques meneurs et auxquelles elle entendit faire obstinément confiance.

En 1886 le premier geste de l'envoyé de la France, de celui dont les Annamites ont placé l'effigie sur l'autel des ancêtres, fut un geste de clémence émancipatrice; il demanda à ces hommes qui attendaient anxieusement sa parole, de se concerter et de lui présenter leurs *cahiers* de doléances et de revendications. Rien n'était plus inattendu. Rien ne fut plus efficace. Paul Bert avait, du premier coup, touché l'âme de ce peuple de lettrés qui, dans la hiérarchie sociale, assignaient la première place, non au plus fort, mais au plus instruit, au plus sage. Un langage comminatoire les eût éloignés de nous, cet appel à leur raison nous les concilia.

Dans les contrées de vieille civilisation — c'était le cas de l'Indochine — la mission de la République était particulièrement complexe et délicate. En effet elle n'avait pas à faire à des êtres intellectuellement débiles, encore trop près de la nature pour saisir des considérations abstraites; elle était en face de traditionalistes qui observent et raisonnent. A ceux-là elle ne devait pas seulement tendre une main secourable, elle leur devait ses leçons et ses enseignements pour combattre leurs préventions et, par un prudent travail de ré-éducation, les élever progressivement à son niveau.

Ce fut l'honneur de ses représentants d'avoir interprété ses

biểu-lộ được những tinh-thần của ta một cách rõ minh-bạch và lại sai-nghi. Những nhà đại-biểu ta không những rằng đã giúp yên được xứ Viễn-Đông là một cõi xưa kia chỉ hay rối-loạn, mà nay khiến cho được hòa-bình, làm cho mở-mang được bao nhiêu công-việc ích-lợi cho canh-nông, công-nghệ, khiến cho phát-đạt về đường tiền của ; không những thế mà thôi, những nhà đại-biểu ấy lại còn biết nghĩ đến cái trách-nhiệm giáo-dục, muốn hợp-quần cả các dân-tộc đưa lại gần ta, mà tìm cách mở-mang cho đảng trí-thức tinh-thần mỗi ngày tiến-bộ mãi lên, mà muốn mở-mang cho thì không có dùng cách ép-uông, tổ sinh ra những việc bất phục bất tòng, nhưng mà lấy cách nghĩa-vụ quảng-dại của nước văn-minh phải đi giáo-hóa giúp-đỡ nhân-loại.

Bởi vậy những người bản-xứ Đông-Pháp đã thấu hiểu rằng nước Pháp chỉ tồn-lập có cái công-lý và cái quyền-lợi làm chúa-thượng và nước Pháp vẫn chưa từng lo đến cái điều chủ-lợi. Bởi thế sự khuynh-hướng cốt về đường luân-lý đạo đức chứ không thiết về những sự lợi-dụng tiền-tài, cho nên nước Pháp không thu-nhập được những tài-lợi nhơn-tiền mà nếu dùng chính-sách trục-lợi thì đã thu-nhập được nhiều rồi. Tuy không được lợi tiền-tài, nhưng đã làm tiêu-tán được hết cả những điều ngờ-vực lo-sợ và đã truyền-thụ vào óc não cho dân được cái tư-tưởng đoàn-thể với người Pháp mà biết nghĩa hợp sức nhân-loại.

Bởi thấy cái cách chính-trị mềm-mại khôn-ngoaan thiết-thực ấy, cho nên một nhà nhật-trình người Anh có danh tiếng, tên là Lord Northcliffe, có kiến-văn sáng-suốt và tư-tưởng trung-bình, mà ta vẫn kính mến, một khi người ấy đã đi du-lich qua xứ Indes Britanniques, xứ Đông-Pháp và xứ Maroc, lúc giờ về đến Marseille người ấy có ca-tụng cái chính-sách của ta rằng : « Thừa các ngài, về cách cai-trị thuộc-địa thì chúng tôi phải kính-phục các ngài lắm » Đó là một nhời tôn-trọng quý-hoá. Trong nhời ấy đã có ý so-sánh phẩm-bình.

Đông-Pháp vừa là một nước nhất-thống lại là một nước biệt-phân : nhất-thống là hết cả toàn-xứ đều theo một cái cốt-trụ về đảng chính-trị và đảng kinh-tế ; biệt-phân là mỗi xứ có những cách riêng để cai-trị cho thích hợp. Đó là cái chính-sách của người bạn đảng thương-tiết của ta, Eugène

sentiments avec précision et autorité. Ils ne se bornèrent pas, dans cette partie de l'Extrême-Orient si longtemps en proie à l'anarchie, à établir définitivement l'ordre et la sécurité, à exécuter de grands travaux utiles à l'agriculture, à l'industrie et à l'amélioration d'intérêts matériels ; pénétrés de leur rôle d'éducateurs, ils voulurent aussi associer les peuples dont ils avaient charge à la marche du progrès intellectuel, les rapprochant de nous, non par la contrainte qui n'engendre que mécontentements et rancunes, mais par l'accomplissement envers eux de nos devoirs de nation évoluée.

Ainsi les Indochinois furent amenés à se rendre compte que la France ne proclame qu'une souveraineté, celle du droit et de la justice et que le souci du lucre ne l'a jamais hantée. C'est pourquoi son orientation, répondant plus à des besoins moraux qu'à des préoccupations utilitaires, ne lui a pas valu les profits immédiats qu'une politique mercantile lui eût procurés. Mais elle y a gagné de dissiper des défiances et des inquiétudes, de répandre en des cerveaux instinctivement enclins à l'appréhension, des germes de collaboration et de les conduire aux premières notions de la solidarité humaine.

C'est à cette méthode souple, généreuse et réalisatrice qu'un éminent journaliste anglais, clairvoyant et impartial, lord Northcliffe, à qui nos sympathies resteront fidèles, rendait hommage à son retour d'un voyage aux Indes Britanniques, en Indochine et au Maroc : « Messieurs, disait-il en débarquant à Marseille, en matière coloniale nous vous devons un grand coup de chapeau. » Témoignage précieux. Il avait comparé et conclu.

L'Indochine une et divisible : une comme entité politique et économique, divisible quant aux moyens de gouvernement et d'administration propres à chacun des États qui la composent, ce fut le principe dont s'inspira en 1887 notre ami à jamais regretté Eugène Étienne, créateur de l'Union Indochinoise. De cette

Etienne, đã lập ra cái chủ-nghĩa hợp-nhất Đông-Pháp trong năm 1887. Vì sau theo mở-mang cái chủ-dịch ấy cho nên ta mới có nghị-lực hành-động tại xứ Đông-Pháp. Cái nguyên-lý của chính-sách ấy là do ở một cái cội rễ tâm-lý : cái chính-thể chúng-quốc hợp-đồng đã xướng-lập nên thì là một chính-sách bảo-thủ lấy các quyền-lợi công-đồng cho toàn cả xứ, nhưng lại giữ-gìn không cho sung-đốt đến những phong-hóa riêng của từng xứ, mở-mang học-thức cho đủ các bậc, lập ra những trường ấu-học và công-nghệ cho sung-mãn, và trong khi mở-mang học-thức thì khai tâm mở trí cho dân bản-xứ hiểu biết cái nghĩa quyền-lợi và cái giá-trị của từng người ở trong xã-hội, do từ điều biết giữ-gìn gánh-vác trách-nhiệm

Việc tổ-chức ấy thực-hành cho thích-hợp trong các dòng lớn theo ý sở-cầu của quốc-dân mà giữ cho khỏi những cách bạo-động tiên-hóa. Còn đối với việc cai-trị riêng của từng xứ thì chỉ can-dự đến để kiểm-thúc những công việc tiến-hành tự quản-xuất lấy mà thôi; cái sức ảnh-hưởng đó thì chậm thật, nhưng thật có hiệu-lực chắc-chắn, mà có phát-siễn ra trong những cách hành-động ở gia-đình và xã-hội, và lại làm cho thấm-nhập, một cách êm-đềm vào não-tủy cả quốc-dân những tư-tưởng của ta, và luyện thành khí-chất thể-lực cho quốc-gia.

Trong những năm liên-tiếp về sau thì phải trù-tính trước những điều thay đổi : một vài việc có nghĩa-lý tuần-nhiên thích-hợp, như là những việc giúp đỡ Mậu-quốc sẻ-chia gánh nặng, còn những việc khác về vấn-đề tiền-tài thì có phần kém hoàn-hảo. Nhưng có một điều cốt trọng ta phải kể rõ ra đây là việc tổ-chức đó đã thành công-quả và công-quả ấy thật là to-tát nguy-nga.

Nào là trong xứ được yên-trị cho người an-cư lạc-nghiệp, sự buôn bán được thịnh-vượng mở-mang và được đủ quyền-hành phát-đạt ; những đường xá thông-hành mở rộng khắp nơi (nào là trạm-thờ, giấy-thếp, vận-tải đường bẻ, đường sông, đường bộ, xe lửa, đường đi) ; lại thiết-lập cả những đồ máy-móc cần-thiết để mở-mang các công-cuộc lớn-lao sinh thêm thịnh-vượng cho toàn cả xứ ; sự học-hành giáo-dục thì mở rộng ra khắp cả mọi nơi ; nào là lập ra các cục-y-tê khư-

conception procède dans son développement d'ensemble, notre action en Indochine. Son originalité était d'avoir une base psychologique : le système fédératif qu'elle a inauguré reposait sur une communauté d'intérêts généraux mais il s'appliquait également à ne pas heurter les mœurs et les coutumes, à assurer la diffusion de l'enseignement à tous les degrés avec prédominance pour l'instruction primaire et professionnelle, et à donner ainsi aux indigènes, en même temps que la définition de leurs droits, conscience de leur valeur individuelle et, partant, de leurs responsabilités.

Cette organisation s'adaptait bien dans ses grandes lignes à la mentalité de populations en garde contre des transformations soudaines. Elle n'intervenait dans l'administration des Pays de l'Union que pour en contrôler et en activer le fonctionnement autonome ; son influence, lente il est vrai mais efficace, se manifestait sur leur vie familiale et sociale : elle préparait, sans à-coups, la pénétration de la masse par nos idées ainsi que la cohésion des éléments constitutifs de la force nationale.

Dans les années qui suivirent, des modifications durent être envisagées : quelques unes logiques et opportunes, celles par exemple qui apportaient une aide à la Métropole en l'allégeant de ses dépenses de souveraineté ; d'autres d'ordre fiscal, beaucoup moins heureuses. Mais ce qui doit être mis en lumière ici, c'est le bien qui a été fait et il est considérable.

La sécurité assurée aux personnes dans leur vie et dans leurs biens ; le pays ouvert au commerce et la liberté accordée aux transactions ; l'accroissement des voies et moyens de communication (postes et télégraphes, transports maritimes, fluviaux et terrestres, chemins de fer, routes) ; création de l'outillage économique indispensable à l'éclosion de grandes entreprises augmentant la prospérité générale ; l'instruction libéralement distribuée ; la lutte contre les épidémies par l'assistance médicale et

trừ bệnh-tật, các nhà hộ-sinh bảo-dưỡng hài-nhi; lại còn mở rộng cả những phòng nghị-viện cho dân được biết phần trách-nhiệm đời với nhà nước...

Một chánh-phủ đã biết lo-liệu, tổ-chức, sửa-sang, hoàn-thành bấy nhiêu công-việc to-tát, thì cái thì-giờ đã dùng không phải là vô-ích. Từng-trải bao lúc vất-vả bao bước khó-khăn, nay đã tiến-tới nơi cao chót-vót, thì Chánh-phủ đó nay có quyền được nhia lại con đường đã đi qua ấy ra dáng hiển-hách. Nay hồi-tưởng đến những sự khó-khăn ngày xưa thì lại sinh thêm can-dảm, lần này không phải là lo kinh-chống với sự thất-vong, nhưng mà phấn-tri nức lòng để tiến-tới êm-dềm về những ngày hậu-lai.

Chúng tôi tư-tưởng như thế ngày 17 Janvier ở kinh-tê-phòng của xứ Đông-Pháp, trong khi đó thì lời nói cánh bay qua 1.000 dặm đường, chóng hơn là giấy nói từ Paris sang Lille hay là sang Marseille.

Cái lịch-sử ký-vãng khó-khăn kia nay ta hồi-tưởng đến là chỉ để chứng-thuyết rằng không có một cái ý-tưởng kẻ sách nào có thể phá-hoại được cái tri-dũng của người Pháp, và lại minh-chứng cho mọi người biết chắc rằng thuộc-địa của ta sẽ có tương-lai tốt-đẹp vô-giới-hạn vì xưa đã có nhiều triệu-chứng báo trước cho ta phải can-dự đến cõi Á-châu.

Lại nhờ thêm được địa-lợi tốt, xứ Đông-Pháp ở vào giữa khoảng các nơi thành-thị nhơn, nhờ có các bến bể tiện-lợi cho các tàu to có thể tới được tận giáp bờ, thì xứ Đông-Pháp dễ đường thông-thương với các xứ chung quanh như là Tiêm-La, Ấn-Độ, Ma-Lạc-Kha, Phi-Luật-Tân, Nhật-Bản, Trung-Hoa. Có nhiều ruộng đất cây-cấy, lắm đồ kỹ-nghệ tinh xảo, xuất-cảng được nhiều đồ ăn thức dụng và các thức nguyên-liệu cần-thiết (than, bông, cao-su, v. v.), như vậy Đông-pháp sẽ trở nên một tay vận-tải to lớn trong việc hành-động kinh-tế ở cõi Thái-bình-dương. Đối-diện với các thuộc-địa Úc-châu của ta thì Đông-pháp cũng ví như một nước Đại-pháp thứ hai nếu có chính-trị khôn-ngoan rộng-rãi và khéo giúp-đỡ những việc mở-mang các công-cuộc to lớn.

Nhưng hiện nay Đông-pháp cũng như các xứ khác, đang phải đau một bệnh khó chịu, mà căn-nguyên — ở đó cũng như

la protection de l'enfance par l'institution de maternités et d'un corps de sages-femmes, l'extension des attributions des assemblées consultatives. . .

Une administration qui a conçu, organisé et mené à bonne fin de telles améliorations a bien employé son temps. Des sommets qu'elle eut tant de mal à atteindre, elle peut avec un légitime orgueil contempler le chemin parcouru ; des difficultés surmontées il lui vient un courage nouveau, non plus cette fois pour réagir contre un destin acharné à sa perte, mais pour affermir sa marche alerte et continue dans la sécurité des lendemains.

Nous pensions à cela le 17 janvier dans les salons de l'agence économique de l'Indochine tandis que la parole ailée franchissait des espaces de 4.000 lieues en moins de temps qu'il n'en faut pour téléphoner de Paris à Lille ou à Marseille.

Le passé pénible ne revivait en nous que pour attester qu'il n'est pas de conception ni de projet dont la hardiesse puisse déconcerter le génie français, et, dans le même instant, s'affirmait aux yeux de tous la certitude de « l'avenir sans limites » pressenti, pour notre colonie, par les précurseurs de notre intervention en Asie.

Par sa position géographique exceptionnelle au centre des plus riches marchés du monde, grâce à ses ports accessibles aux navires du plus fort tonnage, l'Indochine communique facilement avec le Siam, les Indes Néerlandaises, la presqu'île de Malacca, les Philippines, la Chine et le Japon. Région agricole industrielle, exportatrice de denrées alimentaires et de matières premières recherchées (charbon, coton, caoutchouc, etc), elle devient un facteur de plus en plus important dans le mouvement économique du Pacifique ; elle est, au regard de nos possessions océaniques, une seconde France dont le rayonnement ne peut que s'étendre du moment qu'une administration prudente et libérale en secondera judicieusement les entreprises.

Il ne faut pas se dissimuler qu'actuellement l'Indochine souffre du malaise qui pèse sur tous les pays et dont la cause

ở đây — là do ở sự chiến-thắng không được những lợi sung-mãn. Vì cái bệnh đó mà Đông-Pháp phải chịu — như các nhà tỵ-thuê ở bên Pháp — đeo thêm những gánh nặng về việc giúp-đỡ chi-tiêu cho mẫu-quốc, và lại thêm những phí-lỗn nhiều về lương-bổng của một số quau-chức quá đông, cho nên những gánh nặng ấy làm cho số chi-tiêu hao-hụt mất nhiều. Nhưng mà — cốt nhất là — nhờ được việc quốc-trái vẫn thủ-thường và những công việc to lớn khai sông làm ruộng, xây đường xe lửa để thông-hành suốt cõi, nối tiếp với các đường thủy, và sau nữa phá được những sự hiểm-trở vây bọc Ai-lao và sức-động việc khai-mở trung-châu Bắc-kỳ cho chóng phát-đạt.

Song tuy rằng nay những việc ấy được an-ôn cả, nhưng cần phải lo-tính việc tiết-kiệm chi-tiêu trong các tòa-sở như ở bên Pháp vậy...

Vậy nay cái chức-vụ của quan Toàn-quyền Merlin thật là tinh nhiệm khó-khẩn lắm. Nhưng mà người có thể đảm-đang hoàn-toàn được, vì người là bậc đã tăng-trải nhiều và lại có tính kiên-trí lắm. Tôi đã được xem bài diễn-thuyết của ngài đọc trong lúc khai-nghị thường-kỳ hội-đồng Chánh-phủ Đông-pháp; văn-từ dẫn-dị, nhưng lời-lẽ minh-bạch, người không kể hết cả những điều người biết, nhưng người nói đủ những điều cần-thiết. Nghe biết rằng người nói điều nào thì là việc người đã chứng-kiến, quan-sát, và suy-nghĩ một cách kỹ-lưỡng khôn-ngoan, đó là cái đức-tính của người mà bọn dưới quyền người xưa đều biết cả thế — bọn dưới quyền ấy là một số to lắm, vì có xứ thuộc-địa nào mà người chưa cai-trị! — và những bạn hữu với người cũng đều biết thế, như ký-giả đây chẳng phải là người mới quen biết vậy. (1)

(1) Độc-giả xem quá xuống dưới này sẽ biết rằng quan Toàn-Quyền Merlin đối với bản-hội quả đã chi-tiêu tận tiền một cách sừng đáng ghê thật, là vì ngài đã viết thư hứa giúp-có để ngài hứa làm đấy? — nên rồi sau ngài lại không trợ-cấp một ly gì cho bản-hội sắp đến ngày phải đóng cửa. Đọc xong bài văn trên kia rồi thấy soạn-giả đồng-ý với bạn thân là quan Toàn-Quyền ta mà coi những công-cuộc mở-mang luân lý như bản-hội đây là một sự xa-phí vô-ích thì ai mà không ngạc-nhiên được!

première — là-bas comme ici — est l'insuffisante réalisation de la victoire. De ce chef, elle supporte courageusement — de même que les contribuables en France — un surcroît de charges qui constituent son apport aux dépenses de la métropole et qui, ajoutées aux frais excessifs résultant de l'entretien d'un personnel administratif surabondant, diminuent singulièrement l'élasticité de son budget. Mais — et c'est l'essentiel — le service de ses emprunts reste assuré, ainsi que la continuation des travaux d'hydraulique agricole et l'achèvement progressif du réseau ferré, complément des voies navigables, débloquent enfin le Laos et accélérant l'exploitation minière du Haut-Delta Tonkinois.

Cependant, si rassurantes que soient ces constatations, un régime de rigoureuses économies s'impose, comme en France dans tous les services. . .

La tâche de M. Merlin est donc délicate et reste difficile. Il saura la remplir, car c'est un homme expérimenté et ferme, J'ai sous les yeux son discours d'ouverture de la session ordinaire du Conseil du Gouvernement de l'Indochine ; dans un langage sobre et précis il dit bien, sinon tout ce qu'il sait, au moins tout ce qu'il croit devoir dire. On sent qu'il parle après avoir vu, enquêté, avec le bon sens que lui connaissent ses anciens administrés — ils sont légion, car quelles colonies n'a-t-il pas gouvernées! — et ses amis dont le signataire de ces lignes n'est pas le dernier en date. (1)

(1) — On verra plus loin que M. Merlin a fort bien su, en effet, en ce qui nous concerne, réaliser de judicieuses économies, puisque, malgré des promesses écrites — résultant évidemment de quelque erreur — il a refusé toute subvention à notre œuvre qui se trouve ainsi à la veille d'expirer. Nous serions surpris, après ce que nous venons de lire, que l'auteur de cet article estime, comme son excellent ami, qu'une œuvre de développement moral telle que la nôtre est, en ce pays, un luxe superflu.

CON QUẠ CÓ NGHĨA (1)

Truyện tâu trích-lược ở bộ « *Kỳ-phán công-án* »

Là bộ sách chép các thứ án đã phán-đoán rất công-minh của các nhà luật-sĩ Trung-hoa lưu lại.

TRẦN-TRỌNG-TIÊM dịch Việt-văn

TRƯƠNG-QUỐC-HIÊN dịch Pháp-văn

Khi xưa, ở phủ Thanh-Châu, tỉnh Sơn-dông, có một người lái buôn tên là Trương-An là người có đức tốt, tính khăng-khái, hay trọng nghĩa khinh tài, hề gặp việc gì đáng giúp đỡ ai mà có thể giúp được thì làm ngay không còn biết tiếc chút nào.

Có một hôm anh ta đem đi theo hơn trăm lạng bạc để sang Bắc-kinh mua hàng, đi đường độ nửa tháng thì gặp người cho thuê ngựa tên là Lý-Lập.

Lý-Lập mời Trương-An thuê ngựa ngồi cho đỡ mệt thì Trương-An đáp: « Tôi cũng muốn dùng ngựa lắm, song ngặt vì cái bao đồ hành-lý tôi đem theo đây nó vướng-viu khó đi chẳng! » — Được, ngài cứ cưỡi ngựa còn bao hành-lý xin cứ giao cho tôi, để tôi xin mang.

Trương-An nghe lời liền giao bao đồ cho Lý-Lập rồi cứ lên ngựa cho chạy trước, đi được vài dặm gặp một đứa con trai tay mang một con quạ mà tiếng kêu nghe ra bi-thảm lắm. Trương-An hỏi đứa bé rằng:

— « Mà có thể bán con quạ này cho tao được không? »

(1) Truyện này chắc thuộc về đời Tống, cuối đệ-thập thế-kỷ sau khi thiên-chúa giáng-sinh.

LE CORBEAU RECONNAISSANT ⁽¹⁾

Récit chinois extrait du « *Ky-Phan-Công-an* ».

Recueil d'avis et ordonnances célèbres authentiques de la Chine

Traduit en Annamite par TRAN-TRONG-TIEM

et en Français par TRUONG-QUOC-HIEN

Il y avait jadis, au Chantoung, dans la préfecture de Thanh-Châu, un brave homme de commerçant nommé Truong-Ân: obligeant, dévoué et, comme on dit, le cœur sur la main, il plaçait l'amour du bien fort au-dessus de la recherche de son propre intérêt et était toujours tout prêt à se sacrifier pour rendre service à son prochain.

Un beau jour, ayant résolu d'aller acheter à Pékin diverses marchandises, il se mit en route pour la capitale lointaine, emportant plus de cent onces (2) d'argent. Après quinze jours de voyage, il vint à rencontrer un certain Lý-Lập qui faisait profession de louer des chevaux aux voyageurs.

Celui-ci lui ayant proposé de lui louer une de ses bêtes pour diminuer sa fatigue durant le reste de ce long voyage, il lui répondit : « J'accepterais bien volontiers, si je n'avais cette valise qui m'embarrasse vraiment beaucoup. » — « Qu'à cela ne tienne, dit l'autre ; mettez-vous toujours à cheval, et je fais mon affaire de la valise. »

Notre Truong-Ân, à ces mots, enfourcha le cheval et s'y carra confortablement, s'en remettant au loueur du soin de s'occuper des bagages. Ayant ainsi parcouru quelques stades (3), il vit venir à sa rencontre un jeune garçon qui tenait en main un corbeau dont les cris touchants l'émurent de pitié.

— « Veux-tu me vendre cet oiseau ? » demanda-t-il à l'enfant

(1)—Le présent récit date probablement de la dynastie des Song, fin du 10^e siècle après J.-C.

(2)—L'once (luong ou lang) équivaudrait à environ 37 gr 8.

(3)—Le stade (dăm ou lý) : environ 720 mètres.

Đứa bé thưa rằng : « Thưa ông, tôi muốn bán lắm. »

Trương-Ân tức thì mua con quạ ấy mà thả ngay.

Không ngờ khi lấy tiền trả cho đứa bé thì tên Lý-Lập liếc trông thấy trong túi có tiền liền sinh lòng tham-lam mà nghĩ rằng : ấy là cái túi con mà cũng có ngần ấy bạc huống chi trong cái bao kia thì không biết còn nhiều đến nhường nào ?

Rồi cứ việc đi theo đến một chỗ rừng rậm, xem bốn bề không có một người nào, Lý-Lập mới lấy gậy nhắm trôn đầu Trương-Ân đánh một cái rất mạnh đến nỗi Trương-Ân ngã ngựa chết tươi ngay.

Lý-Lập vội-vàng nhặt lấy xác Trương-Ân mà chôn vào rừng ấy, rồi lấy cả đồ hành-lý và tiền bạc đem đi, không còn ai biết cả.

Qua ngày hôm sau quan huyện sở-tại đấy là ông Hoàng-Giáp khi ra nhà khách thấy một con quạ đậu tại trước thềm mà bay lượn mãi trên sân.

Quan huyện thấy vậy động lòng, gọi người gần đấy mà bảo rằng : « Quái lạ ! con quạ kêu cách sâu thẳm thế này có lẽ nó có điều gì oan-ức chẳng ? »

Con quạ lại cứ càng kêu thêm.

Quan huyện nói rằng : « Nếu mày quả có điều gì oan-ức, thì tao sai lính theo mày. »

Ngài nói thế rồi liền bảo ngay tên cai lệ là Triệu-Bảo đi theo

— « Mais oui, Monsieur, très volontiers ! »

A peine entré en possession du corbeau, notre brave Trương-Ân s'empressa de lui donner la liberté.

Le pauvre marchand ne s'était, hélas, pas aperçu de ce que, durant qu'il réglait l'achat de son oiseau, le dénommé Lý-Lập jetait, à la dérobée, des regards avides sur son porte-monnaie et constatait qu'il était encore fort bien garni. La convoitise s'empara instantanément de l'âme de celui-ci : « S'il peut tenir tant d'argent dans ce petit porte-monnaie, songea-t-il ; quels trésors ne doivent-ils pas être contenus dans les flancs rebondis de cette superbe valise ? » ...

Ils poursuivirent leur route jusqu'en un certain point où elle s'engageait sous une épaisse forêt. Voyant que, là, nul importun n'était à redouter, le misérable loueur asséna soudain sur le crâne de Trương-Ân un si formidable coup de bâton que notre pauvre ami tomba de cheval et passa instantanément de vie à trépas.

L'assassin s'empressa d'enfouir le corps de sa malheureuse victime, après l'avoir soigneusement dépouillé de ses bagages et de son argent. Nul œil humain autre que le sien n'avait été témoin de son horrible forfait.

Le lendemain, le « Hoàng-Giáp », mandarin sous-préfet de la localité, arrivant comme chaque jour à son bureau, ne fut pas peu surpris de voir un corbeau traverser la cour en volant lourdement et venir se présenter devant lui en poussant des cris déchirants. Assez ému à ce spectacle, notre mandarin dit à son entourage :

— Les cris lugubres de ce malheureux volatile me donnent l'impression qu'il vient se plaindre de quelque injustice dont il aurait été victime ! »

L'oiseau, à ces mots, redoubla ses cris.

— « Si tu as vraiment souffert de quelque iniquité, lui dit le bon mandarin, tu vas nous le faire connaître aisément, car voici quelqu'un de mes gens que je mets à ta disposition pour t'accompagner là où il te plaira de l'amener. »

Et, incontinent, il ordonna à un caporal de ses satellites, du

con quạ hễ chứng-kiến được điều gì thì phải về báo. Con quạ bay đi, đi được vài dặm thì nó lại đậu ở bờ đường mà chờ Triệu-Bảo, sau đi được đến hai mươi dặm thấy có một cái rừng xanh, quạ tức thì bay ngay vào rừng, rồi đậu ở trên một đống đất mới, mà kêu một cách rất bi-thương, làm cho Triệu-Bảo phải rợn tóc gáy. Tên cai lệ chắc là chính chỗ ấy là chỗ đã sây ra cái bi-kịch liên vôi-vàng trở về bảm quan. Giữa lúc ấy thì con quạ cũng trở lại và kêu-van một cách rứt thê-thảm.

Quan huyện thấy vậy bảo rằng : « Thực là oan-hồn không còn nghi ngờ gì nữa », rồi lập tức bắt quân hầu sắm-sửa đi theo đến chỗ chôn ấy để mà xét-nghiệm

Khi đến nơi, quan bắt đào lên xem thì quả thấy một cái xác người đàn-ông mới chôn chưa được bao lâu, giở ra thì thấy bên cạnh có một cái roi ngựa, tức là cái roi mà khi Lý-Lập giết vôi-vàng bỏ quên lại. Quan sai lính mang roi ấy về. Khi về đến nhà, ngài lại sai đốt hương cáo-chúc thần-linh. Đèn canh ba đêm hôm ấy thì ngài mộng thấy một người hình-dung gầy-gò, đầu tóc rũ-rơi bờ-phờ, dáng đi tiều-tụy quỳ trước mặt mà kêu rằng :

« Xin quan lớn xét cho con việc oan này »

Quan huyện hỏi : « Mà là người nào, mà bị oan điều gì ? »

Người ấy thưa rằng : « Con bị oan thê này là vì tên « phi Đào, phi Hạnh, phi Tọa, phi Hành ». Nói xong liền khóc nức-nở rồi đi mất.

Quan huyện rất mình tỉnh dậy, thôi không ngủ nữa. Ngài

nom de *Triệu-Bảo*, de suivre le corbeau et de rendre compte, à son retour, de tous les faits dont il aurait été témoin. Volant devant lui, le corbeau suspendait, par instants, son vol pour l'attendre. Ayant cheminé ainsi pendant une vingtaine de stades, on atteignit un vaste emplacement tout couvert de broussailles; l'oiseau s'y arrêta définitivement, et, perché sur un tertre qui paraissait tout récent, il se mit à pousser de tels cris que le caporal, épouvanté, sentit ses cheveux se dresser sur la tête. Persuadé qu'il se trouvait là sur le théâtre de quelque drame, *Triệu-Bảo* entra bien vite pour rendre compte au mandarin du résultat de sa mission. L'oiseau rentra aussi, et il renouvela ses cris et ses éloquents manifestations.

— « Ce doit être l'âme de la victime qui s'est incarnée dans le corps de cet étrange animal. » dit le sous-préfet. Et il donna l'ordre à ses serviteurs de tout préparer immédiatement pour une enquête judiciaire sur place.

Parvenu sur les lieux, il fit fouiller le tertre : on trouva sans peine le cadavre dont l'enterrement était évidemment tout récent. On découvrit même un fouet que le meurtrier avait, dans sa hâte, oublié auprès du corps de sa victime. Le sous-préfet fit emporter le fouet et rentra bien vite chez lui. Là, il se mit en demeure d'allumer des baguettes d'encens et d'implorer les puissants génies pour qu'ils l'aidassent à découvrir les coupables. Vers la troisième veille de cette nuit de prières, il eut la vision d'un homme maigre qui, l'air égaré, s'agenouilla devant lui et lui dit d'un ton suppliant :

— « Grand mandarin, daignez, je vous en prie, examiner l'injustice dont je suis frappé, et ma reconnaissance sera infinie ! ».

— « Qu'es-tu, et quelle injustice veux-tu dire ? » lui demanda le mandarin.

— « Grand mandarin, je suis la malheureuse victime de l'acte indigne commis par un homme dont le nom est tracé par des caractères qui ne signifient ni « *dào* » (pêcher), ni « *hạnh* » (amandier), ni « *tọa* » (assis), ni « *hành* » (marchant). Cela dit, il éclata en sanglots et disparut.

Le sous-préfet reprit ses sens brusquement et se leva aussitôt,

ngĩ-ngợi mãi về cái mộng ấy mà vẫn chưa đoán ra được là cái gì? Sáng sớm ngài ra nhà khách, truyền cho quân hầu đi bắt hết mấy nhà ở gần rừng ấy đến huyện để tra :

Lính lãnh mệnh đi thì ở gần rừng ấy độ ba dặm có một rẫy nhà gọi là Bình-Phong-Chai, chỉ có hơn mười nhà làm nghề cho thuê ngựa, thì liền bắt vài người đến huyện.

Quan huyện hỏi rằng : « Chúng bay sinh-nhai bằng nghề gì ? »

— Bẩm quan lớn, chúng con chỉ có nghề cho thuê ngựa kiếm ăn.

— Chúng bay đã làm nghề cho thuê ngựa kiếm ăn thì có sao lại còn dám đồng-mưu tập-hợp nhau mà giết một người hành-khách để lấy của của người ta ?

— Bẩm quan lớn không bao giờ chúng con dám làm điều phi-pháp ấy

— Nếu không phải chúng bay giết thì có sao mới vài hôm nay ta thấy xác một người hành-khách vùi ở trong rừng gần miên chúng bay ?

— Bẩm quan lớn, chúng con dám quyết rằng nếu có sảy ra việc đó thì không bao giờ bởi chúng con, vì rằng chúng con rất lương-thiện.

— Thế tại sao ta lại thấy cái roi ngựa này ở cạnh người bị giết ?

Mấy người nghe thấy quan hỏi thế thì liền tất-tả chạy đến xem cái roi ngựa rồi thưa rằng :

— Bẩm quan lớn, chính chúng con là người cho thuê ngựa, song chúng con không bao giờ ở nguyên một nơi, chỉ thay đổi nhau mà làm việc.

— Nếu chúng bay đã cắt phiên nhau mà làm ăn thế, thì chúng bay phải khai một tờ giấy liệt hết cả tên họ từng người, ta xem.

Chúng liền vâng lời rồi liệt rõ các tên vào tờ giấy ; quan bèn

poursuivi par le souvenir de cette vision. Il s'efforça longuement d'en trouver l'explication, mais en vain. De bon matin, il se rendit à son bureau et prescrivit d'y rassembler tous les habitants voisins du lieu du crime pour qu'ils y fussent interrogés.

On se mit en quête de ceux-ci et, à trois stades de là environ, on ne trouva qu'une dizaine de familles se consacrant à la location de chevaux aux voyageurs. On en amena quelques gens à la sous-préfecture.

— « De quel métier vivez-vous ? » leur demanda le sous-préfet dès qu'il les eut en sa présence.

— « Grand mandarin, nous vivons très modestement du pauvre métier de loueur de chevaux. »

— « Comment avez-vous pu avoir l'audace de comploter le meurtre d'un voyageur pour le dépouiller, vous qui prétendez vivre de votre métier ! »

— « Grand mandarin, nous n'avons jamais eu semblable audace, nous ne sommes pas des meurtriers ! »

— « Alors comment se fait-il que j'ai découvert ce cadavre de voyageur dans la broussaille tout près de votre village si vous n'êtes pas les auteurs du crime ? »

— « Grand mandarin, nous vous jurons que nous sommes absolument incapables d'une telle abomination ! Nous sommes d'honnêtes gens, ce n'est pas par nous que ce crime a été commis ! . . . »

— « Et comment se fait-il aussi, dans ces conditions, que j'ai trouvé ce fouet auprès de la victime ? »

Ceux à qui cette question était posée s'empressèrent autour du fouet que leur montrait le mandarin et dirent :

— « Grand mandarin, nous sommes bien tous loueurs de chevaux, mais nous nous déplaçons fréquemment par tours de service pour notre travail. Nous ignorons tout de ce crime ! »

— « Si vous assurez votre service par roulement entre vous, je vous ordonne de me remettre une liste de vob noms avec vos tours de service. »

Ce qui fut fait et, il eut aussitôt sous les yeux la liste détaillée de

cầm xem cầu-thần, khi đến tên Lý-Lập thì trong lòng chợt hồi-trởng đến cái mộng đêm qua, lấy làm ứng-nghiệm lắm, mà nghĩ rằng : « Nếu không phải « đào » 桃 mà cũng không phải « hạnh » 杏 thì có phải là « Lý » 李 không ? mà không phải là « tọa » 坐 mà cũng không phải là « hành » 行 thì có phải là « lập » 立 không ? »

Nghĩ thế rồi lập tức sai người đi bắt tên Lý-Lập. Khi giải tên Lý-Lập đến thì nó đã mặt tái mét không còn hột máu, trông ra đáng sợ hãi lắm. Lúc đầu mới hỏi thì nó còn chối chưa chịu nhận, kịp khi quan nổi giận mà quát to, truyền lấy hình-cụ ra thì bấy giờ Lý-Lập chỉ có một việc là thú nhận tội-lỗi một mạch, từ đầu chí đuôi : nào từ lúc thấy Trương-An mua qua phóng sinh, nhác thấy anh ta có tiền sinh lòng gian-tham, nên giết chết đi để lấy của, cho đến khi đem chôn vào rừng rồi ký tờ cung-khai nhận tội. Lại nhất là lúc tên Lý-Lập chưa ký tờ cung-khai thì con quạ đậu lên trên đầu tên phạm mà mổ mạnh đến nổi máu chảy dòng-dòng, mãi đến khi thú nhận mới chịu thôi, xong rồi lại đập đầu vào đá dưới sân công-đường mà chết.

Bấy giờ thiên-hạ mới hiểu truyện : là nguyên khi trước Trương-An mua mà phóng sinh, đến bấy giờ Trương-An bị chết oan mà nó liêu mình để đền ơn trả nghĩa, cả huyện đều lấy truyện ấy làm kỳ-dị xưa nay chưa hề thấy bao giờ.

Còn tên Lý-Lập phạm tội sát-nhân thủ-tài thì chỉ đợi đến kỳ lập-quyết.

Lời phán của quan huyện

Xét án tên Trương-An là người từ-thiện, chịu bỏ tiền ra mà chuộc mạng cho con chim, còn tên Lý-Lập là đứa hung ác, cố mưu mà hại mạng người ta.

tous les noms qu'il parcourut attentivement. Parvenu au nom de Lý-Lập, son souvenir se reporta soudain à la vision de la nuit précédente : « Est-ce que la rencontre n'est pas vraiment remarquable ? songea-t-il : nous avons ici le caractère « lý » (prunier) qui n'est ni « đào » (pécher), ni « hạnh » (amandier) ; puis le caractère « lập » (debout) qui n'est ni « tọa » (assis), ni « hành » (marchant). . . » Est il comprit que toute sa vision était véridique.

Il fit immédiatement arrêter le nommé Lý-Lập en question. Celui-ci se présenta devant lui pâle et défait, en proie à une terreur manifeste. Il essaya d'abord de nier, mais lorsque le mandarin, irrité d'une telle attitude, eût donné l'ordre qu'on apportât les instruments de torture, il ne pût que faire des aveux complets. Il raconta tout, du début à la fin, depuis le moment où il avait remarqué la richesse de Trương-An lors de l'acquisition du corbeau jusqu'à celui où il l'avait tué et dépouillé dans la forêt ; puis il signa la déclaration où il reconnaissait ainsi formellement sa culpabilité. Fait bien curieux, avant qu'il se fût décidé à avouer, l'oiseau vint se percher sur le sommet de sa tête et lui asséna de violents coups de bec, si bien que le sang jaillit fortement ; il continua ainsi jusqu'à ce que Lý-Lập eût signé l'aveu de son crime. Son devoir alors accompli, il se donna la mort en se précipitant avec violence sur les dalles de la cour du tribunal.

C'est à ce moment seulement qu'on comprit ! C'était en reconnaissance de ce que Trương-An l'avait acheté pour lui rendre sa liberté que le pauvre animal s'était ainsi suicidé, en raison de ce que la cause première de la mort de Trương-An avait été ce rachat du corbeau. Ce fait vraiment merveilleux, jusqu'alors sans précédent connu, produisit une impression profonde sur le peuple.

Quant à l'assassin Lý-Lập, il n'eût plus qu'à attendre qu'on statuât sur son sort.

« Avis du Sous-Préfet »

« Attendu que le sieur Trương-An, homme compatissant, n'a pas hésité à payer de sa poche la rançon de la vie et de la liberté d'un pauvre corbeau, et que le sieur Lý-Lập, cruel et cupide, a commis, sur sa personne, le crime d'homicide volontaire et de vol avec préméditation.

Như vậy trách nào cái oan-hồn kia chẳng giận, con quạ nọ chẳng hờn mà đến nỗi phải tới trước công-đình mà đại-tố oan-tình...

Ví-dụ như con quạ kia mà không gặp được Trương-Ân thì cái nạn nguy lúc ấy cũng khó lòng mà thoát khỏi, mà Trương-Ân nọ không được ơn con quạ thì lấy ai mà cáo tố oan-tình này cho.

Ngán thay ! con chim là loài không biết suy-xét mà còn biết báo nghĩa đến ơn, huống chi là người ta là loài có tư-tưởng ý-chí mà nỡ nào đi làm truyện dè liệt thế ru ?

Còn một nỗi con quạ đáng thương thay là khi tên phạm Lý-Lập chưa nhận tội thì nó cứ đầu trên đầu mà mổ hoại, kịp đến khi tên thù-nhân đã thú tội, thì nó lại đập đầu mà chết trên công-đình. Như thế thời tình rất khần-thiết, nghĩa rất cao thâm.

Như việc này : người vì chim mà chết, chim vì người mà phải bỏ mình, nhân truyện phóng-sinh chim mà hại người, nhân truyện báo nghĩa người mà hại chim, thực khó lòng mà an-uy được hai cái vong-hồn dưới chín suối. — Bản-chức phải làm cho trọn nghĩa-vụ mà định án xử-quyết tên Lý-Lập, còn chờ lệnh sang mùa thu sẽ xử.

Phán án xong rồi sai đem tên Lý-Lập cùng là làm ma cho Trương-Ân và con quạ một cách long-trọng, sai đem chôn hai cái xác vào hai má cạnh nhau, mà trước má quạ thì dựng một cái đình-bia đề ba chữ kỷ-niệm « nghĩa-nha-phần » là mộ con quạ có nghĩa.

« Attendu que l'âme de la victime, ainsi qu'il devait arriver, s'est manifestée en cet oiseau qui est venu se présenter devant le tribunal pour y dénoncer l'insjustice subie par son bien-facteur. »

« Atten lu que si l'oiseau n'avait pas rencontré Trương Ân, il n'aurait pu échapper au péril qu'il encourait du fait de sa captivité entre les mains d'un enfant, et que si Trương-Ân, de son côté, n'avait pas rencontré le corbeau, l'attentat dont il avait été la victime serait demeurée inconnu et impuni. »

« Considérant que nous sommes indigné de constater qu'en cette tragique affaire un simple oiseau, pauvre bête incapable de raisonnement, a su prouver une telle reconnaissance, tandis qu'un homme n'a su qu'écouter ses plus vils instincts pour commettre un lâche assassinat. »

« Considérant que, fait particulièrement émouvant de la part de l'oiseau, celui-ci, avant la confession du criminel, lui a violemment becqueté le crâne, puis s'est donné la mort dès qu'il eut reçu satisfaction, ce qui nous témoigne de sa part de sentiments admirables et d'une reconnaissance des plus profondes. »

« Décidons : l'homme et l'oiseau ayant mutuellement sacrifié leur vie l'un pour l'autre, l'homme étant mort pour avoir délivré le corbeau, et le corbeau étant mort par reconnaissance pour l'homme, il nous est très difficile de donner maintenant quelque satisfaction véritable aux mânes de ces deux victimes qui ont émigré au Pays des Neuf-Sources » (1). Notre principal devoir est donc de proclamer le forfait abominable du dénommé Lý-Lập sur lequel jugement sera prochainement rendu en automne prochain par l'autorité compétente. »

Après avoir publié cette ordonnance, le mandarin fit incarcérer Lý-Lập ; il prescrivit des funérailles solennelles pour Trương Ân et pour l'oiseau dont les dépouilles mortelles furent placées côte-à-côte en deux tombes contigües, et il fit dresser, en face du tombeau du corbeau une petite stèle commémorative sur laquelle furent gravés les caractères suivants : « Nghĩa-nha-phần » : Tombeau d'un corbeau reconnaissant.

(1) « Les Neuf-Sources » (Chín Suối) : Séjour des morts d'après la mythologie chinoise.

CHUYỆN DOMINIQUE

Tiểu—Thuyết

của EUGÈNE FROMENTIN

N. D. dịch

(Tiếp—theo)

III

Câu chuyện tôi kể về tôi không có mấy nỗi, có thể tóm vào mấy câu sau này: tôi chỉ là một lão nhà quê xa làng một độ, một nhà văn-sĩ tủi thân đã cách cái sinh viết văn thơ, thủy chung rút cục lại đến cái óc nhà mình cắt rốn chôn rau nhi-đĩ. Câu chuyện tóm lược lại sau này, cái kết-cục tầm thường mà ông đã rõ đấy, đó là phần hay nhất thuộc về luân-lý trong câu chuyện và có lẽ là phần lãng-mãn phiêu-lưu nhất. — Kỳ-dur cũng không bỏ-ích cho ai, riêng tôi nhớ đến là thấy cảm-động mà thôi. Tôi cũng không giữ kín làm gì, xin ông biết cho; nhưng tôi cũng hết sức nói để, là tại những nhẽ riêng không phải tại lòng muốn thuật chuyện cho hay hơn đâu.

Trong mấy người liên-can đến chuyện này, tôi xin kể chuyện họ cũng như chuyện tôi, một người là cố-hữu khó luận-định tính cách, xét đoán không khỏi không lấy làm đặng cay, mà lúc này ông đã đọc cái thư cáo-biệt bi ai. Không bao giờ ông giả thích được cái đời ông vốn không thuận với cái ý ông sở-nguyện. Đem câu chuyện đời ông mà thuật với những câu tâm-sự này, cũng gần như là đem phục-hồi cái đời ông lại mà thôi. Người thứ hai thì không có nhẽ gì giữ mật cái đời của mình được. Ông ta ở vào cái địa-vị một người trong công-vụ, hoặc ông đã quen biết, hoặc có nhẽ rời ra ông quen biết: tôi xin nói cho ông biết rằng ông ta xuất-thân rất hàn-vi, tôi thiết-tưởng nói như thế không có ý giảm bớt một chút giá-trị gì của ông ta đâu. Còn người thứ ba mà sự giao-tiếp có ảnh-hưởng rất sâu-xa về thời

DOMINIQUE

Roman

Par EUGÈNE FROMENTIN

Traduit par N. D.

(suite)

III

Ce que j'ai à vous dire de moi est fort peu de chose, et cela pourrait tenir en quelques mots: un campagnard qui s'éloigne un moment de son village, un écrivain mécontent de lui qui renonce à la manie d'écrire, et le pignon de sa maison natale figurant au début comme à la fin de son histoire. Le plat résumé que voici, le dénouement bourgeois que vous lui connaissez c'est encore ce que cette histoire contiendra de meilleur comme moralité, et peut-être de plus romanesque comme aventure. Le reste n'est instructif pour personne, et ne saurait émouvoir que mes souvenirs. Je n'en fais pas mystère, croyez-le bien; mais j'en parle le moins possible, et cela pour des raisons particulières qui n'ont rien de commun avec l'envie de me rendre plus intéressant que je ne le suis.

Des quelques personnes qui se trouvent mêlées à ce récit, et dont je vous entretiendrai presque autant que de moi-même, l'un est un ami ancien, difficile à définir, plus difficile encore à juger sans amertume, et dont vous avez lu tout à l'heure la lettre d'adieu et de deuil. Jamais il ne se serait expliqué sur une existence qui n'avait pas lieu de lui plaire. C'est presque la réhabiliter que de la mêler à ces confidences. L'autre n'a aucune raison d'être discret sur la sienne. Il appartient à des situations qui font de lui un homme public: ou vous le connaissez, ou il vous arrivera probablement de le connaître, et je ne crois pas le diminuer du plus petit de ses mérites en vous avertissant de la médiocrité de ses origines. Quant à la troisième personne dont le contact en une vive influence sur ma jeunesse, elle est placée maintenant

niên-thiệu của tôi thì ngày nay ông ta đã được đặt vào cái địa-vị an-nhàn, phong-lưu kín đáo tưởng như những câu truyện cũ của ông không còn có liên-can gì với những câu truyện cũ của kẻ thuật truyện này.

Tôi có thể nói rằng tôi không có gia-quyền và chính những con cái tôi ngày nay làm cho tôi biết cái giây thân-tình êm-dềm, chắc-chắn mà khi tôi đương trạc chúng nó, tôi không được biết đến. Mẹ tôi gọi là đủ sức nuôi tôi rồi tạ-thê đi -- cha tôi sống thêm được vài năm nữa, nhưng mà yêu-ớt khốn-nạn đến nỗi tôi thấy cha tôi vắng mặt lâu rồi mới thấy mặt mà tôi không thấy cha tôi đã lâu rồi mới thấy chêt thục, thành thử ra tôi không biết cha tôi cũng không biết mẹ tôi và đến ngày tôi để chớ cha tôi vờ mới quá-cổ đi tôi ở một mình không thấy sự biến đổi to-tát gì làm cho tôi đau-đớn. Chung quanh mình thấy người ta nhắc luôn cái tên mờ-côi như là một cái tên khôn-nạn mà mình chỉ cho cái tên ấy một cái nghĩa mơ-màng và lúc trông thấy lũ đầy-tớ khóc thương mới biết rằng cái thân mình đáng thảm.

Tôi trưởng-thành trong đám nô-bộc đảm đang ấy, xa có cô tôi là bà Xê-Sắc trông nom cho, mãi đến về sau lúc tôi cần có cô tôi coi-sóc của-cải và dạy-dỗ cho, cô tôi mới đến ở lâu Trembles. Cô tôi thấy tôi là một đứa trẻ ngờ-ngẩn, không có giáo-dục, rất đặc, dễ kèm, nhưng khó bắt nhẽ, lông-bông hết sức, chẳng có trí gì về kỹ-luật, về việc học hành, lần đầu nói đến việc học việc dùng thì-giờ, chỉ há hốc miệng ra, lấy làm lạ vì đời người không rút lại vào cái thú chạy rong ngoài đồng mà thôi. Từ thuở bé đến bây giờ, tôi chả chịu làm gì sốt. Tôi chỉ còn phảng-phất nhớ đến cha tôi có mấy điều cuối cùng sau này: cái bệnh nó làm cho cha tôi hao mòn có thư được đôi lúc, cha tôi đi ra vườn đến bực tường ngoài, rồi những buổi chiều dài dằng dẳng, giờ nắng chang chang, cha tôi trống gậy mây, đi chậm ephap như một ông lão già nhớn-nhờ đi dạo hằng giờ. Trong lúc đó, tôi đi khắp cánh đồng đánh bầy chim. Tôi không học hành gì khác cả, cứ trông thấy cha tôi làm gì, thì cô bắt chước lấy hết. Còn bé bạn duy có lũ trẻ nhà quê con nhà hàng xóm, hoặc lười quá không theo học trong trường được, hoặc bé quá chưa cho ra làm ruộng được, đều khuyến-khích tôi nên theo gương chúng tuyệt không lo-lắng gì đến cuộc tương-lai. Mà sự

dans les conditions de sécurité, de bonheur et d'oubli, à défier tout rapprochement entre les souvenirs de celui qui vous parlera d'elle et les siens.

Je puis dire que je n'ai pas eu de famille, et ce sont mes enfants qui me font connaître aujourd'hui la douceur et la fermeté des liens qui m'ont manqué quand j'avais leur âge. Ma mère eut à peine la force de me nourrir et mourut. Mon père vécut encore quelques années mais dans un état de santé si misérable que je cessai de sentir sa présence longtemps avant de le perdre, et que sa mort remonte pour moi bien au delà de son décès réel, en sorte que je n'ai pour ainsi dire connu ni l'un ni l'autre, et que le jour où, en deuil de mon père, qui venait de s'éteindre, je demeurai seul, je n'aperçus aucun changement notable qui me fit souffrir. Je n'attachai qu'un sens des plus vagues au mot d'orphelin qu'on répétait autour de moi comme un nom de malheur, et je comprenais seulement, aux pleurs de mes domestiques, que j'étais à plaindre.

Je grandis au milieu de ces braves gens, surveillé de loin par une sœur de mon père madame Ceyssac, qui ne vint qu'un peu plus tard s'établir aux Trembles, dès que les soins de ma fortune et de mon éducation réclamèrent décidément sa présence. Elle trouva en moi un enfant sauvage, inculte, en pleine ignorance, facile à soumettre, plus difficile à convaincre, vagabond dans toute la force du terme, sans nulle idée de discipline et de travail, et qui, la première fois qu'on lui parla d'étude et d'emploi du temps, demeura bouche béante, étonné que la vie ne se bornât pas au plaisir de courir les champs. Jusque-là je n'avais pas fait autre chose. Les derniers souvenirs qui m'étaient restés de mon père étaient ceux-ci : dans les rares moments où la maladie qui le minait lui laissait un peu de répit, il sortait, gagnait à pied le mur extérieur du parc, et là, pendant de longues après-midi de soleil, appuyé sur un grand jonc et avec la démarche lente qui me le faisait paraître un vieillard, il se promenait des heures entières. Pendant ce temps, je parcourais la campagne et j'y tendais mes pièges à oiseaux. N'ayant jamais reçu d'autres leçons, à une légère différence près, je croyais imiter assez exactement ce que j'avais vu faire à mon père. Et quant aux seuls compagnons que

giáo-dục tôi thích nhất, cái bài học tôi không phải p' ăn-dối, và xin ông biêt cho cái bài học cho tôi cái kết-quả vững-bền và thiết-thực lại chính ở bọn ấy mà ra vậy. Tôi cứ học tập-nhập, theo cựu-tập mà biết một mớ việc vặt, chính là những món học và cái thú ở chôn thôn quê vậy. Tôi lại có đủ tư-cách mà học như thế; tôi có sức khỏe, có hai con mắt nhà nông-phu, nghĩa là hai con mắt rất tinh, tai sớm luyện nghe những tiếng rất nhỏ, chân đi không mỏi, lại thêm cái lòng thích những sự khoáng-dãng, biết lưu-tâm đến điều mình quan-sát, điều mình trông thấy, nghe thấy, không thích những truyện mình xem, rất hám những truyện thuật lại; điều lạ trong sách không thích cho tôi bằng những truyện hoang-đường và tôi thích những câu truyện dị-đoan hơn những câu truyện thần-tiên.

Tôi lên mười tuổi, cũng giống như trẻ khác ở Villeneuve tôi cũng biết đủ như chúng nó, biết kém ông cha chúng nó; nhưng; mà họ với tôi cũng có một điều khác, tuy chưa rõ-rệt lắm, nhưng thốt-nhiên đã định rồi: là tôi nhâu trông thấy đời, trông thấy những việc thường mà đã nảy ra những cảm-tình trẻ khác hình như không nghĩ đến. Thật quả thế, khi tôi nhớ lại, cái điều sở-thích của tôi trong cuộc đi săn, không phải chỉ là cái thú sửa bẫy, mắc bẫy rình chim trong bụi rậm dâu; là tại trong những lúc ần-núp ấy, duy chỉ có điều này là còn nhớ lại, là có nhiều chỗ trông rất tinh tường, nhớ đúng cả giờ nào, mùa nào, nhớ cả đến những tiếng kêu từ bấy đến nay, vẫn còn văng-vẳng mãi. Nhất nữa kể đã được ba mươi nhăm năm, thế mà tôi còn nhớ đến một buổi chiều kia, khi tôi đang cất bẫy trong một cánh ruộng mới cày hôm trước, giờ thì nào, giờ thì thế nào, không-khí bình tĩnh, giờ phủ mây đen, mà những chim câu thàng chín bay qua cánh đồng, đập cánh vù vù, chung quanh đồng ruộng, những máy say thóc, đã cối vãi ra, chò gió gió không dền, chắc ông nghe thấy coi như là câu truyện trẻ con vậy. Thực tôi cũng không biết nói tại sao mà câu truyện tâm-thường như thế lại in sâu vào trong trí nhớ của tôi, rõ cả

j'eusse alors, c'étaient des fils de paysans du voisinage, ou trop paresseux pour suivre l'école, ou trop petits pour être mis au travail de la terre, et qui tous m'encourageaient de leur propre exemple dans la plus parfaite insouciance en fait d'avenir. La seule éducation qui me fût agréable, le seul enseignement qui ne me coûtât pas de révolte, et, notez-le bien, le seul qui dût porter des fruits durables et positifs, me venait d'eux. J'apprenais confusément, de routine, cette quantité de petits faits qui sont la science et le charme de la vie de campagne. J'avais, pour profiter d'un pareil enseignement, toutes les aptitudes désirables; une santé robuste, des yeux de paysan, c'est-à-dire des yeux parfaits, une oreille exercée de bonne heure aux moindres bruits, de jambes infatigables, avec cela l'amour des choses qui se passent en plein air, le souci de ce qu'on observe, de ce qu'on voit, de ce qu'on écoute, peu de goût pour les histoires qu'on lit, la plus grande curiosité pour celles qui se racontent; le merveilleux des livres m'intéressait moins que celui des légendes, et je mettais les superstitions locales bien au-dessus des contes de fées.

A dix ans, je ressemblais à tous les enfants de Villeneuve: j'en savais autant qu'eux, j'en savais un peu moins que leurs pères mais il y avait entre eux et moi une différence, imperceptible alors, et qui se détermina tout à coup: c'est que déjà je tirais de l'existence et des faits qui nous étaient communs des sensations qui toutes paraissaient leur être étrangères. Ainsi, il est bien évident pour moi, lorsque je m'en souviens, que le plaisir de faire des pièges, de les tendre le long des buissons, de guetter l'oiseau, n'était pas ce qui me captivait le plus dans la chasse; et la preuve, c'est que le seul témoignage un peu vif qui me soit resté de ces continuelles embuscades, c'est la vision très nette de certains lieux, la note exacte de l'heure et de la saison, et jusqu'à la perception de certains bruits qui n'ont pas cessé depuis de se faire entendre. Peut-être vous paraîtra-t-il assez puéril de me rappeler qu'il y a trente cinq ans tout à l'heure, un soir que je relevais mes pièges dans un guéret labouré de la veille, il faisait tel temps, tel vent, que l'air était calme, le ciel gris, que des tourterelles de septembre passaient dans la campagne avec un battement d'ailes très sonore, et que tout autour de la plaine, les moulins à vent,

năm nào ngày nào, đến nỗi bây giờ lại vào câu truyện một người đã quá đùng tuổi, nhưng nếu tôi kể ông nghe câu truyện ấy trong hình câu truyện khác, là để cho ông biết rõ ràng cái đời tôi giao-tiếp với ngoại-vật. Đã có một điều đặc-biệt biểu lộ ra mà trong người tôi đã nảy ra một cái trí nhớ riêng ít cảm đến sự đời, mà có cái tài lạ nữa được những cảm-tình vậy.

Chính thực ra, thì cái giáo-dục ấy tưởng là mạnh-mẽ lắm lại là đáng ghét, nhất là cho những kẻ mà cuộc tương-lai của tôi có can-hệ đến sau này. Tôi dẫu ngang tàng, tuy tôi hằng gặp và kết thân với bè bạn trong làng, kỳ-thực tôi rất đơn-độc một mình, một chúng-loại, một địa-vị lại thêm nhiều điều không hợp với cái tương-lai của tôi. Tôi quẩn-luyến với những người đáng làm đầy tớ không đáng làm bạn cho tôi; tôi quẩn-luyến mà tôi không biết, quẩn-luyến bởi những giây bền chặt với những nơi mình sớm phải từ-giã; tôi tập những thói quen chẳng ích gì chỉ làm cho tôi thành ra người dở-dang sau này ông sẽ biết, dở thẳng dở ông, khi ông khi thẳng, có khi vừa thẳng vừa ông, không rõ là bực nào vậy.

Tôi đã nói với ông rằng tôi cực dốt, cô tôi cũng biết thế, vội tìm về lầu Trembles một thầy học, là một thầy giáo thiếu-niên ở trường trung-học Ô-Mê-Sơn. Ông là người thông-minh lắm, giản-dị cương-trực mực-thước, xem sách nhiều, việc gì cũng sành, xử-sự rất nhanh, nhưng không bao giờ bàn bạc mọi lẽ, người rất lạnh-lợi mà hẳn cũng tham-lam lắm, tôi không trông thấy người nào bước vào cuộc đời rất ít tưởng tượng, rất nhiều đảm-lực, ít tư-bản mà coi thế cực một cách rất vững-vàng. Ông ta có con mắt tinh đời, dáng điệu khoan-khoái, nhời nói minh-bạch, phong-khí tinh-thần có vẻ hoạt-bát, khéo lẫn mình trong đám đông người. Cái tính ấy giao-tiếp với cái tính tôi vốn không giống tính ông mấy tí nhẽ ra thì thiệt cho tôi nhiều; nhưng mà tôi xin nói rằng ông ta vốn bụng dạ nhân từ, lại tính-tĩnh, tâm-tư lúc nào cũng

dépouillés de leur toile, attendaient le vent qui ne venait pas. Vous dire comment une particularité de si peu de valeur a pu se fixer dans ma mémoire, avec la date précise de l'année et peut-être bien du jour, au point de trouver sa place en ce moment dans la conversation d'un homme plus que mûr, je l'ignore; mais si je vous cite ce fait entre mille autres, c'est afin de vous indiquer que quelque chose se dégagait déjà de ma vie extérieure, et qu'il se formait en moi je ne sais quelle mémoire spéciale assez peu sensible aux faits, mais d'une aptitude singulière à se pénétrer des impressions.

Ce qu'il y avait de plus positif, surtout pour ceux que mon avenir eût intéressés, c'est que cette éducation soi-disant vigoureuse était détestable. Tout dissipé que je fusse, et coudoyé et tutoyé par des camarades de village, au fond j'étais seul, seul de ma race, seul de mon rang, et dans des désaccords sans nombre avec l'avenir qui m'attendait. Je m'attachais à des gens qui pouvaient être mes serviteurs, non mes amis; je m'enracinais sans m'en apercevoir, et Dieu sait par quelles fibres résistantes, dans des lieux qu'il faudrait quitter, et quitter le plus tôt possible; je prenais enfin des habitudes qui ne menaient à rien qu'à faire de moi le personnage ambigu que vous connaîtrez plus tard, moitié paysan et moitié *dilettante*, tantôt l'un, tantôt l'autre, et souvent les deux ensemble, sans que jamais ni l'un ni l'autre ait prévalu.

Mon ignorance, je vous l'ai déjà dit, était extrême; ma tante le sentit; elle se hâta d'appeler aux Trembles un précepteur, jeune maître d'étude du collège d'Ormesson. C'était un esprit bien fait, simple, direct, précis, nourri de lectures, ayant un avis sur tout, prompt à agir, mais jamais avant d'avoir discuté les motifs de ses actes, très-pratique et forcément très-ambitieux. Je n'ai vu personne entrer dans la vie avec moins d'idéal et plus de sang-froid, ni envisager sa destinée d'un regard plus ferme, en y comptant aussi peu de ressources. Il avait l'œil clair, le geste libre, la parole nette, et juste assez d'agrément de tournure et d'esprit pour se glisser inaperçu dans les foules. Il dépendait d'un tel caractère, aux prises avec le mien, qui lui ressemblait si peu, de me faire beaucoup souffrir; mais j'ajouterai qu'avec une bonté d'âme réelle, il avait une

chính-trực. Cái bản-tính bất-túc của ông bầm-sinh vốn thế nhưng cái bản-tính ấy không đến nỗi nhiều nơi khuyết-sử vì đã có nhiều cái tính-chất đặc-biệt thay vào những cái đức-tính khiếm-khuyết và làm cho cái bản-tính kia hình như không thiếu một chút gì. Ông ta vừa đúng 24 tuổi, mà người ta tưởng đến ngót ba mươi. Tên thánh của ông là Augustin : từ bây giờ đến dịp sau, tôi hãy cứ lấy tên ấy mà gọi vậy.

Ông ta vừa đến ở lâu Trembles thì cái đời tôi cũng có thay-đổi, mà không thay đổi thì ít ra cũng chia làm hai phần được. Những thói cũ tôi không bỏ, song tôi bị cưỡng-bách phải tập quen những thói mới khác. Tôi có sách, có vở, có thì giờ học tập ; nhưng những cái đó chỉ tỏ làm cho tôi càng hám chơi-bời trong những giờ nghỉ việc. Mà tôi càng cần tiêu-khiển bao nhiêu thì cái lòng tôi thú cảnh lâm-toàn lại càng tăng-tiến lên bấy nhiêu.

Giáo ấy, lâu Trembles cũng không khác gì bây giờ. Thế thì giáo ấy lâu Trembles vui hơn hay là buồn hơn bây giờ ? Trẻ con có một cái đặc-tính thường làm vui-vẻ cũng như là thường làm to-lớn những sự quanh mành vậy, nhưng cái đặc-tính vui vẻ ấy thường sau này lại hóa giảm bớt đi thành ra buồn rầu mà không có một cái duyên cớ gì hiển-nhiên cả, duy chỉ bởi cái mục-đích bây giờ khác xưa mà thôi. Lão An-Di mà ông đã biết, từ sáu mươi năm nay ở trong lâu này không ra khỏi cửa có thường bảo tôi rằng giáo ấy ở đây mọi việc cũng sơ-sấn như bây giờ. Tôi sớm liễm cái thói viết các chữ số và động tý gì cũng đóng xi ghi nhớ. Nay giá-dụ cái trí nhớ câu truyện tôi này có phần khuyết-diễm thì cái thói kia sẽ có thể giúp tôi nhớ dần lại được. Vì thế cho nên có lắm lúc những năm giờ đằng đằng nó làm cho tôi xa cách hẳn cái thời-kỳ mà tôi nói tới đây cũng tiêu-tán qua loa đi, lại có lắm lúc tôi quên rằng tôi đã sống từ trước đến giờ, tôi đã phải săn sóc đến lắm việc hệ-trọng, trải qua nhiều nỗi vui buồn kia khác và gặp được lắm lẽ ái-ân đưng-dẫn hơn nhiều. Sự đó chắc ông cũng lượng biết vì cảnh vật đã nguyên như cũ, đời cũng không khác gì xưa ; ấy cũng tý như một cái vết đi cũ mà bây giờ lại tụt chân xuống. Mà nếu ông tha thứ cho, tôi xin tỏ sự đó như một vết thương cũ đã khỏi hẳn nhưng chưa tiết nọc, thốt-nhiên lại tung ra và làm cho ta phải đau-đớn kêu ca nếu ta không nén lòng giữ miệng. Tôi sợ dĩ lấy cái

droiture de sentiments et une rectitude d'esprit à toute épreuve. C'était le propre de cette nature incomplète, et pourtant sans trop de lacunes, de posséder certaines facultés dominantes qui lui tenaient lieu des qualités absentes, et de se compléter elle-même en n'y laissant pas supposer le moindre vide. On lui eût donné tout près de trente ans, quoiqu'il en eût tout juste vingt-quatre. Son nom de baptême était Augustin : jusqu'à nouvel ordre, je l'appellerai ainsi.

Aussitôt qu'il fut installé près de nous, ma vie changea, en ce sens du moins qu'on en fit deux parts. Je ne renonçai point aux habitudes prises, mais on m'en imposa de nouvelles. J'eus des livres, des cahiers d'étude, des heures de travail ; je n'en contractai qu'un goût plus vif pour les distractions permises aux heures du repos, et ce que je puis appeler ma passion pour la compagnie ne fit que grandir avec le besoin de divertissements.

La maison des Trembles était alors ce que vous la voyez. Était-elle plus gaie ou plus triste ? Les enfants ont une disposition qui les porte à tellement égayer comme à grandir ce qui les entoure, que plus tard tout diminue et s'attriste sans cause apparente, et seulement parce que le point de vue n'est plus le même. André que vous connaissez, et qui n'est pas sorti de la maison depuis soixante ans, m'a dit bien souvent que chaque chose s'y passait à peu près comme aujourd'hui. La manie, que je contractai de bonne heure, d'écrire mon chiffre, et à tout propos de poser des scellés commémoratifs, servirait au reste à redresser mes souvenirs, si mes souvenirs sur ce point n'étaient pas infailibles. Aussi il y a des moments, vous comprendrez cela, où les longues années qui me séparent de l'époque dont je vous parle disparaissent, où j'oublie que j'ai vécu depuis, qu'il m'est venu des soins plus graves, des causes de joie ou de tristesse différentes, et des raisons de m'attendrir beaucoup plus sérieuses. Les choses étant demeurées les mêmes, je vis de même ; c'est comme une ancienne ornière où l'on retombe, et, permettez-moi cette image, un peu plus conforme à ce que j'éprouve, comme une ancienne plaie parfaitement guérie, mais sensible, qui tout à coup se ranime, et, si l'on osait, vous ferait crier. Imaginez qu'avant de partir pour le collège, où j'allai tard, pas un seul jour je ne perdis de vue ce clocher que vous voyez là-bas, vivant aux mêmes lieux,

tỷ-dụ ấy là vì nó hợp với cái cảm-súc của tôi hơn ít nhiều. Xin ông hãy tưởng-trong ra rằng trước khi tôi ra tỉnh học mà tôi đi học như thê đã là chẻ rồi, không có một ngày nào tôi nhãng trông cái gác chuông ở trước mắt ông kia bấy lâu vẫn đứng sững nguyên-vị mà không thay-đổi tý gì ; ông lại nên biết cho rằng bây giờ tôi thấy cảnh cũ chẳng khác gì xưa mà người ta lại đối-đãi với cảnh-vật ấy một cách đặc-biệt khiến tôi nhận ra và sinh lòng yêu mến. Ông cũng nên biết rằng một lý-kỷ-niệm gì ở trong cái thời-kỳ ấy tôi cũng không quên, mà có thể nói là tôi cũng không hơi quên được. Và ông chớ lấy làm lạ vì thấy tôi vu-vơ nói cho ông nghe những sự phảng-phất thuở xưa . nó có cái mãnh-lực cố-nhiên làm cho tôi trẻ người lại có lẽ thành ra ấu-trĩ cũng nên. Ấy vì thê nên có những tên, nhất là những tên nhiều chỗ mà tôi không bao giờ có thể nói đến một cách mạnh-bạo ; trong những tên ấy, lầu Trembles tức là một vậy.

Cho ông hết sức nhận-biết lầu ấy cũng kỹ-càng như tôi mặc lòng, tôi muốn tỏ cho ông hiểu rõ cái thú của tôi ở đó cũng không dễ hơn được chút nào. Thê mà cái gì ở đó cũng thú thật, cả đến cái vườn rất xoàng-xĩnh mà ông đã biết cũng thê. Vườn có cây cối là vật hiếm trong miền, lại có nhiều chim, chim yêu cây-cối và chỉ ở cây-cối thôi. Vườn lại có nơi trật-tự, có chỗ hỗn-tạp, lại có những lối đi rải cát ăn liền với bụi thêm đến tận bức hàng giào thưa, những lối đi rải cát ấy làm đẹp lòng những người như tôi vốn ưa các chốn mà mình có thể đường-bê rong-chơi, mà đàn-bà trong cái thời-kỳ khác có thể diện-bộ áo-quần sang-trọng được. Rồi lại có những só tối om, những ngả tư ẩm-ướt : ở đó mặt giới chỉ gọi là hơi chiều tới thôi, quanh năm rêu mọc xanh dì ở trên một bãi đất sộp như bột bẻ và có nhiều hang sâu duy tôi ưa dên ; những hang ấy có vẻ đỏi-bại, không ai nhìn-nhận, và nói về phương-diện khác thì lại khiến tôi nhớ việc đã qua ; đó là một điều cảm-giác nó chẳng làm rầu lòng tôi chỉ trong thời kỳ-vãng ấy. Tôi còn nhớ rằng khi xưa tôi ngồi trên những ngọn ngâu cao ngất ở đôi bên lối đi đã cắt bằng-phẳng. Tôi hỏi tuổi những cây đó thì mới biết nó cổ-thụ ghê quá, tôi xem-xét những cây ấy một cách tò-mò đặc-biệt ; lão An-di bảo rằng những cây nhỏ ấy cũng cổ bằng những viên đá cổ

dans les mêmes habitudes, que je retrouve aujourd'hui les objets d'autrefois comme autrefois, et dans l'acception qui me les fit connaître et me les fit aimer. Sachez que pas un seul souvenir de cette époque n'est effacé, je devrais dire affaibli. Et ne vous étonnez pas si je divague en vous parlant de réminiscences qui ont la puissance certaine de me rajeunir au point de me rendre enfant. Aussi bien il y a des noms, des noms de lieux surtout, que je n'ai jamais pu prononcer de sang-froid : le nom des Trembles est de ce nombre.

Vous auriez beau connaître les Tembles aussi bien que moi, je n'en aurais pas moins beaucoup de peine à vous faire comprendre ce que j'y trouvais de délicieux. Et pourtant tout y était délicieux, tout, jusqu'au jardin, qui, vous le savez cependant, est bien modeste. Il y avait des arbres, chose rare dans notre pays, et beaucoup d'oiseaux, qui aiment les arbres et qui n'auraient pu se loger ailleurs. Il y avait de l'ordre et du désordre, des allées sablées faisant suite à des perrons, menant à des grilles, et qui flattaient un certain goût que j'ai toujours eu pour les lieux où l'on se promène avec quelque appareil, où les femmes d'une autre époque auraient pu déployer des robes de cérémonie. Puis des coins obscurs, des carrefours humides où le soleil n'arrivait qu'à peine, où toute l'année des mousses verdâtres poussaient dans une terre spongieuse, des retraites visitées de moi seul, avaient des airs de vétusté, d'abandon, et sous une autre forme me rappelaient le passé, impression qui dès lors ne me déplaisait pas. Je m'asseyais, je m'en souviens, sur de hauts buis taillés en banquettes qui garnissaient le bord des allées. Je m'informais de leur âge, ils étaient horriblement vieux, et j'examinais avec des curiosités particulières ces petits arbustes, aussi âgés, me disait André, que les plus vieilles pierres de la maison, que mon père n'avait pas vu planter, ni mon grand-père, ni le père de celui-ci. Puis, le soir, il arrivait une heure où tout ébat cessait. Je me

nhất ở trong lầu, cha tôi cũng không được thấy giồng, mà cả ông tôi cho đến cụ tôi cũng thế. Rồi, chiều đèn, có một lúc kia im-lặng như tờ, tôi đứng lãnh lên chốc thềm trông ra cuối vườn góc tước thấy những cây hạnh-đào là cây bị gió thánng chín trụi lá trước nhất. Những khe cành cây ấy trông suốt ra phía mặt giới tà đồ ửng thì có một cái vẻ đẹp kỳ-khôi. Trong vườn-hạ còn lắm thứ cây gỗ trắng, cây thung, cây chúc-đào, sáo mỏ đỏ và sáo mỏ vàng tới ở đó hàng đàn trong suốt mùa thu; trông ra xa ít nữa lại thấy một khóm sồi to, ấy là những cây rụng lá cuối cùng cũng như nầy mầm sau rôt, những cây này lá vàng đến tận thánng chạp là khoảng rừng cây đã hình như tắt-nghi, chim khách đã đến làm tổ, những giồng điều lớn đã đến đậu cao, những con «gie», con quạ mà mùa đông đưa đến trong hạt trước hơn những con gie con quạ khác đã tới đồ nghi.

Mỗi mùa đưa lại cho chúng tôi một thứ chim, mỗi thứ chim lại tự chọn lấy tổ ở : chim mùa xuân thì tìm cây có hoa, chim mùa thu thì tìm cây cao hơn, còn chim mùa đông thì vào bụi rậm-rạp gai-góc, những cây chúc-đào. Nhiều lần đang giữa mùa đông hay là đang độ sương mù mới có, chợt một buổi sáng kia, một con chim lạ bay đến một nơi rừng cấm quanh hieu, chim này vỗ cánh một cách bất-thường, nó bay hung-hăng lắm, tuy có nhanh-nhẹn thật, song cũng hơi vụng-về. Ấy là một con rẽ lớn mới lại đem qua, nó đập cành cây nhoi lên và lặn vào các mầm cây to trụi lá, thỉnh-thoảng nó chỉ lộ ra một chút dề thò cái mỏ dài thẳng tuột của nó ra thôi. Rồi thì mãi đến năm sau, cùng vào độ ấy, cũng một chỗ ấy, người ta lại mới thấy có rẽ lớn bay về, tưởng chừng như vẫn có một con trước kia đã qua chốn đó vậy.

Đến thánng năm, chim gáy rừng cùng bay về với tu-hú. Nó gáy, nó kêu êm-ái và cách quăng dài, nhưng nhất là trong những buổi chiều ấm-áp và khi trên không-khí hình như có sự gì sản ra nhựa mới, nở ra xuân xanh vậy. Có nhiều đêm dài dằng-dặc tôi không ngủ mấy, giăng sáng mập-mờ, thỉnh-thoảng lại lấm-tấm hạt mưa ấm-áp mà nhẹ-nhàng bình-tĩnh hình như giọt châu của người vui quá nhỏ-xa. Ấy suốt đêm như những đêm ấy, ở trong giữa đám lá tối om, ở nơi địa-giới vườn-tước, ở trong

retirais au sommet du perrou, et de là je regardais au fond du jardin, à l'angle du parc, les amandiers, les premiers arbres dont le vent de septembre enlevât les feuilles, et qui formaient un transparent bizarre sur la tenture flamboyante du soleil couchant. Dans le parc, il y avait beaucoup d'arbres blancs, de frênes et de lauriers, où les grives et les merles habitaient en foule pendant l'automne; mais ce qu'on apercevait de plus loin, c'était un groupe de grands chênes, les derniers à se dépouiller comme à verdir, qui gardaient leurs frondaisons roussâtres jusqu'en décembre et quand déjà le bois tout entier paraissait mort, où les pies nichaient, où perchaient les oiseaux de haut vol, où se posaient toujours les premiers geais et les premiers corbeaux que l'hiver amenait régulièrement dans le pays.

Chaque saison nous ramenait ses hôtes, et chacun d'eux choisissait aussitôt ses logements, les oiseaux de printemps dans les arbres à fleurs, ceux d'automne un peu plus haut, ceux d'hiver dans les broussailles, les buissons persistants et les lauriers. Quelquefois en plein hiver ou bien aux premières brumes un matin, un oiseau plus rare s'envolait à l'endroit du bois le plus abandonné avec un battement d'ailes inconnu, très-bruyant et un peu gauche, quoique rapide. C'était une bécasse arrivée la nuit; elle montait en battant les branches et se glissait entre les rameaux des grands arbres nus; à peine apparaissait-elle une seconde, de manière à montrer son long bec droit. Puis on n'en rencontrait plus que l'année suivante, à la même époque, au même lieu, à ce point qu'il semblait que c'était le même émigrant qui revenait.

Des tourterelles de bois arrivaient en mai, en même temps que les coucous. Ils murmuraient doucement à de longs intervalles, surtout par des soirées tièdes, et quand il y avait dans l'air je ne sais quel épanouissement plus actif de sève nouvelle et de jeunesse. Dans les profondeurs des feuillages, sur la limite du jardin, dans les cerisiers blancs, dans les trênes en fleur, dans les lilas chargés de bouquets et d'aromes, toute la nuit, pendant ces longues nuits où je dormais peu, où la lune éclairait, où la pluie

khóm anh-đào trắng, ở trong cụm bạch-lạp nở hoa, ở trong giàn đình-hương thơm nức, con chim họa-my thường hót véo von, làm cho tôi khi tủi, khi buồn, khi vui, khi sướng.. Khi thời-tiết khó ở, nó cũng nín hơi; hễ mặt trời tỏ-rạng, gió thổi hiu-hiu, nó hi-vọng mùa rét sắp qua, mùa hè gần tới thì nó lại lên tiếng véo-von. Rồi thì người ta vắng nghe tiếng nó, ấy là nó đã ấp xong. Và ít lâu nữa, vào khoảng cuối tháng sáu, trong một ngày nóng-nực kia, tôi trông thấy ở giữa đám cành to rậm lá có một con chim mùi sặc-sỡ, ra ý sợ hãi như ở đâu xa đến, nhảy lên nhảy xuống loạng-choa loạng-choạng một mình rồi cất cánh vù bay: ấy là con chim mùa xuân nó đã từ-giã chúng tôi mà đi nơi khác.

Ở ngoài thì cỏ khô đã vàng sắp chín. Gỗ cành nho già nhất đã nẻ toác ra; còn vườn nho thì đã bắt đầu đâm nhánh. Lúa mỳ xanh tận chân giò, trông xa ra cánh đồng gió thổi như sóng rợn vẫn thấy xanh xanh, nhưng thỉnh-thoảng có bãi cỏ long-đảm đỏ trói, có đám rau du-thái làm cho lóa mắt người ta như những miếng vuông vàng. Nhờ bóng mặt trời tháng sáu cơ-man nào là sâu bọ bướm ong chim-chóc ngộ-nghĩnh cũng vận-động sinh-sản bành-trướng một cách xưa nay chưa từng có. Ngày thì trên giòi đầy én, dền chiều, sau khi đàn nhạn rít kêu đuổi nhau, lại đám giòi kéo ra: thật là một đám kỳ-khôi hình như nhờ buổi chiều âm-áp mà tái-sinh vậy. Tức thì nó lượn quanh những gác chuông nhỏ trong buổi tối giòi. Kê dền mùa gặt cỏ khô thì sự sinh-hoạt ở chôn dân-quê chỉ là một vụ hội-hè nao-nhiệt thôi. Đó là một việc công-cộng to-lớn trước tiên nó khiến cho bao ngựa xe phải kéo ra đầy-dủ và bao thợ-thuyền cùng họp nhau ở một chỗ.

Khi người ta hái cỏ, khi người ta sới cỏ, tôi cũng có đấy, nhiều lần tôi lại để cho xe tải đầy cỏ trở về kéo tôi đi nữa. Tôi nằm sát bụng ở trên trục đồng cỏ như một đứa trẻ nằm trong giường rộng, bánh xe lăn trên cỏ gặt nhẹ-nhàng như vồng đưa tôi giập-giềnh; thế là tôi ở một chỗ cao hơn mọi lân mà trông ra chân giòi xa tít như không tận, không cùng vậy. Ngoài cái diềm đồng cỏ xanh tôi trông thấy bề đi xa tít phương giòi; chim-chóc cũng bay gần tôi hơn trước; tôi chẳng hay rằng cái khoảng không-khí mênh-mông, cái chốn không-trung bát-ngát có cái cảm-giác nồng-nàn gì nó khiến tôi quên

quelquefois tombait, paisible, chaude et sans bruit, comme des pleurs de joie, — pour mes délices et pour mon tourment, toute la nuit les rossignols chantaient. Dès que le temps était triste, ils se taisaient; ils reprenaient avec le soleil, avec les vents plus doux, avec l'espoir de l'été prochain. Puis, les couvées faites, on ne les entendait plus. Et quelquefois, à la fin de juin, par un jour brûlant, dans la robuste épaisseur d'un arbre en pleines feuilles, je voyais un petit oiseau muet et de couleur douteuse, peureux, dépaysé, qui errait tout seul et prenait son vol: c'était l'oiseau du printemps qui nous quittait.

Au dehors, les foins blondissaient prêts à mûrir. Le bois des plus vieux sarments éclatait; la vigne montrait ses premiers bourgeons. Les blés étaient verts; ils s'étendaient au loin dans la plaine onduleuse, où les sainfoins se teignaient d'amarante, où les colzas éblouissaient la vue comme des carrés d'or. Un monde infini d'insectes, de papillons, d'oiseaux agrestes, s'agitait, se multipliait à ce soleil de juin dans une expansion inouïe. Les hirondelles remplissaient l'air, et le soir, quand les martinets avaient fini de se poursuivre avec leurs cris aigus, alors les chauves-souris sortaient, et ce bizarre essaim, qui semblait ressuscité par les soirées chaudes, commençait ses rondes nocturnes autour des clochetons. La récolte des foins venue, la vie des compagnes n'était plus qu'une fête. C'était le premier grand travail en commun qui fit sortir les attelages au complet et réunît sur un même point un grand nombre de travailleurs.

J'étais là quand on fauchait là quand on relevait les fourrages, et je me laissais emmener par les chariots qui revenaient avec leurs immenses charges. Etendu tout à fait à plat sur le sommet de la charge, comme un enfant couché dans un énorme lit, et balancé par le mouvement doux de la voiture roulant sur des herbes coupées, je regardais de plus haut que d'habitude un horizon qui me semblait n'avoir plus de fin. Je voyais la mer s'étendre à perte de vue par-dessus la lisière verdoyante des champs; les oiseaux passaient plus près de moi; je ne sais quelle enivrante sensation d'un air plus large, d'une étendue plus vaste, me faisait perdre

hắn thực-sự ở đời trong một lát ấy. Cỏ khô hầu vừa tái hết thì lúa mỳ đã thấy vàng loe. Thế là lại làm ăn vận-dộng như trước, chỉ khác rằng mùa ấm hơn và giờ nắng hơn, thành ra lúc thì gió thổi mạnh, lúc lại lặng như tờ, trưa thì nóng bức, đêm thì thanh-thú như lúc bình-minh và những ngày giông-tố thì điện-khí hăng-hái khác thường. Không say-sưa mấy lại phú-túc hơn, những đồng lượm thóc vút xuống một khoảng đất đã chán sinh-sôi và đã giầy nắng-nực : ấy là quang-cảnh mùa hè. Mùa thu ở xứ chúng tôi, ông đã từng biết, ấy là một mùa sở-vọng. Rồi thì đến mùa đông ; thế là cái vòng một năm giờ đóng lại đó. Mùa ấy tôi thường ở trong phòng hơn mọi mùa ít nhiều ; mắt tôi lúc nào cũng mở rõ, tôi hay áp mặt trông qua những đám sương mù tháng chạp cùng là những hàng nước mưa rài-rộng vô-cùng che-phủ sớm quê như một cái tang-phục tôi đen hơn là sương muối.

Nhờ vì cây-còi trơ-trụi cả, tôi trông toát được hết cái địa-giới của vườn-tược. Tưởng không có sự gì làm cho vườn ấy lớn-lao bằng một đám sương mong-mạnh mùa đông nó làm cho những chỗ ở xa xanh mầu da gò và những đường đi lối lại không biết ngắn dài thế nào là đích-sác. Tiếng-tấm cũng thây vắng ngắt, hay là chỉ có ít thôi, nhưng đã có tiếng nào là tiếng rõ-ràng minh-bạch hơn xưa. Nhất là buổi chiều và ban đêm thì trong không-khí có một cái tiếng âm đặc-biệt. Trong những lời đi im-lặng và vắng tanh, đầy những không-khí ẩm-ướt và tĩnh không có một sự gì nào-dộng, tiếng một con chim chích bờ tường kêu xa đi mãi mãi, không có sự gì cản-ngăn. Khi đó, tại lâu Trembles, có một sự bình-tĩnh ở đâu xa xuống, không sao tả ra lời được, trong bốn tháng giờ mùa đông ấy, tôi cô nhật-nhanh, thu-góp, hội-hợp cả cái thế-gian biến-hoá tinh-vi đầy những sự viển-vông, những hương ngào-ngạt, những hình-ảnh, những tiếng-tấm lại, không để nó thoát đi, vì nó đã hết như ảo-mộng. vì nó đã khiến tôi sinh-trưởng được một cách hoạt-động suốt tám tháng giờ kia trong một năm dài đặng-đặng.

Ông Augustin chiếm ngay lấy tôi. Nhờ có thời-tiết trong mùa ấy giúp sức, thành ra ông ấy hầu được đặc-quyền dạy cả thân tôi, tôi hết sức học-hành để chuộc lại cái vong-ký những ngày qua chơi vô-sự. Nhưng những ngày ấy chắc có vô-ích thật không?

un moment la notion de la vie réelle. Presque aussitôt les foins rentrés, c'étaient les blés qui jaunissaient. Même travail alors, même mouvement, dans une saison plus chaude, sous un soleil plus cru : — des vents violents alternant avec des calmes plats, des midis accablants, des nuits belles comme des aurores, et l'irritante électricité des jours orageux. Moins d'ivresse avec plus d'abondance, des monceaux de gerbes tombant sur une terre lasse de produire et consumée de soleil : voilà l'été. Vous connaissez l'automne dans nos pays, c'est la saison bénie. Puis l'hiver arrivait; le cercle de l'année se refermait sur lui. J'habitais un peu plus ma chambre ; mes yeux, toujours en éveil, s'exerçaient encore à percer les brouillards de décembre et les immenses rideaux de pluie qui couvraient la compagne d'un deuil plus sombre que les frimas.

Les arbres entièrement dépouillés, j'embrassais mieux l'étendue du parc. Rien ne le grandissait comme un léger brouillard d'hiver qui en bleuissait les profondeurs et trompait sur les vraies distances. Plus de bruit, ou fort peu ; mais chaque note plus distincte. Une sonorité extrême dans l'air, surtout le soir et la nuit. Le chant d'un roitelet de muraille se prolongeait à l'infini dans des allées muettes et vides, sans obstacle au son, imbibées d'air humide et pénétrées de silence. Le recueillement qui descendait alors sur les Trembles était inexprimable ; pendant quatre mois d'hiver, j'amassais dans ce lieu où je vous parle, je condensais, je concentrais, je forçais à ne plus jamais s'échapper, ce monde ailé, subtil, de visions et d'odeur, de bruit et d'images qui m'avait fait vivre pendant les huit autres mois de l'année d'une vie si active et qui ressemblait si bien à des rêves.

Augustin s'emparait de moi. La saison lui venait en aide ; je lui appartenais alors presque sans partage, et j'expiais de mon mieux ce long oubli de tant de jours sans emploi. Étaient-ils sans profit ?